

PHẬT THÍCH-CA NÓI KINH A-DI-ĐÀ NGÀI VÂN-THÊ LÀM LỜI SỚ-SAO

QUYỀN THỨ BA

Đất Cờ-Hàng, chùa Vân-Thê, Sa-Môn Chu-Hoàng thuật.

THIÊN-NHẠC VŨ-HOA (phân ra làm bốn phần)

- 1.- Thiên-nhạc : (nhạc trời)
- 2.- Kim địa : (đất vàng)
- 3.- Vũ hoa : (tuôn hoa)
- 4.- Tổng kết : (tóm kết)

THIÊN-NHẠC

Lại này nữa Xá-Lợi-Phất ! Cõi nước của Phật kia thường trỗi nhạc trời.

SỚ : Văn trước kê ao báu. Văn đây nói trên đất bằng vàng, có hoa trời, nhạc trời xen lẫn chói-hực. Nhạc trời là khác với nhạc đời vậy. Thường trỗi là không hờ dứt vậy.

SAO : Khác với nhạc đời là : Kinh Đại-Bồ-n nói : Cõi trời thứ nhứt có 4 vua Trời và các vị Thiên-nhơn đem trăm ngàn món hương hoa, trăm ngàn tiếng âm-nhạc đề cúng-dường Phật và các vị Bồ-Tát, chúng Thánh-Văn. Cõi Trời thứ hai : Trời Đế-Thích (Đức chúa Trời) và 32 vua trời, với cả các đức chúa trời ở Dục-giới cho đến thứ bảy là cõi trời Phạm (phạm-thiên), tất cả các trời đều đem hoa thơm, nhạc hay của mỗi cõi lần lượt gắp bội phần, đem dâng cúng Phật và Đại-Chúng.

Lại nói : Cũng có tự nhiên muôn món kỹ-nhạc, không món nào là chẳng phải tiếng nói pháp, thanh tao thanh thoát, rõ hay thanh nhã ; tất cả các tiếng tằm khác không thể sánh kịp.

Quán-Kinh nói : Có vô-lượng các vị trời và thần trời tiếng nhạc Trời, lại có các món đồ âm-nhạc, như : treo tòn-ten ở trên hư-không, tợ hồ cái bửu-tràng của trời Đế-Thích không ai khảy mà nó tự kêu. Vì thế những tiếng nhạc của các vị Thiên-nhơn đánh kia, không phải trong nhơn gian này có được. Cho nên nói khác với nhạc đời vậy.

Không hở dứt là : Nhạc đời cần người, có đánh có nghĩ. Nhạc Trời tự kêu, cho nên nói thường trời vậy. Nay người niệm Phật, ngày lâm-chung, có nhạc trời rước trên không, chính cõi tịnh-độ, mới có nhạc trời thường trời vậy (Trời : Thiên-nhiên ; tự-nhiên : nghĩa là sẵn sàng).

SỐ : Xứng lý thời tự tánh, có muôn đức dung hòa, là nghĩa thiên-nhạc.

SAO : Tự-tánh như thật không, thời chẳng dính một mảy trần ; như thật chẳng không, thời lẫn bày muôn đức, điều-hòa và xuôi-thuận chẳng trái, đắm thắm một mực không sai. Mức nhẩn-tẩn (nhẩn-nhục, tinh tấn) vừa chừng cao thấp, thời tiếng Quyển reo, tiếng Tri trở ; Bực Chỉ-Quán đều thành Định-Huê, thời tiếng khánh dứt, tiếng chuông khua ; giọng từ-bi thương mà không hại, nhịp hỷ-xả vui mà không đắm (1). Thiên nhạc như thế, chẳng những không khua, lại còn không tiếng. Tiếng Vô lặng, tiếng Cung trầm, nhưng vang cả trời, rền cả đất !

KIM ĐỊA

Vàng rờn làm đất.

SỐ : Văn đây noi theo trước, đề khởi văn san, nói Cực-Lạc thế-giới, trên thời có nhạc-trời, dưới đất có vàng la-liệt. Mà ở trên đất vàng rờn ấy, chẳng những tai nghe tiếng nhạc trời, mắt cũng được thấy hoa trời nữa.

Vàng rờn là : nói trên đất bằng ngọc Lưu-ly xen thêm thứ vàng rờn. Song cũng nhiều thứ báu, không

nhứt-định (Vi tùy công-đức tu niệm Phật đến đâu được đến đó).

SAO : Xen thêm vàng ròng là gì ? Như trong Quán-kinh nói : Thấy đất Lư-ly trong ngoài : ánh suốt. Dưới có trụ kim-tràng bằng ngọc kim-cang thất-bảo, đỡ đội trái đất Lư-ly. Hình tràng có tám khía bằng trăm món báu hiệp thành, mỗi thứ ngọc báu phóng ra hàng nghìn tia sáng, mỗi mỗi ánh sáng có tám vạn bốn nghìn màu sắc, chói hực trên quả đất Lư-ly, như ức nghìn mặt nhứt. Trên quả đất Lư-ly, có các dây bằng vàng ròng, lộn-lao xen nhau, lại có bảy thứ ngọc báu làm giới hạn chừng ngăn ranh rẽ.

Cứ đây thời quả đất vốn là Lư-ly, mà vàng ròng lại là món trang-nghiêm đề cần lót ngăn ranh trên mặt đất vậy.

Kinh Đại-Bổn nói : Cõi kia tự-nhiên (sẵn có) bảy món báu, thể tánh nó mềm-mại ấm-áp, xen nhau làm đất. Hoặc chỗ thì thuần một món báu, ánh hào-quang chói-vọi, vượt khỏi mười phương, rộng rãi thênh-thang không thể cùng tốt, đất đều bằng-phẳng không có núi Tu-di, và các non, biển, hầm, hố, giếng, hang và các chỗ u-ám.

Cứ đây, thời cũng có thể nói : Cõi đất kia chỉ toàn là bằng vàng ròng. Bởi vì nước kia rộng lớn, chẳng những một góc Vàng ròng hay Lư-ly đó là chỉ nói một, hoặc hai món báu đó thôi. Thật ra cả các món báu hợp thành cõi đất, thể thì sẽ còn ngọc báu nhiều đến vô cùng !

SỞ : Xứng-lý, thời tự-tánh chơn-như bình-đẳng, là nghĩa đất vàng.

SAO : Chơn-như, thời không tạp, không uế, không đồi, không dơ, trái muôn kiếp mà thường mời. Bình-đẳng thời chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng thấp, là chỗ nghìn bậc Thánh, chung nơi (đi). Phật Tỳ-Xá Như-Lai nói : Trước phải bình cái tâm-địa, thời thể-giới mới bình (2). Như Ông Xá-Lợi-Phất, tâm có cao thấp mới thấy cõi này, gò nổi, hầm hố. Cho nên chỗ đi của mỗi người là vàng ròng, đầu đội đức Như-Lai lấy ngón chơn nhấn dưới đất (3).

VŨ HOA (phân ra làm ba phần)

- 1.- Thiên vũ Diệu hoa : (Trời rải bốn thứ hoa quý)
- 2.- Trì dĩ cúng Phật : (chúng đem hoa cúng Phật)
- 3.- Cúng dĩ tự thích : (cúng rồi tự vui sướng)

THIÊN VŨ DIỆU HOA

Ngày đêm sáu thời trời rải hoa Đà-La.

SỜ : Nói trên quả đất vàng ròng đây, thường rải hoa tốt đẹp vậy. Cõi kia không núi tu-di, và mặt nhật, mặt nguyệt, mà nói sáu thời là lấy hoa nở chim kêu làm chừng vậy.

Hội niệm Phật ở non Lô-Sơn, dùng cái Đồng-hồ hình hoa sen, là phỏng theo ý kinh này.

SAO : Cõi này mặt nhật, mặt nguyệt xoay vòng quanh núi Tu-di, mà phân ra ngày đêm. Như vị-trí Châu Thiệm-Bộ chính ngay phía Nam núi Tu-di. Ban ngày, lúc hừng sáng là mặt nhật đi đã đến phân nửa Đông châu ; kế nó vòng qua Nam châu ; lúc cuối ngày là mặt nhật đi đã đến phân nửa Tây châu. Ban đêm : lúc đầu hôm là mặt nhật nó đi đã đến phân nửa Tây châu ; kế nó vòng qua Bắc châu ; lúc cuối đêm là mặt nhật đi đã đến phân nửa Đông châu. Mặt nhật đi giáp một vòng như thế là phối với 12 giờ, 6 giờ ban ngày, 6 giờ ban đêm, là một ngày vậy. Nước kia đã không núi Tu-di, lại không mặt nhật mặt nguyệt, sáng mãi không tối, ngày đêm không phân biệt chỉ lấy hoa nở, chim kêu làm giây ; hoa xấp chim đậu (ngủ) làm đêm vậy. Song với mặt nhật mặt nguyệt có hay không ? Thì các bản dịch nói chẳng đồng, như bản dịch đời nhà Hán nói : Mặt nhật mặt nguyệt ở giữa hư-không. Bản dịch nhà Ngô cũng như nhà Hán. Nhưng Ngài Vương-Nhật-Hưu lại nói : ở giữa hư-không mà không vận chuyển. Bản dịch nhà Tào-Nguy chẳng nói có hay là không. Còn bản dịch nhà Đường và nhà Tống quyết định rằng không có. Nếu hòa-hợp lại để nói, thì là mặt nhật mặt nguyệt tuy có, nhưng do vì hào-quang của Phật và Thánh chúng che lấp ánh sáng, thì dù có cũng như không vậy. Song mà xét cho tốt lý, không có

là phải hơn. Vì sao ? Từ cõi trời Đạo-lợi sắp lên, còn không cần ánh-sáng của mặt nhật, mặt nguyệt. Huống chi nước Cực-Lạc ?

Hay là bản dịch đời nhà Hán, trên hai chữ « nhật nguyệt » thiếu hai chữ « không có » cũng chưa biết được ? ! Vậy nhờ bậc Cao-minh giải rõ cho ! !

Đồng-hồ hình hoa sen là : Tồ Huệ-Viễn lập hội nhóm chúng niệm Phật tại non Khuôn-Lô, chạm cây làm hình hoa sen, đủ 12 cánh, dẫn giọt nước chảy vô ao hồ, chia phiên niệm Phật, mỗi một giờ là nước ngập một cánh ; ngày đêm 6 thời, thiền tụng không trễ, các bậc hội viên tu niệm Phật được vãng sanh rất nhiều. Người đời nay phân thời tu tịnh-nghiệp, là gốc của Tồ Huệ-Viễn. Tồ Huệ-Viễn, căn cứ nơi kinh này.

SỞ : Mạn-Đà-La, là : Tên hoa trên trời đây dịch là Thích-ý. Lại dịch Bạch hoa. Trời rải hoa là : Khen ngợi Đạo-đức, như sự tích Ông Không-Sanh (Tu-Bồ-Đề) và trời Đế-Thích.

SAO : Bạch-hoa là gì ? Hoa trời nhiều thứ, như : Mạn-Thù-Sa là thứ hoa đỏ. Nay chỉ nói có một thứ hoa trắng, là bột vắn cho gọn. Cũng có thể nói phượng tây thuộc kim, lấy nghĩa là nghiệp trắng sạch.

Thích-ý là gì ? Hoa trời xinh tốt, làm vui đẹp ý người vậy.

Kinh Đại-Bồ-nhĩ nói : Tất cả chư thiên, đều đem trăm nghìn hoa thơm trên cõi trời, đến cúng dường Đức Phật kia, các vị Bồ-Tát, cùng chúng Thánh-Văn.

Khâm khen là gì ? Người đời làm lành, các vị trời hoan hỷ. Huống chi nước kia đức Như-Lai, các vị Bồ-Tát, và Hiền Thánh, toàn là bậc Thượng-thiên cùng nhau nhóm họp, nên trời thần khen ngợi rải hoa, lẽ cố-nhiên, phải vậy. Như Ông Không-Sanh (Tu-Bồ-Đề) và trời Đế-Thích. Ông Không-Sanh (Tu-Bồ-Đề) yên ngồi. Trời Đế-Thích rải hoa Ông Tu-Bồ-Đề hỏi : Ai ở trên không rải hoa đó ? Đáp : Tôi, là Thiên-Đế. Do vì Tồn-Giả nói pháp Bát-Nhã rất hay !

Xem đây nên biết, những người vãng-sanh về Tịnh-Độ, là bậc đều đặn nhứt-tâm bất loạn, thời các vọng-niệm chẳng sanh, muôn pháp vắng-lặng, tức là khéo nói pháp Bát-nhã, cảm-động đến các trời, còn nghi chi nữa ?

SỞ : Lại hoa có hai thứ : 1) Hoa trời, 2) Hoa cây. Nay chỉ nói hoa trời. Là vì hoa trời gồm cả hoa cây vậy.

SAO : Hoa trời là : Từ trên trời rải xuống, nghĩa như văn trước đã giải.

Hoa cây : Kinh Đại-Bồ-n nói : Bốn phương tự nhiên nổi gió, reo ra năm trăm thứ tiếng, thổi các hoa cây. Hoa tiết ra mùi hương lạ, theo gió bay khắp bốn phương, bay đến chỗ các vị Bồ-tát, Thỉnh-Văn Đại-chúng. Hoa rơi xuống đất, chứa đầy bốn tấc, sáng ngời chói mắt, thơm tho không chi bằng. Đến lúc hoa hơi héo, tự-nhiên gió thổi cuốn đi, thế thì cõi kia cũng có rải hoa cây, cho nên nói. Hoa trời đã gồm có Hoa cây là thế.

SỞ : Xứng-lý thời tự-tánh mở tỏ, nghĩa là hoa đẹp.

SAO : Tự tánh còn mê, như hoa còn búp ; Tự-tánh thoát ngộ, như hoa nở xoe. Lại màu sắc rực-rỡ, không vẽ mà thành, mùi thơm bát-ngát, chẳng đi mà đến. Hoa rải tự nơi không, chẳng trồng mà mọc, chẳng hái mà tự-nhiên rơi xuống. Tự-tánh thần-linh thông đạt, cũng lại như thế ?

TRÌ DĨ CÚNG PHẬT

Chúng-sanh cõi kia, thường mỗi bữa sáng sớm. Mỗi người lấy cái y-kích, hứng đựng các thứ hoa, đem đi cúng-dường 10 muôn ức Phật ở phương khác ; ngay trong giờ ăn sớm, về đến nước mình.

SỞ : Văn đây nói trời rải hoa, chúng-sanh lấy đi cúng Phật. Chúng-sanh là : Chư Phật ra, còn thì đều là chúng-sanh. Sáng sớm là một trong sáu giờ vậy. Y-kích là : Cái đựng hoa. Cúng Phật rồi trở về nước. Còn trong thời ăn sớm, là vì bay đi bằng phép thần-túc thông vậy.

SAO : *Chừa Phật ra là :* Duy có một mình Phật, riêng xưng là bậc Đại-giác, còn từ bậc Bồ-tát sắp xuống, nhần đến kẻ sơ tâm phạm-phu vãng-sanh về nước kia đều kêu là chúng-sanh với Phật tương-đối.

Một trong sáu thời là : Sáng sớm là thời trước nhưt trong một ngày, lấy buổi sáng sớm đi cúng Phật, là để tỏ lòng chí kính vậy.

Lại lúc sáng là lúc khi đêm còn thanh-mảnh (tươi vui), sáng sớm cúng Phật là dùng tâm còn trong sạch vậy.

Chúng-sanh nước kia, tuy ngày đêm nhưt-tâm (bất-loạn) vốn không thanh trước ; nhưng người chưa chứng lên bậc Phật, còn có chút vô-minh, chạm việc gặp duyên, chỉ cho khỏi xúc động ; cũng lấy lúc vừa rạng sáng, gọi là tâm thanh-mảnh, cũng có thể tùy thuận phương này, mà tạm nói là sáng sớm vậy.

Thường là gì ? Vì mỗi bữa vẫn thường như vậy, vì không nhàm mỗi.

Mỗi người là : Vì mỗi người đều như thế, vì không ai siêng năng, không ai lười biếng. *Đồ đựng hoa :* Ngài Chơn-Đế nói : Y-kích là cái đồ đựng hoa của người ngoại-quốc. Hoặc nói cái y-kham : (giỏ lam). Cũng như lấy vật áo đựng hoa. Nói phương khác là từ nước mình đến phương khác. Đây, không nói nước mình, là bớt văn. *Mười muôn ức đức Phật :* Mỗi một đức Phật là một cõi Đại-thiên, 10 muôn ức là nói chỗ rộng xa vậy.

Thời ăn là : Bữa ăn sớm mai ; sáng sớm đến bữa ăn buổi mai, là thời rất ít ; lấy thời rất ít, cúng Phật rất nhiều, là nói sự đi rất chóng vậy.

Như Kinh Đại-Bồ-n nói : Các vị Bồ-tát nương oai-thần của Phật chứng trong một bữa ăn, khắp đến 10 phương vô-lượng thế-giới, cùng-dường các vị Phật : Đồ hoa hương, kỹ-nhạc, y-phục bảo-cái, tràng phan vô số đồ cùng. Hoặc muốn đựng hoa, thời ở giữa hư-không hóa thành cái Bửu-cái bằng hoa. Khắp 40 dặm, nhần đến sáu trăm, tám trăm dặm, đều y

theo ý muốn lớn nhỏ, đứng dừng giữa hư-không, cái thể nó đều xử xuống, dùng thành pháp cùng-dường. Lại dùng tiếng rất hay để khen ngợi đức Phật, nghe lãnh kinh pháp. Đã cùng-dường xong, thoát nhiên bay bổng, về đến nước mình, còn chưa đến ăn sớm,

Cứ đây, thời có đủ thứ những đồ cùng-dường, lại hóa tràng hoa thành những tán cái, và cùng rồi nghe pháp nữa.

Văn đây chỉ nói dùng hoa cùng-dường, đều là bớt văn vậy.

Thế nào là thần túc ! Như Kinh Đại-Bồ-nhĩ Ngài Pháp-Tạng nguyện rằng : Khi Ta thành Phật, người trong cõi của Ta, đều đặng pháp Thần-túc-thông, trong một phút trải qua trăm nghìn vạn ức số na-do-tha thế-giới.

Lại nguyện rằng : Liền đặng pháp Túc-mạng-thông. Lại nguyện rằng Thiên-nhãn-thông. Lại nguyện rằng : Thiên nhĩ-thông. Lại nguyện rằng : Tha-tâm-thông.

Thế thì biết, người sanh nước kia, sáu phép thần-thông tự-tại, không những bay đi mà thôi ; nhưng đây không nói, cũng là bớt văn vậy.

SỞ : Xét pháp Thần-túc-thông đây, các vị Bồ-tát về bậc Thập-trụ, Thập-hạnh mới có ; như trong kinh Hoa-Nghiêm nói.

SAO : Kinh Hoa-Nghiêm nói : Bậc Bát-trụ Bồ-tát, trong một giây phút dạo đi giáp vô số thế-giới.

Lại trong kinh Thập-Hạnh, lời tụng nói : Cõi Phật vô-biên không có số đếm, vô-lượng chư Phật ở trong đó. Các vị Bồ-tát ở trong đó, thân cận cùng-dường sanh tâm tôn trọng. Thế thời với pháp thần-túc nay đây hàng Tiểu-thừa đâu dễ kịp ư ?

Hỏi : Thế thời ba món ý-sanh thân, sẽ thuộc về bậc nào ?

Đáp : Kinh Lăng-Già nói ba món chia ra thuộc Thỉnh-Văn, Bồ-tát và bậc Đại-thánh (4).

Thời biết người sanh về nước kia, tùy chỗ tu của mình, đều có chỗ sở-chứng, lệ như trong văn cửu phẩm,

SỞ : Xứng-lý thời tự-tánh tự trang-nghiêm, là nghĩa đưng hoa cúng-dường. Tự-tánh tự biến khắp, là nghĩa 10 muôn ức cõi Phật. Tự-tánh tự lặng không, là nghĩa thời ăn về kịp. Tự-tánh tự-trụ, là nghĩa nước mình.

SAO : Tự trang-nghiêm là : Tâm vốn đủ trùm muôn đức trở lại dùng muôn đức để nghiêm-tâm. Đức mà không khoe chỗ đức, nghiêm mà không trụ chỗ nghiêm, đó mới chính là chọn thật cúng-dường.

Kinh Tư-Ích nói : Người mà hay cúng-dường cho Phật ? — Thời người ấy thông-đạt lý vô-sanh.

Kinh Bảo-Võ nói : Kẻ nào Tư-duy đúng như lý, tức là cúng-dường đức Như-Lai đó vậy. Tự biến khắp là : Do tự-tâm khắp tất cả xứ, tức là đều dâng thờ mỗi vị Phật, không bỏ không qua vậy.

Cho nên kinh Duy-Ma nói : Đồng thời cúng-dường, không trước, không sau. Tự lặng không là : Tâm thể vốn vắng không, không thì không tới, không lui. Cho nên chỉ thời ăn về kịp, chỉ đối với sự vất-vả lặn-lội ở phương này mà thôi. Thật ra thời không vượt ra ngoài sát-na (một niệm) đã trở về nước rồi.

Tự-trụ là : Nguồn tâm vắng-lặng, thường trụ không dời đổi ; đó là cái chỗ : Quê Xứ ruộng đất để an thân lập mạng của mỗi người.

Kinh Kim-Cang nói : « Hườn chí bồn xứ » tức như kinh này nói : « Hườn đảo bồn quốc ». Đây mới đáng gọi là vụ-bồn, gọi bằng quân-tử vụ-bồn ; người quân-tử chuyên về việc gốc là bồn-phận.

CÚNG DĨ TỰ THÍCH

Ăn cơm rồi đi kinh-hành.

SỞ : Nương văn trên nói giờ ăn. Cho nên kẻ đây nói việc ăn. Đi kinh-hành là : Nghĩa xoay vòng không dứt. Về rồi ăn, ăn rồi đi là cái đáng thành-thời tự thích vậy.

SAO : Ăn cơm là gì ? Kinh Đại-Bồ-n nói : Những người được vãng-sanh đến giờ ăn cơm, với các bình bằng bạc, bằng vàng, mỗi món bát báu tùy ý muốn thứ nào, tự-nhiên nó hiện ra thứ nấy ; trăm món ẩm-thực đầy-đầy trong đó. Chua, mặn, ngọt, lạt, đều theo sở thích, không dư không thiếu, không vì sự ăn quá lượng, ăn rồi tự tiêu, chứ không còn cặn phần. Hoặc người ăn bằng cách : thấy sắc nghe hương, tưởng lấy làm cách ăn, tự-nhiên no đủ, không đắm thềm chi, thân-tâm nhẹ-nhàng. Ăn xong rồi, các đồ nó tự biến hóa đi, đến giờ ăn nó lại tự hiện ra.

Xoay vòng là : Như đường canh suốt đường chỉ, thôi dệt liền kết, qua lại không thôi vậy. Ăn rồi lại đi là : 1.- Do điều hòa thân-thể, đừng dễ ngưng trệ. 2.- Điều hòa tâm trí, chớ cho buông lung. Thanh-thoi là : Ý nói rào bước tự rồi. Người đời ăn rồi, nếu không giống ruồi việc trần, thời cũng mãi mê giấc ngủ. Còn ở nước kia, ăn rồi đi lẩn bộ bằng cách kinh-hành, là với cái thể dạng giải-thoát, cái trạng thái tiêu-diêu, khá tưởng thấy vậy.

SỞ : Chỉ nói ăn cơm, không nói đến áo mặc v.v...
Chỉ nói đi kinh-hành, không nói đến ngồi nằm v.v... cũng là bớt văn vậy.

SAO : Áo mặc là : Kinh Đại-Bồ-n Ngài Pháp-Tạng nguyên rằng : Khi ta thành Phật người trong cõi của ta, ý muốn có áo mặc, thì nó tùy theo niệm liền đến. Không cần cắt may, nhuộm dập giặt xả, lại còn có vô-lượng đồ y-phục tốt đẹp như : Mào, ngọc, vòng, xuyến, hoa tai, chuỗi anh-lạc, tràng hoa dây chuyền, các ngọc báu rực-rỡ, trăm nghìn sắc đẹp, tự-nhiên hiện ở nơi mình.

Lại nguyên rằng : Còn có vô-lượng : Như-y-diệu-hương : Hương hoa, hương bột, thơm tho bát-ngát khắp cả nước Phật kia. Nên biết không nói áo mặc, vì nói cơm ăn là gồm áo mặc, và tất cả đồ nuôi sống.

Không nói đến sự ngồi nằm đó, Kinh giáo có chia ra bốn pháp Tam-muội : 1.- Thường-hành Tam-muội ; 2.- Thường-tọa Tam-muội ; 3.- Bán hành bán tọa Tam-muội ; 4.- Phi-hành phi-tọa Tam-muội (5).

Chính trong văn đây, thời chỉ có pháp thứ nhứt, song trong hai bộ (Đại-Bồn và kinh này) đều nói người vãng-sanh, ngồi trong hoa sen.

Kinh Ban-Châu Tam-muội : Thời nói đứng, nên biết ; vì nói pháp đi đã gồm pháp ngồi, và luôn bốn oai-nghi vậy.

SỞ : Xưng-lý thời tự-tánh thường Định, là nghĩa ăn cơm. Tự-tánh thường Huệ là nghĩa đi kinh-hành.

SAO : Lấy Thiền-duyet làm món ăn. Cho nên thiền-định có nghĩa ăn. Trí hay vận chuyển ; cho nên huệ có nghĩa đi, như trong Luận lời tụng-nói : Yêu thích mùi pháp của Phật, lấy pháp thiền Tam-muội làm món ăn. Lại Luận Phật-Địa nói : Trong cõi Tịnh-Độ, chư Phật Bồ-tát, hay giảng-thuyết, hay thọ dụng pháp vị Đại-thừa. Lại nữa, đề trí thân chánh-báo thọ dụng mùi vị chơn-như, hay 'giữ-gìn giới-thần huệ-mạng, khiến không đoạn hoại, và nuôi lớn muôn pháp lành, nên có nghĩa gọi là ăn.

Lại Kinh A-Hàm, Luận Duy-thức v.v... đều nói năm món ăn ra khỏi đời : 1.- Thiền-duyet ; 2.- Nguyện ; 3.- Niệm ; 4.- Giải-thoát ; 5.- Pháp-hỷ. Nghĩa là do pháp Thiền-định nuôi-dưỡng tinh-thần, nhẹ-nhàng vui đẹp, đó tức là nghĩa ăn. Sức nguyện giữ-gìn Chánh-pháp, thời pháp-thân tăng-trưởng, tức là nghĩa ăn. Sức niệm nhớ rõ, thời Thánh-Đạo hiện tiền, tức là nghĩa ăn. Giải-thoát là hết chương-nghiệp, hẳn hoi được lợi-ích, tức là nghĩa ăn. Món pháp-hỷ là tu đắc-pháp thì mừng trong tâm đầy đầy, nên no bằng rất vui mừng, tức là nghĩa ăn.

Văn đây chỉ nói pháp Thiền-định là : Nói một gồm bốn. Vì trong pháp Thiền-định, không pháp nào mà chẳng thấu-nhiếp. Kinh Duy-Ma nói : « Người chưa phát ý Đại-thừa, ăn món cơm này, đến chừng phát ý Đại-thừa, mới tiêu ; người đã phát ý đại thừa, dặng quả vô-sanh-nhẫn rồi mới tiêu. Người dặng vô-sanh-nhẫn, đến nhứt-sanh-bồ-xử mới tiêu ».

Kinh Hoa-Nghiêm, văn Cụ-Túc Ưu-Bà-Di nói : « Nếu các vị Bồ-tát nhứt sanh bồ xứ ăn cơm của ta, đều ở dưới cây

Bồ-Đề, thành bậc chánh-giác ». Đều là lý Tự-tánh chơn-như vô-tận, mà làm món ăn vậy.

Đi kinh-hành là : Kinh Tri-Thế nói : Chỗ đi của Đức Như-Lai, là chỗ không đi ; chỗ không đi ấy, là Chơn-Huệ vậy.

Cho nên biết, cầm thìa (muỗng) buông đũa, mỗi miếng không rơi ; giở căng động thân, mỗi bước đạp nhăm... Đâu đặt vui đâu ăn cơm, lướt qua một đời, ngắm nước xem non, uống công muôn dặm.

TỔNG KẾT

Này Xá-Lợi-Phất ! Cõi nước Cực-Lạc thành-tựu Công-đức trang-nghiêm như vậy.

SỞ : Kết văn trên : Nhạc Trời, Hoa Trời v.v... Món món trang-nghiêm, đều do hạnh-nguyện công-đức của Phật kia, mới đặt thành-tựu như thế.

SAO : Nguyên là như Kinh Đại-Bồ-nhĩ Ngài Pháp-Tạng nguyện rằng : Khi Ta thành Phật, từ đất sắp lên, đều có vô-lượng món tap-bảo, trăm nghìn món hương, để hiệp cộng lại làm nên cảnh trang-nghiêm ấy.

Lại nguyện rằng : Khi-ta thành Phật, 10 phương vô ương số thế-giới, chư-thiên, nhơn-dân, nghe danh hiệu Ta, hấp đèn rải hoa cúng-dường.

Lại nguyện rằng : Khi Ta thành Phật, các vị Bồ-tát trong cõi Ta, dùng hương hoa v.v... các món đồ cúng, muốn đến thế-giới phương khác, để cúng-dường các đức Phật, chùng trong bữa ăn, liền đặt khắp đến.

Lại nguyện rằng : Khi Ta thành Phật, người trong cõi của Ta, chùng khi muốn ăn ngay trong bát bần, tự-nhiên có trăm món đồ ẩm-thực, nó hiện ra ở trước, ăn rồi liền hóa đi.

Đến nay Ngài thành Phật, mỗi mỗi lời nguyện của Ngài thảy đều thành-tựu.

Hạnh là như Kinh Đại-Bồ-n nói : Ngài Pháp-Tạng Tỳ-Kheo. Đã phát nguyện rồi, trời mưa hoa mầu, mà rải trên đó.

Lại nguyện rằng : Hoặc làm thầy Tỳ-Kheo ; hoặc làm vị vua trời ; hoặc làm vị vua người, là Luân-vương. Hoặc quan đại-thần, thường đi đến chỗ Phật, dâng thờ cúng-dường.

Lại nguyện rằng : Trong tay thường hóa ra đồ y-phục, đồ ẩm thực, tràng-phan, bảo-cái, tất-cả tiếng âm-nhạc. Đến nay Ngài thành Phật. Như văn trên : Nhạc trời, hoa trời v.v... Các phước báo, cũng đều thành-tựu.



HÓA CẦM PHONG THỌ (phân ra làm ba phần)

- 1.- Hóa cầm diễn pháp : (hóa chim nói pháp)
- 2.- Phong thọ diễn pháp : (gió cây nói kinh)
- 3.- Tổng kết nhị nghiệm : (tóm kết hai món đẹp)

HÓA CẦM DIỄN PHÁP (phân ra làm hai phần)

- 1.- Chánh thị pháp âm (chỉ ngay tiếng pháp)
- 2.- Thích vô ác đạo (rõ không đường dữ)

CHÁNH THỊ PHÁP ÂM (phân ra làm hai phần)

- 1.- Tuyên âm : (rao tiếng pháp)
- 2.- Hoạch ích : (ngheặng lợi ích)

TUYÊN ÂM

Lại nữa, này Xá-Lợi-Phất ! Nước kia thường có các thứ chim ; Kỳ-diệu tạp sắc như : Chim Bạch-hạc, chim Không-Tước, chim Anh-Võ, chim Xá-Lợi, chim Ca-Lăng-Tần-Già, và chim Cộng-mạng, các loài chim ấy, ngày đêm sáu thời, kêu ra những tiếng hòa-nhã, tiếng kia nói rõ các pháp : Ngũ-căn, Ngũ-lực, Thất bồ-đề-phần, Bát thánh-đạo-phần, như vậy.

SỞ : Văn trước nói : Các trời dâng cúng hoa màu. Văn đây nói : Các thứ chim, cây bán, diễn nói thành tiếng các pháp của Phật. Lại văn trước nói : Sự cúng-dường rất thù-thắng. Văn đây nói : Sự nghe pháp rất thù thắng. Mỗi mỗi các món là nói không phải chỉ một món.

Kỳ-diệu là : Cái tốt đẹp lạ thường.

Tạp-sắc là : Nhiều màu sắc, xen lộn rất khéo. Chim Bạch-Hạc v.v... là trong nhiều thứ mà chỉ nói một, hai thứ thôi.

Bạch-Hạc, Khổng-Tước và Anh-võ, là thứ chim ta thường thấy được biết. Chim Xá-Lợi, xem giải văn trước. Chim Ca-Lăng Tần-già : đây dịch là Diệu-Âm : Cộng-mạng có chỗ nói : Mạng-mạng, như vậy các thứ, thấy đều kỳ-diệu. Chẳng phải chim ở cõi phạm sánh kịp.

SAO : Kỳ-diệu là Hình nó khác với loài chim kia, gọi là Kỳ. Tiếng hay gọi là Diệu. Chim Bạch-Hạc ấy : Cõi này cũng bốn thứ Hạc : Đen, Vàng, Xanh, Trắng. Mà hạc trắng thì tốt hơn. Song hạc tuy trắng, nhưng chưa toàn trắng, chẳng phải là chơn Bạch-Hạc vậy. Khổng-tước, Anh-võ, đều là thứ chim được người ở cõi này cho là quý, nên đây riêng nói. Tần-già : Đây dịch là Diệu-Âm, vì khi nó còn ở trong trứng đã có tiếng kêu tốt hơn các thứ chim khác !

Kinh Chánh-Pháp Niệm-xứ nói : Tiếng tốt của chim này, dù tiếng của người, của trời, của thần Khẩn-Na-La v.v... cũng đều không thể bì kịp, chỉ trừ tiếng của Đức Như-Lai, cho nên nói : Diệu-Âm.

Chim Cộng-mạng, cũng nói Mạng-Mạng, cũng nói Sanh-Sanh ; nguyên tên là : Kỳ-Bà Kỳ-Bà-Ca, một mình hai đầu thân quả báo đồng, nhưng thần thức khác, như về đời quá khứ, Đức Thích-Ca và Ông Điều-Đạt từng dọa trong loài chim này (6).

Lại ở non Tuyết-sơn có con chim hai đầu. Một thuyết nói : Chim Ca-Lâu-Trà. Một thuyết nữa nói : Chim Ưu-Ba-Ca-Lâu-Trà, thật vậy. Hình nó cũng dường tượng như nghĩa con

rắn hai đầu : Con chim chín đầu ; con cá nghìn đầu ; nay thợ chạm, hoặc vẽ làm thân người có hai đầu, e sai đó vậy.

Mấy loài chim nói trên. Bốn loại chung có ở nước Chấn-đán (Tàu) hai loại riêng có cõi Tây-càng (Ấn-Độ). Ở cõi đây (Ta-Bà), đã khen quý lạ ; nên ở nước (Cực-Lạc) hình-thể, màu, tiếng càng thêm kỳ-diệu : Nay chỉ lấy tên đồng, mà thật thời khác, lệ như : Lan-can, lưới giăng, hàng cây v.v... đều dùng các ngọc báu làm thành, chẳng phải người đời ở đây có được !

Nói một hai loài là : Vì nhiều không thể nói hết, như : Trong Quán-Kinh nói : Chim Phù, chim Nhạn và chim Oan-Uơng v.v... Nay dùng ít loại để gồm số nhiều, cũng là bớt văn vậy.

SỞ : Song các loài chim cõi này, chỉ có một vài thứ như : Chim Anh-Võ biết nói tiếng người, nhưng cũng chỉ gọi là học nói mà thôi ! Nước kia thời ngày đêm kêu ra tiếng, đã hòa lại nhả, vì hay diễn nói các pháp : Ngũ-căn, Ngũ-lực, Thất-giác-chi, Bát-chánh-đạo, tất cả đạo-phẩm ; chẳng phải lãng-mạng vô ý nghĩa !

SAO : Chỉ khen học nói : Nói, chỉ biết nói theo người, mà không thể hiểu nghĩa.

Sách Lễ-Ký nói : chim Anh-Võ hay nói, nhưng không ngoài loài chim bay ; con Tinh-Tinh hay nói ; cũng chưa lìa loài cầm thú, thế thời việc nhơn-đạo chúng nó nói còn chưa thông. Hướng chi luận đến việc Phật-pháp. Chim Anh-Võ còn như thế, chim khác thì khá biết vậy.

Hòa-Nhã là : Hòa đối với xằng như : chim « Oanh », chim « Ly » v.v... là loài chim kêu tiếng tục (quê kịch).

Dịu-dàng êm-ái, không có thô xằng, hay khiến người nghe, tâm nóng nảy cũng tự hết ; thế gọi là tiếng hòa. Chánh đại cần nghiêm, không có tà mị, hay khiến người nghe, tâm ham muốn tự bình ; thế gọi là tiếng nhả.

Tiếng đờn sắc của Ông Tử-Do còn thiếu nơi đạo hòa ; tiếng nói của người nước Trịnh rất trái với thói nhả (7). Chim

kia gồm hai tiếng đều tốt (hòa-nhã); thế là tiếng huỳnh-chung, tiếng đại-lữ (8) đều chẳng bì kịp tiếng chim !

Chữ Diễn là: Mở cho rộng ra, vì nghĩa vô-tận. Chữ Sướng là: Giải cho thông, vì ý không ngăn trệ. Như thế, diễn giải các pháp: Căn, Lực, Giác, Đạo, cả 37 đạo-phẩm vậy (9).

Đạo-phẩm là: Do phẩm loại đây đề vào đạo có vậy.

SỐ : Song 37 phẩm đây, thuộc về pháp tiên-thừa. Nhưng thật ra cũng chung cả đại-thừa nữa. Vì tùy theo tâm hạnh của người đại, như trong các kinh luận nói.

SAO : Chung cả Đại-thừa là : Luận Du-Già quyển 44 nói : Pháp Đại-thừa Bồ-Đề phần có nhiều món, 37 phẩm đây, nhưng trong đó có nghĩa riêng biệt và thông đồng đối với bậc Đại và Tiểu (Đại-thừa thì thấy đại-thừa...).

Luận Trí-Độ nói : 37 phẩm không thừa nào mà nó chẳng nhiếp gồm cả : tức nhiên vô-lượng đạo-phẩm, cũng ở trong đó. Kinh Tịnh-Danh nói : các đạo-phẩm là đạo-tràng. Lại nói : Đạo-phẩm thấu nhiếp trong cái hơn của pháp-thân. Luận Đại-thừa nói : Đạo-phẩm là cây đước báu Đà-La-Ni của Ông Bồ-Tát.

Kinh Niết-Bàn nói : Nếu người hay nghiên cứu pháp Bát-Chánh-đạo tức thấy được Phật tánh, gọi là đã được vị đề-hồ. Đây đều là ước theo pháp đại-thừa để nói.

Tùy theo Tâm-hạnh kia là : Như Kinh Niết-Bàn nói : Trí có hai món : 1) Trung-trí ; 2) Thượng-trí.

Như Quán các Ấm (thân ngũ-ấm) là khổ; thế gọi là bậc trung-trí Phân-biệt các ấm có vô-lượng tướng, chẳng phải hàng Thịnh-Văn bậc Duyên-Giác biết được; thế gọi là bậc Thượng-trí. Thời biết đạo-phẩm là một. Nhưng cái trí nghiên-cứu của mỗi người Đại, Tiểu vốn không nhưt-định.

SỐ : Pháp ngũ-căn là : 1) Tín ; 2) Tấn ; 3) Niệm ; 4) Định ; 5) Huệ. Hay sanh thánh-đạo nên gọi là căn (gốc). Lại như Luận Cu-Xá có đủ ba nghĩa.

SAO : Chữ căn có hai nghĩa : 1) Nghĩa năng tri : Giữ cái chỗ đã đặt, mà phần mình không cho mất vậy. 2) Nghĩa sanh hậu : Sanh những cái chưa đặt, mà mình gắng tấn căn lên vậy.

Nói chữ tín-căn là : Đối trong Đế-lý, cương quyết bỏ hẳn việc ngũ-dục lạc ; ấy gọi là tín-căn. Một căn đây là tổng (gốc) còn 4 cái kia nương theo trên (tín-căn),

Tấn-căn là : Đã tin lý đây, căn cầu không thôi ; ấy gọi là Tấn. Niệm-căn là : Đã cầu lý đây, tưởng đây ở đây, nhớ rõ không quên, ấy gọi là Niệm.

Định-căn là : Đã tưởng lý đây, buộc duyên một cảnh, tương-ung không tán-loạn, ấy gọi là Định.

Huệ-căn là : Đã định tâm nơi đạo, lại pháp chánh-quán rõ-ràng, quyết chọn phải quấy ; ấy gọi là Huệ.

Hay sanh thánh-đạo là : Do năm pháp đây, điều-trị ; tâm kia ví như không khí âm-dương hòa-hợp, tất cả hột giống, đều đặt nở mọc, cơ vậy.

Cu-Xá ba nghĩa là : Trong Luận Cu-Xá nói : 1) Tối-thắng ; 2) Tự-Tại và 3) Quang-hiền là căn.

Tối-thắng là : Vì căn-thể thù-thắng. Tự-tại là : Vì căn dụng thù-thắng. Quang-hiền là : Vì thể và dụng đều bày. Ở đây chia ra 22 căn (10), vì có tín v.v... cả năm căn.

SỞ : Pháp ngũ-lực là : Tức ngũ-căn trước tăng-trưởng thêm lên, đủ có sức mạnh, nên gọi là lực.

SAO : Chữ Lực có hai nghĩa : 1) Không bị cái khác đè ép ; 2) và có thể đè ép được cái khác. Như Luận Du-Già nói : Vì pháp ngũ lực (năm sức mạnh) đây ; hay đến đời sau và đời sau đối với chỗ chứng pháp xuất-thế-gian. Sanh tâm rõ biết thâm lý một cách thù-thắng, với tất cả những cái khác dù khó, mà có thể đè ép nó được ; Và lại có oai thế rất lớn, và mạnh, có thể xô dẹp được tất cả bọn ma quỷ (phiền-nã), cơ vậy,

Tín-Lực là : Tín sâu Đế-Lý (lý chắc thật) càng thêm tăng trưởng, hay ngăn những việc nghi hoặc, không cho lay động ; hay chống lũ tà ngoại, không cho mê loạn ; và hay phá tâm phiền-não, không cho nó xâm hại, cứ vậy. Một tín lực là tổng, các cái sau nương theo, lệ như Tín-căn nói trên.

Tấn-lực là : Vì tấn-căn tăng-trưởng) hay phá được các món dãi-dãi thân tâm, thành xong các món sự nghiệp ra khỏi đời.

Niệm-lực là : Vì niệm-căn tăng-trưởng, hay phá được tâm tà-niệm, thành-tự được tất cả tâm chánh niệm ra khỏi đời.

Định-lực là : Vì định-căn tăng trưởng, hay phá được tất-cả cái tướng tạp loạn, phát khởi các pháp thiền-định sự và lý.

Huệ-lực là : Vì huệ-căn tăng-trưởng, hay phá được tất-cả tà-kiến của kẻ tà, ngoại, hay đoạn được tất-cả những cái chấp của bực thiên-tiểu (tiểu-thừa).

SỞ : Thất Bồ-Đề phần là : Tức Thất giác-chi. Cũng do năm căn, năm lực trước, mới dựng bảy cái huệ dụng đây : 1) Niệm ; 2) Trạch pháp ; 3) Tinh-tấn ; 4) Hỷ ; 5) Kỳ ; 6) Định ; 7) Xả. Có một chỗ nói : 1) Trạch-pháp ; 2) Tinh-Tấn ; 3) Hỷ ; 4) Trừ ; 5) Xả ; 6) Định ; 7) Niệm. Nay giải theo thuyết sau.

SAO : Giác-Chi là : Giác tức Bồ-Đề, Chi tức là phần. Nghĩa là : mỗi phần mỗi phần, tùy chỗ hợp mà dùng vậy. Do căn lực trước là : Luận Du-Già nói : Đã chứng vào ngôi chánh vị của các pháp rồi, thời phải dùng giác-huệ như thật ấy làm chi phần. Cho nên biết năm căn, năm lực, đã chắc chắn rồi, vậy sau cần có cái giác-huệ, theo chỗ hợp mà dùng. Giải theo thuyết sau là : Do vì thuyết sau của Ngài Thiên-Thai giải, ý rất rõ hơn.

Lại Kinh Hoa-Nghiêm lời sơ cũng lấy phần Trạch-pháp làm phần tự-thê, còn mấy phần kia làm tứ-phần : 1) Trạch-pháp là : Vì khi nghiên-cứu các pháp phải khéo hay rõ biết, để lựa riêng cái nào chơn thì dùng, cái nào nguy thì bỏ.

2) Tinh-tấn là : Vì khi tu đạo pháp, khéo hay biết rõ không tu lắm những cái khổ-hạnh vô ích. 3) Hỷ là : Vì khi Tâm đăng pháp hỷ, khéo hay biết rõ, không theo những pháp điên đảo, mà sanh tâm hoan-hỷ. 4) Trừ là : Vì khi trừ các việc tà-kiến, tâm phiền-não, khéo hay biết rõ, đoạn hết các việc lường dối, không hại căn lành chơn-chánh. 5) Xả là : Vì khi xả được sở-kiến niệm trước, khéo hay biết rõ : Thủ, Xả, Hư, Ngụy, hằng không với tướng. 6) Định là : Vì khi phát ra cái pháp thiền-định, khéo hay biết rõ, những pháp thiền hư giả (giả dối) không sanh tâm kiến-ái. 7) Niệm là : Vì khi tu đạo ra khỏi đời, khéo hay biết rõ, thường khiến định huệ quân-bình, nếu tâm chìm đắm, phải nhớ dùng « Trạch-pháp », « Tinh-tấn » và « Hỷ » ba chi, xét mà đánh thức nó. Nếu tâm phù-động lắm, phải nhớ dùng : « Trừ », « Xả » và « Định » ba chi, thâu nhiếp mà dẹp nó. Mỗi niệm mỗi niệm điều hòa, khiến cho vừa phải.

SỞ : Bát Thánh-đạo ấy, cũng có tên là : Bát Chánh-đạo. Do trước nhờ có Trạch-pháp v.v... cho nên đến đây được vào chánh-đạo : 1) Chánh-kiến ; 2) Chánh-tư-duy ; 3) Chánh-ngữ ; 4) Chánh-nghiệp ; 5) Chánh-mạng ; 6) Chánh Tinh-Tấn ; 7) Chánh-niệm ; 8) Chánh-định.

SAO : 1.- Chánh-Kiến là : Trong bộ Tập-tập nói : Nếu khi tu giác-chi mà ngộ chơn-thật rồi, thời phải dùng chánh-huệ để thành lập vững vàng, xét thấy được Đế-lý rành rẽ, không còn lầm lộn. 2.- Chánh Tư-duy là : Khi thấy rõ Đế-lý này, nó tương-ung với tâm vô-lậu, với sự suy nghĩ so-lường, khiến nó tăng trưởng, để vào cõi Niết-bàn. 3.- Chánh-Ngữ là : Chẳng những tâm không tà tư loạn tưởng, lại còn dùng trí vô-lậu, để nhiếp 4 khẩu nghiệp, trụ vào 4 lời thiện-ngữ. 4.- Chánh-Nghiệp là : Do nơi trí vô-lậu, trừ được 3 nghiệp của thân, tất cả tà nghiệp, để trụ vào thân-nghiệp thanh-tịnh. 5.- Chánh-Mạng là : Do nơi trí vô-lậu, để trừ 5 món tà-mạng (11) trong 3 nghiệp (thân, khẩu và ý). 6.- Chánh Tinh-Tấn là : Do nơi trí vô-lậu, nên riêng tu tinh-tấn, để tới đạo quả Niết-bàn. 7.- Chánh-Niệm là : Dùng trí vô-lậu, đối trong pháp chánh-đạo và pháp trợ đạo, phải nhớ niệm đề tâm không động thất (xao lãng). 8.- Chánh-Định là : Do cái trí vô-lậu để tương-ung nhau, đặt chánh trụ nơi đế-lý

quyết định không dời đổi. Tóm lại đều nói chữ Chánh là : Do không nương theo lối chệnh lệch tà vạy, nên gọi là Chánh ; và hay đi đến đạo của Niết-bàn nên gọi là Đạo.

Bằng theo kinh Hoa-Nghiêm, phẩm « Ly-thế-gian » : Thời pháp Bát-chánh đều là cái đạo của ông Bồ-tát.

Chánh-kiến là : Xa lìa tất cả các cái thói tà kiến. Chánh tư- duy là : Xả bỏ cái tâm vọng tưởng phân biệt ; dễ thuận theo « Nhứt thể trí ». Nhấn đến chánh-định là : Khéo và pháp môn bất tư-nghì giải-thoát của ông Bồ-tát, với từ ở trong một pháp Tam-muội, mà tự tại ra vào luôn cả các pháp Tam-muội khác.

Giải rằng : Chứng cứ văn đây, đâu chẳng sâu mầu. Do đó suy ra : Pháp Thất-giác chi, Pháp Ngũ-căn ; Ngũ-lực, luôn 37 phẩm, đều tùy theo chỗ tu nhơn của chúng-sanh, nên căn nhận thấy chẳng đồng, thành thử chỗ chứng Đại, chứng Tiểu, mỗi mỗi đều có chỗ sở-đắc cả, riêng biệt (như trên đã nói).

SỐ : Câu « Như thị đẳng pháp ». Chữ Đẳng là nói chung các pháp : Tứ niệm-xứ, tứ chánh-cần, tứ như-ý túc. Thành ra 37 phẩm, và còn tất cả các pháp khác nữa.

SAO : 37 phẩm, mà trên chỉ nói 25 phẩm cho nên thêm chữ « Đẳng » để bao-quát đó.

Tứ Niệm-Xứ là : 1.- Quán xét thân bất tịnh. 2.- Quán xét thọ dụng là khổ. 3.- Quán xét tâm vô-thường. 4.- Quán xét pháp vô-ngã. Mà nói niệm-xứ là : Lấy điều bất-định là chỗ đề cho mỗi người quán xét thân, cần phải niệm (nhớ) vạy. Cho đến pháp khổ, pháp vô thường v.v... cũng lại như vậy.

Tứ-chánh-cần đã giải thấy ở văn trước ; do vì sanh thiện diệt ác không dãi-dãi, nên kêu là cần ; vì cần với chỗ đáng cần, hiệp nhằm chơn-lý, nên nói Chánh-cần.

Tứ Như-ý đó cũng có tên là tứ Thần-túc, như : Dục-như-ý-túc ; Tâm-như-ý-túc ; Cần-như-ý-túc ; Huệ-như-ý-túc. Bởi do tứ niệm-xứ, Tứ Chánh-cần đến đây, sự tinh-tấn tăng nhiều, định tâm hơi kém, nên bảo phải tu 4 món định-lực này, để nhiếp tâm lại ; thời trí và định quân-bình, hay đoạn được

cái kiết-sử, chỗ sở nguyên đều toại, nên gọi là như-ý-túc vậy. Hiệp với 7 loại phẩm trên, thì là 37 phẩm. Trong Luận Bà-Sa, Luận Trí-Độ, đều có dụ rõ : Tứ Niệm-Xứ dụ Hột giống, Tứ Chánh-Cần như gieo trồng, Tứ Thần-Túc như nước mọng. Ngũ-căn như mọc rễ. Ngũ-lực như lên mầm, đâm lá. Thất-giác-chi như trổ bông. Bát Chánh-đạo như kết trái, cho nên gọi tên là cây Đạo-thọ. Còn tất-cả các pháp như pháp Tứ Vô-lượng Tâm, và Lục-Độ vô-lượng pháp-môn v.v...

SỞ : Hỏi : Tại sao không kê bày trước là Tứ-Niệm-Xứ v.v... mà lại bắt đầu nói pháp Ngũ-căn ? Đáp : Do vì trọng chữ Tín vậy. Bởi có đức tin là chủ. Lại vì từ ba khoa trước đến đây, mới có căn và lực (ngũ-căn, ngũ-lực).

SAO : Cứ theo thứ lớp của 7 phẩm loại là nghe pháp : Trước phải niệm-tri và nhớ giữ, kể thì cần tu. Vì Cần, nên mới thấu-nhiếp tâm được điều-hòa, vì nhu-hòa nên mới thành căn-bản chắc. Căn đã tăng-trưởng thành thể lực, nhấn đến thất-giác là để phân-biệt. Bát-Chánh là làm nên hạnh chơn-chánh !

Nay trọng chữ Tín đó là : Do Kinh này dùng đức Tín làm chủ, mà căn, lực, cả hai cũng đều lấy Tín làm đầu. Vì Tín có thể kèm giữ 4 cái kia (Tấn, Niệm, Định, Huệ), và vì Tín là gốc của Đạo, là mẹ sanh ra các công-đức vậy. Như trong năm ngôi (12), chữ Tín cũng ở đầu. Trong ngôi Thập-Tín, chữ Tín cũng đứng đầu, và 11 pháp lành, chữ Tín cũng ở trước nhưt cơ vậy.

Ba khoa trên ấy là : Từ khoa Tứ-Niệm-Xứ, Tứ Chánh-Cần, Tứ Như-Ý-Túc, tu hành đến đây, mới đặng có căn, lực kiên cố, làm cho các pháp đã đặng từ trước kia nó không có thối thất ; và lại những pháp sẽ đặng sau này, rớt rảo đều được thắng lợi, cũng do một chữ Tín, cho nên đầu tiên phải nói căn, lực trước đã !

SỞ : Xứng-lý, thời tự-tánh biến hóa, là nghĩa các loại chim, tự tánh sanh ra tất-cả, các pháp-môn, là nghĩa Căn, Lực, Giác, Đạo.

SAO : Văn sau nói : Đức Phật kia biến hóa làm ra. Văn đây nói : Sắc tốt đẹp tiếng hòa nhã, toàn thể tự tâm mình hiển hiện, thì đâu đáng nhường cho cõi Thánh mà mình không có hay sao ? !

Lại Tâm-địa dụ như : Quả đất bao hàm các giống, thì các pháp Ngũ-căn v.v... toàn-thể là của tự-tâm vun trồng (Căn lành đầy đủ) cần gì giống-ruồi bên ngoài tìm kiếm. Cho nên bậc Tiên-Đức nói : Tín tâm kiên-cố, lặn như hư-không tức là pháp Ngũ-căn, Ngũ-lực. Tâm giác không khởi vọng, tức là Thất-giác-chi. Quyết rõ nơi tâm tánh rồi, tà, chánh chẳng ăn thua, tức là pháp Bát-Chánh-Đạo. Cho nên nói : Biển Giác sanh ra muôn vật, không vật nào mà chẳng phải biển. Nguồn tâm sanh ra muôn pháp, không pháp nào mà chẳng phải tâm.

HOẠCH - ÍCH

Chúng-sanh cõi kia, nghe tiếng ấy rồi, thấy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

SỞ : Nghe tiếng vô-ích, thời đồng với tiếng thế-tục, vì cũng chỉ đề mua vui mà chơi. Nay niệm ngôi Tam-Bảo, chính là nói việc hữu-ích vậy.

Tam-Bảo là : Lược có 3 tướng : 1.- Trụ-tri tướng ; 2.- Biệt-tướng ; 3.- Đồng-tướng. Vì đáng tôn quý nên gọi là Bảo.

SAO : Trụ-tri-tướng là : Chạm, đúc, đắp, vẽ gọi là Phật Bảo. Cuốn vàng gáy đỏ gọi là Pháp Bảo. Tỷ-kheo năm chúng, hòa-hiệp không tranh, gọi là Tăng-Bảo ; tức là ngôi Tam-bảo thường ở trong thế-gian vậy.

Biệt-tướng là : Lược có 3 nghĩa : 1) Tam-bảo tự-biệt ; 2) Tam-bảo-đại, tiểu-thừa-biệt ; 3) Tam-bảo danh-tướng các biệt.

Tổng-quát đại-y kia, thời cái thân thông thường mà cao lớn hơn hết, nhưng thị-hiện chẳng đồng, gọi là Phật-Bảo. Với các Giáo, Hạnh, Lý, Quả, Ngài lập ra pháp-môn chẳng đồng, gọi là Pháp-bảo, Bực Tam-hiền, Thập-thánh, Tứ Quả, Tứ

hướng. Duyên-giác, Độc-giác, ngôi bực chẳng đồng, gọi là Tăng-bảo. Tức là ngôi Tam-bảo xuất-thế-gian vậy.

Đồng-tướng là : Bằng ước về năm giáo mà nói, thời : 1) Môn-lập-sự-tự-nghĩa (lập sự để đi lần tới lý). 2) Môn-hội-sự về lý. 3) Môn sự-lý dung-hiền (đều bày). 4) Môn tuyệt-tướng lý-thật (sự-lý) tánh-tướng đều bất. 5) Môn dung-thông vô-ngại (có đủ cả viên-giao) tuy trước thấp sau cao, nhưng đồng về một gốc. Tổng-quát đại-ý kia thời cái tánh-thể linh-giác, chiếu tỏ các pháp, gọi là Phật-bảo. Hằng sa đức tánh, đều khó giữ gìn, gọi là Pháp-bảo. Tánh tướng không hai, thâm hiệp không trái, gọi là Tăng-bảo. Tức là ngôi Tam-bảo xuất-thế-gian tối thượng vậy.

Tôn quý là : Phật là Lưỡng-túc tôn ; Pháp là Ly-dục-tôn, Tăng là Chung-trung-tôn. Ý theo đó tu-hành, thời ra khỏi ngoài bả cõi. Thế-gian yếu-trọng, không bậc nào có thể so-sánh, nên gọi là Bảo.

Sách Thông-thơ cũng nói : Rất tôn-trọng là Đạo, rất yêu quý là Đức ; hướng ngôi Tam-bảo là Đạo và Đức rất tốt, há chẳng xưng Bảo hay sao ?

SỞ : Nghe chim nói pháp đều niệm Tam-bảo, tự có 4 nghĩa : 1) Vì trong tiếng chim kêu, khâm khen ngôi Tam-Bảo. 2) Vì tiếng chim thuyết-pháp, có phương-tiện hay cảm vào thâm-tâm của người. 3) Vì tiếng pháp ngày đêm không hờ dứt, quen nhuần lỗ tai. 4) Vì chim còn biết nói pháp để khuyến-khích, nên người phải gắng tâm hằng hái thêm hơn.

SAO : Khen ngợi Tam-Bảo là : Mặc dù mỗi mỗi các pháp Căn, Lực, Giác, Đạo, trên mỗi phẩm chẳng đồng, nhưng nói tóm lại đều nhiếp thâu trong ngôi Tam-Bảo cả.

Khi mà chim diễn nói pháp này (37 phẩm) : Hoặc nói loài hàm-linh sẵn đủ tánh-giác, tức là Phật tánh ; chúng-sanh nghe rồi, tỏ ngộ bản-tâm mình mới biết mình sẵn có đủ Phật-tánh (Phật-bảo). Hoặc nói tánh ấy đủ các thứ tướng : chúng-sanh nghe rồi rõ nghĩa thâm diệu, mới biết mình có sẵn pháp, (Pháp-bảo). Hoặc nói tánh tướng hòa-hợp không hai ; chúng-

sanh nghe rồi sự lý không ngại, mới biết mình sẵn có Tăng (Tăng-bảo). Cho nên tưởng niệm ngôi Tam-Bảo là thế.

Khéo tỏ vào tâm người là : Tuy nói pháp nhiệm-mầu, nhưng lập lời không khéo, thời người nghe bắt dội ngược. Nay chỉ nói tiếng hòa-nhã, êm-ái, dịu-dàng, nghĩa-lý đẹp tâm, người nghe sanh mừng, nên nhớ niệm ngôi Tam-Bảo.

Quen nhuần lỗ tai là : Tuy khéo nói pháp mầu, nhưng một bữa sốt sắng, mười bữa nguội lạnh (13), thời tâm cũng ắt dãi phế. Nay chỉ nói sáu thời tương-tục, thường nghe quen nhớ, thấm tủy, nhuần da, huấn luyện thành tánh, nên nhớ niệm ngôi Tam-Bảo.

Khuyến-khích tâm người hăng hái là : Chim còn có thể nói pháp, người sao chẳng bằng, thoát sanh tâm tâm-quý, tự nhiên phát tâm tinh-tấn, nhớ niệm ngôi Tam-Bảo.

SỐ : Xứng-lý thời tự-tánh chơn-tâm một thể, là nghĩa Phật, Pháp và Tăng.

SAO : Như văn trên, chỗ bày ngôi Tam-Bảo đồng-tướng ; thời biết chỉ có một chơn-tâm, lại không thể nào riêng khác : Tâm thể vốn tự Giác-chiếu, tức là Phật-Bảo. Tâm thể vốn tự tánh ly (vọng) tức là Pháp-Bảo. Tâm thể vốn tự không hai, tức là Tăng-Bảo, cho nên nói : Minh qui-y ông Phật mình, mình qui-y Pháp mình, mình qui-y Tăng mình, chỉ khiến qui-y về mình, không nói qui-y về người khác, nghĩa là mỗi niệm trở về tâm mình, thế gọi là thật nhớ niệm ngôi Tam-Bảo.

THÍCH VÔ ÁC-ĐẠO

Này Xá-Lợi-Phất ! Ông chớ nói loài chim ấy chính do tội báo sanh ra. Sở dĩ vì sao ? Cõi nước Phật kia, không có ba đường ác ! Này Xá-Lợi-Phất ! Cõi nước Phật kia, danh ác đạo còn không, huống chi có thật ; các loài chim ấy đều do Đức Phật A-Di-Đà muốn cho pháp-âm được lưu-bổ, nên Ngài biến hóa ra.

SỞ : Đây là phòng có người nghi : Cõi Tịnh-Độ nhưn sao mà có súc-sanh, thành ra không hiệp với lời ước nguyện của Ngài Pháp-Tạng ? Cho nên nói rằng : Nước kia thật không có ác-đạo ; do Phật A-Di-Đà, Ngài muốn cho Pháp-âm được lọt vào tai mỗi người, nên dùng sức thần-thông mà biến-hóa ra, chớ chẳng phải thật có súc-sanh. Và lại chẳng đồng với chim ở cõi trời, vì hay thuyết pháp.

SAO : Nhưn sao là : Do cái nguyên-nhơn tối tăm ngu-si, nên kết cái quả sanh trong loài súc-sanh, bởi cái nhân Xan-tham-tật-đổ, nên kết cái quả sanh trong đường nga-quỉ ; còn cái nhưn bằng tội thập-ác, tội ngũ-nghịch, thì kết cái quả sanh trong địa-ngục, chung gọi là tam-ác-đạo (hạ ác : Súc-sanh ; trung ác : Nga-quỉ ; thượng ác : Địa-ngục).

Vì trong sáu đạo : Đạo Trời (loài trời) là thượng thiện ; Đạo người (loài người) trung thiện ; Đạo Thần Tu-La là hạ thiện ; cho nên chỉ ba đạo này (địa-ngục, nga-quỉ, súc-sanh) gọi là rất ác.

Luận rằng : Tạo cái nhưn nơi tâm tịnh, thì kết cái quả sanh trong cõi tịnh ; lẽ nào cõi Tịnh-Độ mà có ác-đạo ? ! Như cõi kia có ác-đạo thật thì thành ra chỗ tạp-uế, không khác chi cõi Ta-Bà, đâu đáng gọi là Cực-Lạc, cho nên có tám nghi vậy.

Bản nguyện là : Kinh Đại-Bồn Ngài Pháp-Tạng nguyện rằng : Khi Ta thành Phật, trong cõi Ta không có nga-quỉ, súc-sanh, nhữn đến loài quỳn-phi xuân-động. Lại nguyện rằng : Người trong cõi Ta, đều không nghe đến cái danh bất-thiện, hưởng chi là có thật ; chẳng đáng nguyện ấy, quyết không làm Phật. Lẽ nào nay quả Phật Ngài đã thành, lại trái với nguyện trước ? Cho nên nói rõ rằng nước kia vốn không ác-đạo, chẳng nhữn mắt không thấy, mà tai cũng không nghe đến. Bởi vì chỗ nghe vào tai, là chỉ nghe vạn-đức hồng-danh của chư Phật. Như-Lai, Và nhữn hiệu tốt : Bồ-tát, Thinh-văn, và Chư-thiên, Thiện-nhơn, quyết không có danh-tự của 3 ác-đạo lọt vào lỗ tai, thật vậy.

Biến-hóa ra là : Tự lập lời nạn rằng : Đã không súc-sanh, nay chim Bạch-hạc, Khổng tước v.v... từ chỗ nào bay đến ở nước kia ? Thành thử chỉ ra căn do ấy : Là Đức Phật A-Di-Đà biến-hóa ra, chớ chẳng phải thật có, Như trong Quán-Kinh nói : Ngọc-Châu như-ý, nó phóng ra sắc vàng, hào-quang vi-diệu hóa làm loài chim trăm sắc báu, tốt đẹp thật vậy.

Pháp-Âm tuyên-lưu là : Chữ Tuyên : Là Tuyên-bố, từ trên khắp dưới ví như lời của vị Quốc-chủ. Chữ lưu : Là lưu-thông, từ gần đến xa, ví như nước chảy. Đức Phật Ngài muốn pháp-âm của Ngài giáp khắp không hở ; cho nên chẳng những dùng người để thuyết pháp, mà cũng khiến tiếng của các loài chim kia, đều diễn nói pháp mầu, không xứ nào, không thời nào, mà chẳng được nghe. Đó là sức Đại-thần-thông, Ngài biến hóa ra ; đâu đồng với cái nhơn ngu-ám mà mắc quả-báo thiệt, làm loài chim, súc-sanh ư ? Song biến-hóa đây cũng có hai nghĩa : 1.- Như Phật sai vị hóa-nhơn nói các pháp môn. 2.- Trong tánh sẵn đủ các pháp ; y trong tánh khởi hạnh tu, trên quả tự hay sắc và tâm dung lẫn, y và chánh không hai thấy đều thuyết-pháp. Thế thời tiếng chim diễn nói, Pháp nó vẫn tự-nhiên, chẳng phải Phật Ngài có tâm, riêng biến làm vậy.

Chẳng đồng chim trời là : Kinh Chánh-pháp-niệm-xứ nói : Các đức Chúa trời dạo đi chơi trong ao, chim Phù chim Nhạn v.v... đều kêu ra tiếng tăm, tỏ bày lời kệ lời tụng để chỉ bày việc vui ngũ-dục (14), rồi rồi cũng đều là vô-thường, chẳng nên mê đắm lắm các Ngài ơi !

Các trời nghe rồi, có vị tỉnh hồn đến đổi rơi lụy ! Đây là thiệt loài chim, bởi kiếp trước khi còn làm người ở đời, miệng hay nói pháp mầu, mà không chuyên tâm lo việc chơn tu ; nên nay mắc quả-báo làm các loài chim, ở chốn Thiên-cung, do thói quen đời trước, nên nay dù làm chim còn nhớ thuyết-pháp ; chẳng phải như cõi Tịnh-Độ Đức Phật Ngài biến hóa, nên nói chẳng đồng vậy !

SỚ : Hỏi Ngài Pháp-Tạng nói lời kệ rằng : Địa-ngục, Nga-qui, súc-sanh, đều sanh về trong cõi của

Sao nói cõi kia không ác-đạo ? Đáp : Ý lời kệ rõ chẳng đợi biện nghi ; người Nữ sanh về nước kia, nghĩa cũng như vậy.

SAO : Ý lời kệ tự rõ là : Ngài Pháp-Tạng Tỳ-kheo, nguyên rồi nói lời kệ. Trước nói rằng : Địa-ngục ; Ngạ-qui, súc-sanh, đều sanh trong cõi của Ta ; kể đó Ngài lại nói rằng : Tất-cả người sanh về, tu tập hạnh thanh-tịnh, như thân sắc vàng của chư Phật, tướng tốt đều trọn đủ. Thời biết chắc người ấy, ở cõi Ta-Bà đã trồng duyên Tịnh-Độ, cho nên đặng sanh về ; đã đặng sanh về nước kia, dứt hết cội gốc ác-đạo, đến thành bậc Thượng-thiện, tướng hảo như Phật, nào còn cái hình thể Địa-ngục, ngạ-qui, súc-sanh ngày trước ư ?

Người Nữ sanh về kia cũng vậy là : Trong Luận nói : Người Nữ và người thiếu căn, đều không sanh về. Cho nên viện dẫn lệ theo trên. Cũng do người Nữ, đời trước có tu tịnh-nghiệp ; một phen sanh về nước kia đủ tướng trưng-phu, không còn bình người Nữ vậy. Nay vẽ bản-đồ cửu-phẩm vãng-sanh, còn đề cái hình người Nữ, là lầm vậy. Đó là cái tướng niệm Phật khi ở cõi Ta-Bà, chớ chẳng phải cái tướng khi đã vãng-sanh về Cực-Lạc vậy. Hay là hoặc vẽ cái hình đó, để tiêu biểu cái chỗ nhơn-địa của người kia, để cho rõ rằng tất cả nam và nữ, hễ ai tu cũng đều được sanh về cả. Người trí nên xét vậy !

SỚ : Xưng-lý thời tự-tánh vốn không tham, sân, si v.v... là nghĩa vô tam ác-đạo. Tự-tánh vốn đủ pháp-môn như huyễn, là nghĩa biến hóa ra.

SAO : Nếu cứ theo trong pháp-môn Bất-nhi, thời tham, sân, si, tức giới, định, huệ. Thế thiện-đạo, ác-đạo cũng đều như huyễn, mà huyễn nó không có tự-tánh, thì chỉ là nhưt tâm ; hễ nhưt tâm chẳng sanh, thời muôn pháp đều dứt.

PHONG THỌ DIỄN PHÁP

Nầy Xá-Lợi-Phất ! Cõi nước Phật-kia, gió vi phong thổi động, các hàng cây báu, và tràng lưới báu, kêu ra tiếng nhiệm mầu : Ví như trăm nghìn món nhạc, đồng thời đều trỗi lên,

người nghe tiếng ấy, tự nhiên đều sanh tâm niệm Phật, niệm Pháp, và niệm Tăng.

SỞ : Văn trước nói, hàng cây lưới giảng. Văn đây nói các cây lưới ấy, như gió rung động reo ra tiếng ấy cũng như văn trên, chim kêu, dạy bảo chúng-sanh lợi-ích vô-cùng tận vậy.

Gió mà nói rằng Vi-Phong, là thứ gió tốt rất tốt. Tiếng mà nói là Vi-diệu, là tiếng hay rất tuyệt. Vi-diệu tức là ý-nghĩa hòa-nhã. Trăm nghìn món nhạc là : Lấy ít sánh nhiều, khen nhạc kia rất hay. Tiếng nhạc rất hay cõi nhưn-thiên cũng không thể bì kịp. Vì tiếng nhạc cõi kia cũng diễn nói pháp : Căn, Lực, Giác Đạo ; món món đạo-phẩm. Mà ở đây không nói là bớt văn vậy.

Lại Kinh Đại-Bồ-n nói : Gió Vi-Phong thổi đùng nhằm thân, mà ở đây không nói đến, cũng là bớt văn vậy.

SAO : Gió Vi-Phong là thứ gió rất tốt ; cõi này có thứ gió gọi là cù-phong (Bão-tổ) thổi động (cả 4 phía đều thổi đến) thổi hóa ra nghiêng hồ đồ nông, tiếng nó bắt người phải rung rợn ; còn thứ gió mãnh-phong (gió dữ) thổi động thổi hóa ra sập nhà, tróc cây, tiếng rất ghê-gớm. Nhấn đến gió Tỳ-lam thổi động, thổi hóa ra ngã núi, lở non, hoại các thế-giới ; cả vũ-trụ loài người không tránh được tiếng của nó.

Ngay như nay nói các thứ gió : Thứ-Minh, Thanh-Minh v.v.. (15) các gió, tuy cũng xưng là gió tốt, nhưng cũng chỉ lay-lắc núi rừng làm cho sanh-trưởng trăm vật mà thôi. Còn gió ở nước kia, in tưởng như có, in tưởng như không, vì chẳng phải lạnh, chẳng phải nóng, nhẹ-nhàng hòa-dịu, không thể sánh ví với cái gì được.

Trong Quán-Kinh nói : Tám thứ gió Thanh-phong (16). Thanh tức là cái ý-nghĩa chữ « Vi ». Huống cõi kia hàng cây và các lưới giảng, chất nó đều bằng bảy món báu do nhờ gió vi phong ; khua đùng lẫn nhau, tự-nhiên reo ra những tiếng tằm vi diệu, như trăm nghìn món nhạc, đồng thời trời một

lượt. Thời 6 tiếng luật âm, hòa lẫn với 6 tiếng luật-dương, điệu nhạc bát-âm rập rền vang dậy ; hòa lại càng hòa, nhã lại rất nhã. Gió cây cối kia, đã chẳng phải tiếng tư và trúc đầu có tiếng cung và thương ? Thế mà có thể cùng với trăm nghìn món nhạc, đồng lộng-lẫy như thế thật là ít có.

Nhạc cối Nhơn, Thiên chẳng kịp là : Như Kinh Đại-Bồn nói : Trăm nghìn vạn món, tiếng nhạc của vị Đế-vương trong thế-gian ; chẳng bằng một tiếng rất hay trên cung trời Đạo-lợi. Trăm nghìn món nhạc trên cung trời Đạo-lợi, không bằng một tiếng rất hay trên cung trời Dạ-Ma... Như vậy lẫn lộn các cối chư thiên, hẳn đến không bằng một tiếng rất hay trong nước Cực-Lạc, gió thổi rừng cây, ra tiếng tám vi-diệu, thật là vượt ngoài cối người cối trời vậy.

Câu : Cũng diễn nói Đạo-phẩm là : Do trong Kinh chỉ nói tiếng Diệu - Âm. Kỳ thật ý gồm tiếng thuyết-pháp. Nếu chẳng phải pháp-âm, thì làm sao hay khiến người nhớ niệm ngôi Tam-Bảo ?

Cho nên Kinh Đại-Bồn nói : Gió vi-phong phẩy động, thổi các cây báu, hoặc kêu ra tiếng âm-nhạc, hoặc kêu ra tiếng pháp-âm, lấy đây chứng rõ. — Do trước lệ sau, đều là bớt văn vậy.

Câu : gió đùng nhằm thân là : Kinh Đại-Bồn nói : Tất cả loài hữu-tình ở nước kia, gặp gió thổi đùng nhằm thân thể, an hòa vui đẹp, cũng như thầy Tỷ-Kheo đã đặng pháp Diệt-tận-định (17), sung sướng biết bao ! Thế cũng là cái lối thuyết-pháp bằng cách không thuyết-pháp vậy.

SỐ : Lại các thứ Bảo-thọ ấy, trong 3 món báu, món này là báu hơn hết, vì hay làm Phật-sự.

SAO : Luận Trí-Độ nói : Báu có 3 món : 1) Vật báu của người ; như 7 món báu của vị Luân-vương, vì nó hay biến-hóa bố thí cho những của cải. 2) Vật báu của trời ; như : Các món báu của chư thiên, vì nó hay tùy tùng đề các trời sai khiến. 3) Vật báu của Phật ; như : Cơm thơm hào-quang... vì nó hay đến 10 phương để làm những Phật-sự. Nay ở đây nói món

báu bằng gió cây nó hay thuyết-pháp, là món báu rất hơn trong các món báu, vì phẩm lượng nó vượt khỏi ngoài cõi người, cõi trời.

SỞ : Lại cây Bảo-thọ của Phật nó biết thuyết-pháp, nay đây không nói đó cũng là bớt văn vậy. Vì lẽ như văn trên ; Ao nước đều biết thuyết-pháp ; lại kinh Hoa-Nghiêm, kinh Bát-Nhã v.v... đều có nghĩa đây.

SAO : Cây Đạo-thọ là : Kinh Đại-Bồ-đề nói : Cây Đạo-tràng của Phật ngồi bằng các món báu trang-nghiêm, lưới báu phủ trên, gió vi-phong phẩy động, nói ra không biết bao nhiêu tiếng tám pháp màu, vang đến khắp cùng cõi chư Phật, chúng sanh nghe đến đặng pháp nhãn thâm sâu, trụ vào bực Bất-thối-chuyển, cho đến thành tựu quả vô thượng bồ-đề nay đây không nói cũng như lời sở trước dẫn gồm trong văn hàng cây, nghĩa là nói hàng cây còn biết thuyết-pháp, cây của Phật đâu những chẳng thể ; nên nói bớt văn.

Lại theo lẽ suy ra, như văn trước chỉ nói ao báu, lời sở dẫn văn trong hai bộ kinh. Thời nước báu chảy đi, vì đều nói ra tiếng diệu-pháp, lại theo lẽ suy đó, như Kinh Đại-Bồ-đề nói : Cây báu nói đạo-tràng của Phật kia, chúng-sanh thấy đấy không có cái bệnh nơi con mắt. Người nghe mùi hương nó, cũng không bệnh lỗ mũi, ăn trái nó lưỡi cũng không bệnh, hào-quang của cây ấy chiếu đến thân-thể cũng không bệnh, quán-tưởng cây ấy, tâm đặng thanh-tịnh, không còn chứng bệnh tham, sân, phiền-não...

Lại nói : Người thấy cây đây liền chứng đặng 3 pháp-nhãn. Thời biết cây ấy sắc hương và vị của nó, cũng đều diễn nói pháp : Căn, Lực, Giác, Đạo, các pháp như thế. Chúng-sanh nghe đấy, đều nhớ niệm ngôi Tam-Bảo.

Lại theo lẽ suy đó : cát vàng nước kia, thêm đường nước kia, lầu các nước kia, cho đến hoa sen tiếng nhạc trời. hoa trời, cái y-kích đồ đựng thức ăn, tất-cả các sự-vật của nước kia cũng đều diễn nói các pháp Căn, Lực, Giác, Đạo. Đối với các pháp ấy, chúng-sanh nghe đến, đều nhớ niệm ngôi Tam-Bảo.

Như Kinh Hoa-Nghiêm : Hương, mây, đài, lưới đều nói ra bài tụng ; như cái trống cõi trời Đao-Lợi (18), diễn lý chơn-thuyền không lường (lý mẫu tuyệt-diệu) ; rừng cây Bảo-Lâm tại chùa Lôi-Âm (19) nói diệu kệ vô-sanh (kệ giải-thoát).

Lại Kinh Đại-Bát-Nhã nói : Bên cõi Tịnh-Độ cây rừng v.v... các vật trong ngoài, thường có gió vi-phong khua động, phát ra tiếng nhiệm-mầu nói tất-cả pháp, đều không có thật-tánh v.v... đồng nghĩa đây vậy.

SỞ : Những người khéo hiểu, thì ngay cõi đây cả loại hữu-tính và vô-tính, cũng đều có nói pháp. Như nghe chim Oanh kêu, khua cây trúc v.v... Huống nữa cõi Tịnh-Độ !

SAO : Những người khéo hiểu là : Không chấp cảnh làm cảnh, mà rõ cảnh tức là tâm, thì mỗi mỗi vật chi, mỗi mỗi món gì đều là ý Tồ-sur cả. Nay chỉ nói vài việc thôi.

Nghe chim Oanh kêu là : Xưa có một Ông thầy nhưn nghi một câu trong kinh Pháp-Hoa : « Các pháp từ xưa nay, tướng nó thường vắng-lặng ». Tìm xét hết sức lâu mà chưa tỏ-ngộ. Một bữa nọ thoát nghe tiếng chim Oanh kêu, liền đứng đại-ngộ là minh-tâm kiến-tánh. Ông làm bài tụng tỏ-ngộ như vậy : « Các pháp từ xưa hay, tướng nó thường vắng-lặng, xuân đến trăm hoa thơm, cảnh liễu Oanh kêu nhẩn ».

Khua nhắm cây trúc là : Ông Hương-Nham vì không rõ câu : « Trước khi cha mẹ chưa sanh, cái đó nó ở đâu ? » Dấy niệm bực tức, lên ở tu trên núi. Một bữa cuốc đất, lượm cục đá giăng đung nhắm cây trúc, có tiếng kêu rang rang, thoát vậy đại-ngộ. Ngài làm bài tụng tỏ-ngộ như vậy : « Một đung quên chỗ biết ; khỏi cần phải tu riết, cựa mình bày đường xưa (chơn-tâm), hết ở lớp thua thiệt ».

Như vậy thời chim khách kêu trước nhà, lá thông reo ngoài nội, một con muỗi, một con ruồi ; một ngọn cỏ, một lá cây, chẳng luận món nào chẳng diễn bày diệu pháp, kêu gọi đạo-tâm. Huống chi cõi thanh-tịnh của chư Phật ư ? — Hỏi : Trong kinh nói : « Có khi Phật thuyết-pháp, có khi Phật làm

thịnh, cả hai không mịch bỏ riêng một nào, sao đây chỉ nói, nước chim cây rừng thuyết-pháp mãi không thôi, thế thời có động mà không tịnh? Đáp: Kinh Đại-Bồ-n nói: Người nào muốn nghe, thời riêng người ấy được nghe (là Phật thuyết-pháp). Người nào không muốn nghe, thời cũng riêng người ấy không nghe (là Phật làm thịnh). Thế thì tịch tịnh hay động dụng đều tùy ở tâm, tức động mà cũng tức tịnh.

SỐ: Xứng-lý thời tự-tánh có lý hòa lẫn nhau với trí là nghĩa gió thổi cây rung thành tiếng pháp-âm vi-diệu.

SAO: Lý gồm muôn pháp như vậy, trí khắp pháp giới như gió, lý cùng hợp với trí, trí nó tùy lý đề rõ bày, nhưng mà gió cây đều chẳng biết nhau, lý và trí vốn không hai gốc, trăm nghìn món nhạc, không phải gió động, không phải cây động, mà do tâm của nhơn-giả động.

TÔNG KẾT NHỊ NGHIÊM

Này Xá-Lợi-Phất ! Cõi nước Phật kia, thành-tự công-đức trang-nghiêm như vậy.

SỐ: Kết văn trên: Chim biến hóa gió rung cây hai món trang nghiêm, đều là do cái chỗ « nguyện », « hạnh » công-đức tu nhơn của đức Phật kia, mà thành-tự vậy.

Lại công-đức « biến-hóa », công-đức « Đại-thừa », công-đức đồng hư-không, và công-đức của tự-tánh cả bốn món được thành-tự, như trong Luận nói: Điều trước công-đức trang-nghiêm, điều sau công-đức trang-nghiêm; dưới hai điều ấy nó không hệ-thuộc với lời tụng của Luận văn.

SAO: Do sở nguyện mà được thành-tự là: Kinh Đại-Bồ-n nói: Ngài Pháp-Tạng nguyện rằng: Khi Ta thành Phật, người trong cõi Ta, tùy theo chí nguyện kia, hễ muốn nghe pháp, thời tự-nhiên được nghe, cho nên chim kêu, cây động, đều thành tiếng pháp-âm vi-diệu vậy.

Do sở hành mà được thành-tựu là : Kinh-Đại Bồn nói : Sau khi Ngài Pháp-Tạng phát nguyện rồi, y lời nguyện mà tu hành các hạnh, như Ngài nói : Ta thường dùng nhan-sắc hòa-nhã, lời nói êm-ái, để lợi-ích cho chúng-sanh. Thế nay kết-quả đặng thành gió thổi rừng cây, đều nói ra thành tiếng pháp-âm vi-diệu. Như Ngài nói : đối với Phật, Pháp và Tăng ; Ta tin trọng và cung kính. Thế nay kết-quả được thành, chúng-sanh nghe pháp, đều cảm niệm ngôi Tam-bảo.

Sao gọi là công-đức « biến-hóa » ? Như trong bài tụng nói : Các loài chim tạp sắc, loài nào cũng kêu ra tiếng pháp-âm hòa-nhã. Người nghe nhớ niệm ngôi Tam-bảo, quên các Tướng bên ngoài tỏ vào lý nhứt-tâm phải vậy.

Sao gọi là công-đức « Đại thừa » ? Như trong Luận bài tụng nói : Người Nam-tử có thiện-căn Đại-thừa, và người không thốt tiếng chê bai Tam-bảo được vãng-sanh. Còn người Nữ và người chẳng đủ sáu căn, cả bậc Nhị-thừa không đặng vãng-sanh, thật thế !

Chữ « Đẳng » là đồng với hư-không công-đức và tánh công-đức (20) vẫn trước và sau : dưới hai câu « Như thị công-đức trang-nghiêm » đều chẳng hệ-thuộc với lời tụng của luận. Do lời tụng đây : 1.- Thiếu hai chữ « Hóa làm ». 2.- Thiếu hai chữ « Ác đạo ». Cho nên riêng nói cho rõ ra đó, Rằng tiếng của loài chim kêu ra, nếu chẳng phải đức Phật Ngài (hóa làm), thời người nghe đâu hay quên các tướng trần mà vào đặng lý-nhứt-tâm ?

Không nói câu « Ác-Đạo » là vi trong loài người, còn không người Nữ. Giữa bậc thánh, cũng không tiểu thánh, huống nữa có ác-đạo ư ? Trước sau rõ-ràng đã biết, nên không nêu nhiều.

Lại hai món công đức y và chánh, ở ngoài câu « Như thị trang-nghiêm », nên cũng chẳng nêu.

SỞ : Xứng-lý thời tự-tánh Bát-nhã, khắp cùng pháp-giới ; là nghĩa chim cây thuyết-pháp.

SAO : Kinh Thủ-Lăng-Nghiêm lời sao nói : « Nếu hay chuyện vật (chuyện nổi hoàn cảnh) tức đồng Như-Lai ; Vì ngoài tâm không vật (cảnh vật tức là tâm).

« Miễn tâm là phân biệt, tức là chánh trí Bát-nhã, thế nó cùng khắp pháp-giới, không có chi làm chướng-ngại ». Thế cho nên cõi Tây-phương, nước, chim, cây, rừng thấy đều thuyết-pháp. Nay chúng ta không thấy chim, cây thuyết-pháp, là vì chưa hết tâm « vọng-niệm phân-biệt ».

Luận Khởi-Tín nói : Là tướng vọng-niệm rồi tâm nó sánh bằng cõi hư-không, thế cho nên khắp trong cõi hư-không, thấy đều có thuyết pháp.



CHÁNH-BÁO (phân ra làm hai phần)

1.- Hóa-chủ : (đức Hóa-chủ)

2.- Hóa-bạn : (các Hóa bạn)

HÓA CHỦ (phân ra làm hai phần)

1.- Trung-danh : (hỏi tên Phật)

2.- Hiện-đức : (rõ đức Phật)

TRUNG DANH

Này Xá-Lợi-Phất ! Với ý ông nghĩ sao ? Phật kia có gì hiệu là A-Di-Đà.

SỜ : Văn trước nói y-báo rất thù thắng ; mà y từ nơi chánh-báo sanh ra, nên kể đây nói về chánh-báo. Câu với ý ông nghĩ sao, là hỏi thử ông Xá-Lợi-Phất, có hiểu biết hay không. Nghĩa là đã biết Phật kia hiệu là A-Di-Đà, nhưng chưa hiểu nghĩa đó. Do vì Phật kia là ông chủ chánh-báo trong một bộ kinh, nên phải hỏi thử.

SAO : Ông chủ chánh-báo có y, có chánh, mà Phật ở về ngôi chánh báo. Chánh-báo có chủ có bạn, mà Phật là ông chủ của nước kia. Nghĩa kia phải hỏi là : Do Di-Đà, là danh

hiệu đủ vạn đức, nghĩa rất sâu rộng, cần phải khai thị ra, khiến cho người hiểu rõ, đừng mà sanh tâm hướng mộ.

SỐ : Xứng-lý thời tự-tánh chánh-tư-duy, là nghĩa với ý ông nghĩa sao ?

SAO : So lường gọi là ý. Người đời khởi nơi ý-thức, mỗi niệm mỗi niệm, so lường theo ngoại cảnh, là tà tư-duy vậy. Quày ý-thức lại tự hỏi mình mà xét, suy đi nghĩ lại, lại đi rồi suy nghĩ cho cùng nguồn tốt đáy, cho đến cái chỗ mà không còn gì nghĩ được nữa, thời toàn thân tức là « Thọ », toàn tâm tức là « Quang » nào luận Phật kia Phật đây.

HIỀN-ĐỨC (phân ra làm hai phần)

- 1.- *Danh hàm đa nghĩa : (Danh trùm nhiều nghĩa)*
- 2.- *Đạo thành viên kiếp : (Đạo thành đã lâu)*

DANH HÀM ĐA NGHĨA (phân ra làm hai phần)

- 1.- *Quang-minh Vô-lượng (sáng suốt không lường)*
- 2.- *Thọ-mạng vô-lượng (mạng sống không cùng)*

QUANG - MINH VÔ - LƯỢNG

Nầy Xá-Lợi-Phất ! Phật kia hào-quang vô-lượng. Vì chiếu 10 phương nước, không chỗ nào chướng-ngại được; thế nên hiệu là A-Di-Đà.

SỐ : Chữ Vô-lượng, đã giải như văn trước, nhưng vì chưa biết được cái tên vô-lượng, nên văn đây nói : Quang-minh, và Thọ-mạng cả hai đều là vô-lượng vậy.

Quang-minh có hai nghĩa : 1.- Trí-quang ; 2.- Thân-quang ; lại có hai nghĩa : 1.- Thường-quang ; 2.- Phóng-quang.

Lại sở-nhơn của chữ Quang cũng có hai nghĩa : 1.- Vạn-đức sở-thành ; 2.- Bản nguyện sở-thành.

SAO : Trước giải hai chữ Quang-minh vậy. Trí-quang, Thân-quang là : Như đức Lô-Xá-Na, dịch : Quang-minh biến-

chiếu : Tự-thọ-dụng-thân, chiếu cõi chơn-pháp-giới ; đó gọi là Trí-quang. Tha-thọ-dụng-thân, khắp chiếu trong đại-chúng ; đó gọi là Thân-quang.

Lại Kinh Niết-bàn nói : Ngài Lư-Ly-Quang-Bồ-Tát thân phóng-quang-minh ; Đức Văn-Thù nói : Quang-minh đây, gọi là Trí-huệ. Thế thời sự lý viên-dung, Thân và Trí không hai vậy.

Thường-quang, phóng-quang là : Hào-quang thường hiển hiện, không phóng mà không lúc nào là không phóng... Như cái viên-quang một tâm v.v... Phải vậy.

Phóng-quang là : Hoặc ở giữa chơn mây, hoặc ở trên đánh, hoặc miệng hoặc răng, hoặc rốn, hoặc chơn, các nơi ấy, phải vậy. Văn đây nói chữ Quang là chánh ý ở chữ Thường, (thường-quang) mà cũng gồm chữ phóng (phóng-quang) và Thân cùng Trí vậy (Thân-quang, Trí-quang) Như Kinh Đại-Bồ-n nói : Khi ấy, Phật A-Di-Đà từ nơi gương mặt phóng ra vô-lượng hào-quang.

Kinh lại nói : Ta (Thích-Ca) dùng hào-quang trí-huệ, rộng chiếu vô-trung số thế-giới. Vạn-đức sở-thành là : Kinh Hoa-Nghiêm phẩm Hiền-Thủ : Phán ra 44 pháp quang-minh, mỗi quang-minh đều có cái sở-nhơn của nó : Hoặc như qui-y Tam-bảo, hoặc như phát bốn lời Hoảng-thệ, hoặc như tu pháp Tam-học, hoặc như tu lục-độ, là các chỗ tu như mà thành-tựu vạn-đức đó ; mỗi mỗi đều kết rằng : Thế cho nên dựng thành quang-minh ấy.

Lại kinh Bát-Nhã : Phật (Thích-Ca) dạy : Đối trong tất cả pháp ta không chấp chỗ nào cả nên dựng cái thường-quang một tâm. Thế thời biết : Nay hào-quang sáng của đức Phật đây (A-Di-Đà) chẳng phải như tu một đức mà thành vậy.

Câu : Báu-nguyện chỗ thành là : Kinh Đại-Bồ-n ngài Pháp-Tạng nguyện rằng : Nguyên khi ta thành Phật, trong đánh có hào-quang sáng, thắng hơn mặt trời, mặt trăng trăm ngàn vạn ức bội.

Lại nguyện rằng : Nguyện khi Ta thành Phật, hào-quang sáng chiếu đến vô-ương số thiên-hạ các chỗ tối tăm đều đặn sáng tỏ. Các trời và nhơn-dân, nhần đến loài bò bay cựa quậy, thấy hào-quang Ta, không ai là không phát từ-tâm tác-thiện để nguyện sanh về nước của Ta.

Lại trước lời nguyện nói lời kệ : Hay khiến vô-lượng cõi, hào quang đều chiếu diệu, nên nay Ngài thành Phật, đều đặn như sở nguyện.

SỜ : Vô-lượng là : Nói chỗ chiếu rất rộng vậy. Mười phương là : Vì chẳng đồng kinh khác, chỉ chiếu có một phương. Không chướng-ngại là : Vì chẳng đồng nhứt-quang (ánh sáng mặt trời) còn có chỗ khuất.

SAO : Chẳng đồng kinh khác là : Như kinh Pháp-Hoa chiếu phương Đông, thời không nói phương khác ; và chỉ nói chiếu có 1 vạn 8 nghìn cõi, mà không nói gồm hết các nước, thế thời cái nghĩa còn có chỗ sở-thủ vậy.

Nay Kinh này thời nói : Bốn góc trên, dưới, tất cả cõi nước, không nước nào mà không được chiếu. Chẳng đồng với nhứt-quang là : Mặt nhứt tuy có hào-quang, nhưng thần Tu-La che, thời bị ngăn khuất. Giữa núi Thiết-Vi thời bị ngăn khuất, dưới châu úp thời bị ngăn khuất. Lại châu Nam-Diêm Phù-Đề sáng, thời Châu Bắc-Đôn-Việt bị ngăn khuất, châu Tây-Cù-Da sáng, thì châu Đông-Phất-Vu bị ngăn khuất. Nay thời suốt núi thấu vách, thông chỗ tối đến chỗ mờ, không chi che đầy làm cho hào-quang phải ần khuất mất ; không gì ngăn cách làm cho hào-quang bật dứt.

Như Kinh Đại-Bồ-n nói : Hào-quang của Phật kia sáng tỏ rất xa, hào-quang của chư Phật khác không thể bì kịp. Các đức Phật ở 10 phương, trên đánh phóng ra hào-quang sáng chiếu, có đức Phật chiếu một dặm, có đức Phật chiếu hai dặm, như vậy lần xa, có đức Phật chiếu hai trăm muôn dặm, như vậy lần xa, có đức chiếu một thế-giới, có đức chiếu hai thế-giới, như vậy lần xa, có đức chiếu hai trăm muôn thế-giới

Duy có hào-quang của Đức Phật A-Di-Đà chiếu đến một nghìn vạn thế-giới, không có cùng tận. Cho nên hiệu Ngài là : Vô-Lượng-Quang Phật, Vô-Biên-Quang Phật (21) Vô-Ngại Quang Phật... nhấn đến Siêu-Nhật-Nguyệt-Quang Phật, đều là nghĩa Quang-Minh vô-lượng vậy.

Trong Quán-Kinh nói : Viên-Quang đức Phật kia, lớn như trăm ức cõi Tam-Thiên đại-thiên thế-giới. Lại nói : Phật kia có tám vạn bốn nghìn tướng, mỗi mỗi tướng có tám vạn bốn nghìn cái tùy hình hảo (tướng tốt), mỗi mỗi tướng tốt, có tám vạn bốn nghìn quang minh, khắp chiếu 10 phương, chúng-sanh niệm Phật, đều rước hết không bỏ sót.

Lại Kinh Đại-Bồ-nh nói : Ông A-Nan đầu lay mới vừa chấm đất, niệm danh hiệu Phật, lúc lay chưa đứng dậy. Phật phóng hào-quang sáng lớn, khắp 10 phương trên dưới, đầy đều là nghĩa Quang-Minh vô-lượng vậy.

Hoặc hỏi thắc-mắc rằng : Nhật-quang (mặt trời) còn có khi khuất, trong đời ai cũng biết. Hào-quang Phật không khuất sẽ có chỗ chứng cứ bằng cách nào? Đáp : Mục-tử già của Ông Tu-Đạt trưởng-giả không muốn thấy Phật, lánh vào trong phòng kín, hào-quang Phật soi đến, tường vách đều rỗng suốt trong ngoài bốn bên, mục-xây mặt về phía nào cũng thấy thân Phật hiện trước... tức là chứng cứ cho cái nghĩa hào-quang đức Phật không bị chi che khuất, nên gọi là Siêu-nhật-nguyệt-quang.

THỌ-MẠNG VÔ-LƯỢNG

Lại nữa này Xá-Lợi-Phất ! Thọ-mạng Phật kia, và cả nhân-dân trong nước đều sống vô-lượng vô-biên A-Tăng-Kỳ kiếp, nên kêu là Phật A-Di-Đà.

SỐ : Quang-minh vô-lượng, là một nghĩa trong nhiều nghĩa vô-lượng. Văn đây nói Thọ-mạng, cũng vô-lượng vậy. Phật Thọ có 3 : Pháp-thọ, Báo-thọ, Ứng-thọ. Như kinh Pháp-Hoa và Quán-kinh, trong lời số nói rõ.

Song Phật thọ vô-lượng, là tùy cơ chỗ thấy. Đây nói vô-lượng cũng có thể tức từ một số vô-lượng trong nhiều số vô-lượng.

SAO : Thọ-mạng là : Cái chỗ trải qua của số thọ-mạng có ngắn có dài. Nay đương thời kỳ kiếp giảm, số thọ chỉ trăm năm (22). Dù thời kỳ kiếp tăng kia cũng chừng tám vạn (23), dầu vị Luân-vương, Trời Đế-Thích (24), hay các đức Phật trụ thế, cũng có hạn lượng. Duy có Thọ-mạng của Phật A-Di-Đà kia rất là lâu xa, không cuộc số thường, thế gọi là vô-lượng-thọ.

Ba thọ là : Kinh Pháp-Hoa phẩm Thọ-Lượng lời sơ nói : Chữ Thọ : Sống lâu. Cũng nói nghĩa thọ là chịu. Như Pháp thân là lý chơn-như nó không cách ngại các pháp, nên gọi là lãnh chịu ; như Báo-thân Cảnh và Trí nó tương-ứng với nhau, nên gọi là lãnh chịu. Như Ứng-thân mắc cái báo trong một thời kỳ, trăm năm không đoạn, nên báo là lãnh chịu.

Pháp-thân lấy lý chơn-như làm thọ-mạng ; Báo-thân lấy Trí-huệ làm thọ-mạng, Ứng-thân lấy hai chữ nhơn-duyên làm thọ-mạng.

Trong Quán-Kinh lời 'sơ nói : Phật thị-hiện ra đồng tướng sanh diệt, có thi, có chung đó là số thọ-mạng của Ứng-thân. Một phen chứng quả được rồi thời chứng được luôn bằng cách vĩnh-viễn. Có thi, có chung đó là số thọ-mạng của Báo-thân. Chẳng thọ, chẳng phải chẳng thọ (sống lâu) vô-thi vô-chung, đó là số thọ-mạng của Pháp-thân vậy.

Lại nói : Thọ-mạng của Phật kia, thiết có kỳ hạn, toán-số-học của người, và trời, không đếm đặng ; thế là hữu-lượng mà vô-lượng vậy.

Ngài Việt-Khê giải rằng : Kinh đây tuy nói Vô-lượng, chính là cái thân có 32 tướng, chúng-sanh thường thấy, chẳng phải cái thân thẳng-ứng cao lớn mà trong Kinh Thập-lục-quán nói, cũng đồng ý văn trước.

Nay nói tùy cơ chỗ thấy là : Kinh này nói thân Phật không nhứt-định, trong văn nghĩa lý trước đã biện rành.

Huống chỉ văn kinh chỉ nói Đức Phật A-Di-Đà, hiện ở trước mặt đó. Chưa hề chỉ định hiện cái thân bực nào? Ngài Việt-Khé đầu định định cho là cái thân 32 tướng? Chắc rằng thân Liệt-ứng, thời người liệt cơ tự thấy lấy. Chớ không phải kinh này chuyên chỉ lấy cái thân Liệt-ứng, để hiện cho người liệt cơ vậy đâu?

Kinh Đại-Bồ-Đề Ngài Pháp-Tạng nguyện rằng : Khi Ta thành Phật, dầu cho 10 phương chúng-sanh, đều là bực Duyên-Giác, Thinh-Văn mà là bực tọa thiền nhứt-tâm, muốn tính tuổi thọ của Ta, dầu mấy nghìn vạn ức kiếp, tính mãi cũng không thể biết được. Đ 1 phải là cái vô lượng của thân thường thấy đó ư? Cho nên đức Thích-Ca đã nhập diệt chốn song-lâm rồi, mà hoặc có người còn thấy hội Linh-Sơn chưa giải tán. Với thân Phật Xá-Na nghìn trượng, mà có người thấy bằng thân kim sắc trượng sáu. Thế Phật vốn không dời dôi, mà do căn cơ nên thấy khác vậy thôi. Thế thời nói thọ-mạng Phật kia, bằng số vô-lượng trên vô-lượng, cũng nào chẳng được?

SỞ : Câu : « Cật kỳ nhơn dân là » : Vì khéo dùng lời đảo-ngược Nói nhơn dân là : Vì Phật dụ như Ông Quốc chủ. A-tăng-kỳ, Tàu dịch : Vô-số, gấp hai số vô số gọi số vô-lượng vô-biên. Nhơn dân số thọ có hai : 1.- Vì nhờ sức bản-nguyện của Phật giúp. 2.- Vì nhờ sức công đức tu của mình.

SAO : Lời đảo-ngược là : Nếu theo lời xuôi thuận phải nói như vậy : Phật và nhơn-nhân thọ-mạng vô-lượng. Như câu : Ba-La-Mật gọi là Bỉ-Ngạn-Đáo, phải nói Đáo-Bỉ-Ngạn mới thuận hơn, lấy ý hội hiểu, chớ chấp lời hại ý.

Câu Phật như Ông Quốc-chủ : Nước kia tuy không có cái phong-hóa bằng chế-độ vua tôi cha con. Song Phật là pháp-vương (25), có nghĩa như vua chúa, người sanh về nước kia, nương theo Phật học, Phật nên có cái nghĩa như nhơn-dân.

Chẳng phải như cõi Ta đây : Bản-đồ sở bộ, hệ-thống ; biên tên dân chúng vậy. Số Tăng-Kỳ (26) lại là một con số đầu trong 10 con số lớn (27). Từ một trăm số Lạc-Xoa (28)

bội thêm chồng chứa mà thành ra số A-Tăng-Kỳ. Lại Tăng-Kỳ là một số vô-lượng (29) ; vô-lượng vô-lượng là một số vô-biên. Nay hiệp nói đó tự có hai nghĩa : 1.- Thiết rõ số kia, lấy số Tăng-Kỳ tính đó, có vô-lượng vô-biên số Tăng-Kỳ vậy. 2.- Tột khen số kia rất nhiều, không còn biên-lượng, không còn cùng tột, là Tăng-Kỳ vậy.

Phật-lực là : Kinh Đại-Bồ Đai Pháp Tạng nguyện rằng : Khi Ta thành Phật, người trong cõi Ta thọ-mạng đều là vô-ương số kiếp ; không có ai tính đặng số kia. Đây là vì nhờ nguyện-lực của Phật, nên có số thọ mạng ấy.

Tự-lực là : Nhứt-tâm niệm Phật, vì ; tâm được thanh-tịnh nên hoa sen hóa sanh, cái thân thanh nhẹ, chẳng đồng với cái nhục thân chất ngại có già, bệnh, chết ; đây là vì nhờ sức mình tinh-tấn, nên có số thọ mạng ấy.

SỐ : Hỏi rằng : Vô-lượng đây, cũng có thể tức là vô-lượng, trên vô-lượng đây, nó có chứng cứ gì chăng ?

Đáp : Lệ như trong kinh Hoa-Nghiêm đã nói.

SAO : Văn trên dẫn lời số trong Quán-Kinh nói : Vô-lượng đây là từ hữu-lượng cho đến vô-lượng, mà nói cũng có thể tức nói vô-lượng cho đến vô-lượng đây, do vì văn đây chính giống kinh Hoa-Nghiêm : Kinh kia văn hồi-hương nói Vô-lượng A-Tăng-Kỳ ».

Lời giải rằng : Đây không phải là một trong hữu số (còn đếm được) mà nó chỉ là lời nói để tỏ nghĩa vô số. Nếu nhứt định có số, thì còn bị hạn cuộc trong hạn lượng.

Nay Kinh này cũng nói « Vô-lượng vô-biên A-Tăng-Kỳ » hai kinh văn-thế ý rất giống nhau. Nên nói Phật kia thọ-mạng, cũng có thể tức là vô-lượng của vô hạn lượng vậy.

Hỏi : kinh Hoa-Nghiêm. Phạm thọ lượng nói : Thế giới Ta-Bà một kiếp (30) là thế-giới Cực-Lạc một ngày đêm. Một kiếp của thế-giới Cực-Lạc bằng một ngày đêm của thế-giới Ca-Sa trang ; như thế lần lượt kiếp và ngày tương đối với nhau,

cho đến trăm vạn số A-Tăng-Kỳ thế-giới, tốt đến thế-giới Thắng-Liên-Hoa : Thời ngày kiếp của thế-giới Cực-Lạc chỉ hơn ngày kiếp của thế-giới Ta-bà, mà thua rất xa với mấy thế-giới sau đó, thì đâu đáng còn là vô-lượng của vô hạn lượng ư ?

Đáp : kinh kia lời sao giải rằng : Ba thân dung hiệp, thì ba thọ không ngăn ngại, tức dài cũng có thể thâu ngắn, chính nói ngắn cũng kéo dài, không phải dài không phải ngắn, thì dài ngắn đồng nhau, mỗi mỗi đều hòa lẫn viên-mãn, lời bàn ý nghĩ đều bật, từ đây nghĩa nó tự rõ, không nhọc công biện-luận.

SỐ : Lại với thọ-mạng quang-minh đó chỉ là tóm tắt mà nói đó thôi, vì dùng số ít để gồm số nhiều. Hai bộ kinh dành để chỉ nói Vô-lượng thọ ấy thì tóm lại càng tâm nữa, vì thế nó gồm cả dụng. Nếu nói cho đủ ra thì y-háo, chánh-báo, thủy đều vô-lượng.

SAO : Tóm nói là : vì Phật đủ muôn đức. Nay chỉ nói thọ mạng và quang-minh ấy, như kinh Hoa-Nghiêm về bậc Bát-Địa nói : Thân tướng vô-lượng, Trí-huệ vô-lượng, Phương-tiện vô-lượng, Quang-minh vô-lượng, Thanh-tịnh vô-lượng, Âm-thình vô-lượng v.v... Thời biết nói hai việc là dùng ít nhiếp nhiều.

Thế nhiếp dụng là : Hoặc có kẻ nạn rằng : Đã Quang-minh và thọ-mạng cả hai đều nói, vì sao kinh Đại-Bồ-n và Quán-kinh dành để hai bộ đều chỉ nói : Vô-lượng-Thọ mà không nói Vô-lượng-Quang, nghĩa ấy lại làm sao ?

Bởi do một tâm chơn-như, không khứ không lai suốt xưa suốt nay. Thọ kia vô-lượng, Quang kia cũng vô-lượng vậy. Thế vàng, thời hào-quang vàng, vì không lìa nhau vậy.

Luận Khởi-Tín nói : Tâm Tánh không khởi (vọng) tức là đại trí-huệ, đại quang-minh, khắp giáp pháp-giới. Không khởi là : Thọ vậy. Trí-huệ là : Quang vậy. Nói thọ thời quang ở trong đó, nên nói một cái gồm đủ.

Y. Chánh vô-lượng là : Tự một thân Phật có bao nhiêu công đức và như vạn sau, có bao Thanh-văn, Bồ-tát, nhữn

đến văn trước những lan-can, lười giăng, hàng cây v.v... món món trang nghiêm hết thấy đều là vô-lượng vậy.

SỞ : Xứng-lý thời tự-tánh thường-chiều, là nghĩa quang-minh. Tự-tánh thường tịch là nghĩa Thọ-mạng. Tự-tánh tịch-chiều chẳng hai là nghĩa A-Di-Đà.

SAO : Tánh khôn tỏ rỗng suốt. « Quang » bắt bờ bến ; tánh vắng-lặng thường hằng « Thọ » nào tính kê. Thường hằng mà lại rỗng suốt, nên tức « Thọ » mà « Quang », rỗng suốt mà cũng thường hằng, nên tức quang mà thọ ; như vậy thời Phật A-Di-Đà, tuy trải qua ngoài 10 muôn ức cõi, mà thật ra vẫn ngồi kiết-già chễm-chệ không động ngay trong tâm chúng-sanh nơi thế-giới Ta-Bà này. Thế sao lại đeo pháp trường-sanh, luống uổng kiếp chết yểu, đội ánh sáng mặt trời, trở thành cái màn đen tối. Tâm vốn là Phật, tự muội tâm mình, Phật vốn là tâm, tự mê ông Phật mình.

ĐẠO THÀNH VIỄN KIẾP

Này Xá-Lợi-Phất ! Đức A-Di-Đà từ thành Phật đến nay ước đã 10 kiếp.

SỞ : Đã biết ý-nghĩa của tên đức Phật kia, nhưng chưa được biết Ngài từ thành Phật đến nay, đã trải bao nhiêu thời kiếp.

Chữ « Kiếp » nói đủ là : Kiếp-ba. Tàu dịch là Thời-phần mười kiếp có chỗ nói : Mười đại-kiếp. Và có chỗ nói : Mười tiểu kiếp. Nay kinh này nói lâu xa, chắc là 10 Đại-kiếp. Lại 10 đại-kiếp, cũng là nói trong một thời kỳ pho cảm tùy cơ. Xét tốt mà nói, Ngài thành Phật nhần nay, cũng đến vô-lượng như trọng kinh Pháp-Hoa nói.

SAO : Một Đại-kiếp có 4 trung-kiếp : Kiếp-thành, kiếp-tru, kiếp-hoại và kiếp-không. Mỗi trung-kiếp đều có 20 tiểu-kiếp ; trọn 80 kiếp mới thành một đại-kiếp (30). Nói 10 Đại-kiếp là 800 tiểu-kiếp vậy.

Ý kinh nói : Vì tổ cho biết Ngài thành Phật đã lâu xa, nếu nói tiêu-kiếp, thời chưa thấy chỗ xa kia. Nay y theo bản dịch đời nhà Đường nói 10 đại-kiếp.

Câu cũng tới vô-lượng là : Như trong kinh Pháp-Hoa. Chúng nghi đức Thế-Tôn (Thích-Ca) thành Phật chưa bao lâu, làm sao các vị Bồ-Tát tu đã nhiều kiếp kia, là được Ngài giáo-hóa ?

Phật dạy : Ta thiết thành Phật đến nay vô-lượng vô-biên kiếp rồi. Thế thời Đức Di-Đà thành Phật kia, có thể lường được ư ?

SỞ : Nếu xét cái nhơn-địa của đức A-Di-Đà, từ thành Phật sắp về trước. Chẳng phải một cái nhơn làm « Pháp-Tạng » mà thôi, có nhiều cái nhơn nữa, như trong các kinh nói.

SAO : Nhơn làm Pháp-Tạng là : Kinh Đại-Bồ-n nói : Trước Đức Phật Định-Quang, có đức Phật thứ 53 tên là Thế-Tự-Tại-Vương. Khi đó ngài Pháp-Tạng đang làm vị Quốc-vương, bỏ ngôi đi xuất-gia, phát 48 lời nguyện. Nay Phật A-Di-Đà đây là ông Phật do Ngài Pháp Tạng tu thành vậy.

Còn nhiều nhơn nữa là : 1.- Kinh Pháp-Hoa nói : Thời kỳ Phật Đại-Thông Trí-Thắng Như-Lai có 16 vị Vương-tử đi xuất-gia tinh tu phạm hạnh, cầu quả Bồ-Đề vô-thượng, sau khi Phật Đại-Thông diệt-độ, 16 vị thường ra thuyết kinh Diệu-Pháp-Hoa, ấy sau cũng thành Phật hết cả. Vị Vương-tử thứ 9 thành Phật ở về phương tây. Vị Vương-tử thứ đó nay là A-Di-Đà đây.

2.- Kinh Bi-Hoa nói : Vô-lượng kiếp về trước, có vua Chuyển-Luân-Vương, tên Vô-Thánh-Niệm, cúng-dường cho Phật Bảo-Tạng Như-Lai, lúc đó vua phát nguyện rằng : Nguyện khi Ta thành Phật, trong nước Ta nhiều món thanh-tịnh trang-nghiêm, Phật-Bảo-Tạng thọ-ký cho, qua kiếp số hằng hà sa, làm Phật ở thế-giới phương Tây, nước tên là An-Lạc. Vị Quốc-Vương thuở đó, nay là Phật A-Di-Đà đây.

3.- Kinh Đại-thừa Phương-Đẳng Tổng-Trì nói : Thời kỳ Phật Vô-Cầu-Diệm-Xưng-Khởi-Vương Như-Lai. Có ông Tịnh-Mạng Tỳ-kheo thuộc lòng các kinh, cộng 14 ức bộ. Tùy tâm chúng-sanh ưa muốn, rộng vì thuyết-pháp. Ông Bí-Sô thuở đó, nay là Phật A-Di-Đà đây.

4.- Kinh Hiền-Kiếp nói : Thời kỳ Phật Văn-Lôi-Hầu-Như-Lai có vị Vương-tử tên Tịnh-Phước-Bảo-Chúng-Âm cúng-dường Phật kia, vị Vương-tử thuở đó, nay là Phật A-Di-Đà đây.

5.- Kinh kia lại nói: Thời kỳ Phật Kim-Long-Quyết-Quang, có ông pháp-sư tên Vô-Lượng-Bảo-Âm-Hạnh, ra sức hoằng hóa kinh pháp. Ông pháp-sư thuở đó, nay là Phật A-Di-Đà đây.

6.- Kinh Quán-Phật-Tam-Muội quyền thứ chín nói : Thời kỳ Phật Không-Vương có bốn ông Tỳ-kheo, bị phiền-não che tâm, thoát nghe giữa thanh không, dạy bảo phải quán Phật, liền đăng pháp niệm Phật Tam-Muội ; Ông Tùy-Kheo thứ ba thuở đó, nay là Phật A-Di-Đà đây.

7.- Kinh Như-Uyển-Tam-Ma-Địa-Vô-Lượng-Ấn-Pháp-Môn nói : Thời kỳ Phật Sư-Tử Du-Hý-Kim-Quang-Như-Lai, có vị Quốc-vương tên Thắng-Oai, tôn trọng cúng-dường Phật kia, tu hạnh thiền-định ; vị Quốc-vương thuở đó, nay là Phật A-Di-Đà đây.

8.- Kinh Nhứt-Hương Xuất-Sanh Bồ-tát nói : Đức Phật A-Di-Đà thuở trước làm vị thái-tử nghe pháp-môn vi-diệu đây, vững giữ tinh-tấn, trong 7000 (bảy nghìn) năm lưng chẳng đến chiếu, không nhớ ái dục tài bảo, không hỏi đến việc của người khác, thường ở chỗ một mình, ý chẳng lay động ; lại giáo hóa tám nghìn ức số na-do-tha người, chứng quả bất-thối-chuyển ; vị thái-tử thuở đó nay là Phật A-Di-Đà đây.

Như trên lược kể vài sự tích, nếu nói nhiều kiếp nhiều hơn, cũng tới vô-lượng.

SỞ : Xứng-lý thời tự-tánh xưa nay thành Phật, là nghĩa 10 kiếp.

SAO : Kinh Hoa-Nghiêm nói : Mười Đại-kiếp là nêu số vô tận, tức nay nói tự-tánh mình thành Phật sắp lại đây, nào những chỉ từ bên kia Phật Oai-Âm-Vương ? Mà là bên kia lại còn bên kia, trần sa kiếp lại trần sa kiếp nữa vậy ! Nếu quyết định chấp 10 kiếp, chi khỏi bị người xưa nói ; cũng còn là con cháu của ông Vương-Lão-Sur (31).

HÓA BẠN (phân làm hai phần)

1.- **Hiện tại** : (người bản xứ)

2.- **Vãng-sanh** : (kẻ đến ở)

HIỆN TẠI (phân làm 3 phần)

1.- **Thanh-văn** : (thánh Thỉnh-văn)

2.- **Bồ-tát** : (thánh Bồ-tát)

3.- **Tổng-kết** : (chung-kết)

THANH - VĂN

Lại này Xá-Lợi-Phất ! Phật kia có đệ tử đã chứng quả thánh-văn mà đều là bậc A-La-Hán nhiều đến số vô-lượng vô-biên, chẳng phải tính số chỗ hay biết được.

SỞ : Chủ ất có bạn. Trước nói hàng Thỉnh-văn, kẻ nói hàng Bồ-tát, đều là những bạn-lữ trong ngôi phẩm Thánh-hiền vậy.

Văn đây trước nói hàng đệ-tử Thanh-văn. Thanh-văn là : Nghe tiếng Phật dạy. Pháp Tứ-đế, mà được chứng-quả A-La-Hán là lựa không phải ba quả trước vậy. Trong đây không nói Duyên-Giác, là vì gồm trong hàng Thanh-văn. Chẳng phải toán số là : Nói số kia rất nhiều vậy.

SAO : Nghe Pháp Tứ-đế là : Đức Thế-Tôn vì các ông : Kiều-trần-Như v.v... năm người, chuyển bánh xe : Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Ban đầu chỉ cho pháp Tứ-Đế, thứ hai khuyên tu, đến thứ ba thời chứng-quả. Các lậu phiền-não đã hết, thành

quả A-la-Hán ; Nhơn nghe tiếng Phật dạy, mà được mở tỏ, nên gọi là quả Thỉnh-văn. Cái hiệu Thỉnh-văn, chung ba quả trước; nay quả thứ tư là quả A-la-Hán vậy.

Duyên-giác nhiếp là : Bực Duyên-giác quán xét tu pháp thập nhị nhơn-duyên, mà dặng tỏ-ngộ tự-tánh ; tuy 12 nhơn-duyên mà tóm lại không ngoài pháp Tứ-Đế. Bực này tuy có tám lợi-sanh, nhưng chưa được rộng, nên thuộc hàng Thỉnh-văn vậy.

Toán-số là : Pháp toán-số trong thế-gian. Cao tột là ở nơi pháp cửu-chương. Pháp toán-số của Phật nói ; như số phẩm A-Tăng-Kỳ trong kinh Hoa-Nghiêm thời chẳng phải tâm lực của người đời học tính nổi dặng. Văn đây nói pháp toán-số là nói chung luôn cả pháp toán-số của thế-gian và xuất-thế-gian. Do số đệ-tử Thanh-văn cõi kia rất nhiều vô-tận, vượt khỏi ngoài pháp toán-số, dù Ông Lạc-Hoảng người đời Hán-Vũ-Đế, Ông Nhứt-Hạnh Thiền-sur đời Đường Huyền-Tôn không thể ra tài hay khéo mà tính cho dặng.

Văn trên nói : Số vô-lượng, vô-biên, là nhằm con số thứ hai thứ ba, trong 10 con số lớn, thế là có toán-số, nhưng văn đây nói : « Chẳng phải dùng phép toán-số mà biết được » ; cho nên biết « vô-lượng, chính là lời tán-thán rất nhiều, không nên lấy số thường mà chấp vậy ».

Như Kinh Đại-Bồn nói : Dầu cho các bực Tỳ-kheo đầy một ức số na-do-tha, trăm nghìn số lượng, đều có pháp thần-thông như ông Mục-Liên, muốn chung tính kể số Thỉnh-văn hội ban đầu của Phật kia, dùng hết thần-lực trừ-tính, trong trăm phần không biết được một phần, nhân đến phần Ô-Ba-Ni-Sát-Đàm (33), cũng không biết được một.

Lại nói : Phật bảo Ông A-Nan : Giả sử có người nhỏ lòng trong một thân, nghiền làm mảy bụi : Đem những bụi ấy quăng trong biển, mức nước ra : Nước của mảy bụi nhiều, hay nước trong biển nhiều ?

Ông A-Nan bạch rằng : Thừa Đức Thế-Tôn : Nước của mảy bụi không đầy nửa bùm ; còn nước trong biển kia vô-lượng. Phật dạy : Nầy A-Nan : Đệ-tử về hàng Thanh-văn trong

cõi Phật kia ; với số mà có thể biết được đó, như nước của mây bụi ; còn số mà không tính hết được đó, như nước trong biển kia.

SỐ : Trong Luận nói : Bực nhị-thừa chẳng sanh nay nói có Thanh-Văn đó là do bực ấy quen tập pháp-thừa, chẳng bao lâu cũng chứng đẳng Đại-thừa, rốt rồi không còn tiểu-thừa nữa. Như trong Quán-Kinh lời sơ nói. Nếu cứ theo nghĩa Đức Phật Ngài biến hóa, thời có tiểu-thừa cũng không ngại gì.

SAO : Rốt rồi không tiểu-thừa là : Trong Quán-Kinh lời sơ nói : Những người quen tập tiểu-thừa, vốn chẳng đẳng sanh, nhưng do kia khi lâm-chung, phát tâm Đại-thừa, cũng đẳng vãng-sanh ; do vì quen tập tiểu-thừa, vừa nghe Phật nói các pháp : Khổ, Không, Vô-thường, thuận theo tánh quen trước, liền chứng quả tiểu-thừa, mà cái tâm hướng đại đã thành, hướng đẳng gần Phật, chẳng bao lâu sẽ chứng đại-thừa, thì đâu còn làm thính-văn nữa ư ?

Thế thời kinh nói cõi kia có Thanh-Văn, là do vì tạm có. Nên trong Luận nói : bực Nhị-thừa chẳng sanh là do vì cõi kia quyết định không có tiểu-thừa. Câu tiểu cũng không ngại là : Cõi Tịnh-Độ còn dung chứa các loài chim, hàng Thính-Văn há chẳng bằng chim sao ? Với chim đã biến hóa làm thành ra, thì Thanh-Văn đâu lại riêng thật có ; dù cho nước kia, vẫn có Thính-Văn đi nữa, cũng chẳng ngại gì.

BỒ - TÁT

Các chúng Bồ-Tát cũng nhiều như vậy.

SỐ : Nương văn trên chẳng những chúng Thanh-Văn tiểu-thừa, mà các bực Đại-thừa Bồ-tát không bực nào chẳng sanh.

Câu cũng nhiều như vậy là : Cõi kia có các chúng Bồ-Tát cũng nhiều vô-lượng vô-biên, không thể kể hết số. Và lại Bồ-Tát ấy cũng đủ vô-lượng vô-biên công-đức, như trong Đại-Bồn nói.

SAO : Bồ-Tát là : Từ bực sơ tâm (là mới phát tâm tu Bồ-Tát) nhần đến bực địa tận (là hết thấy Bồ-Tát cả Thập-Địa), như trong khoa giáo khởi trước đã biện rành, và như trong văn bồ xứ sau có dẫn, nói Bồ-Tát rất nhiều vô-lượng, đâu có thể kể số. Công-đức là Kinh Đại-Bồ-n : Phật khen món món công-đức của Bồ-Tát ở nước kia, lập làm 23 lời dụ : 1.- Tánh Bồ-Tát kiên-cố bất-động ; như núi Tu-Di. 2.- Trí-huệ sáng-suốt như ánh sáng mặt nhật, mặt nguyệt. 3.- Tánh rộng lớn như biển, vì hay sản-xuất các của báu công-đức. 4.- Tánh sáng rõ như lửa, vì thiêu củi phiền-não. 5.- Tánh nhần-nhuc như đất (đại-địa) vì bình-đẳng với tất cả chúng-sanh. 6.- Tánh thanh-tịnh như nước trong, vì rửa các trần cấu. Nhần đến dụ 23, như Đức Từ-Thị một quán-niệm vì bình-đẳng với cả pháp-giới. Rốt lại kết rằng : Nay vì các ông Ta nói lời cốt-yếu thể thời, bằng nói rộng ra một kiếp nói cũng chẳng hết.

Thời biết số Bồ-Tát vô-lượng, vô-biên, công-đức của Bồ-Tát cũng vô-lượng, vô-biên như vậy.

SỞ : Như Kinh Hoa-Nghiêm nói : Chỗ ở của Như-Lai, các chúng thanh-tịnh nương ở trong đó, chính đồng nghĩa đây.

SAO : Kinh Hoa-Nghiêm quyển 25 nói : Tất cả chư Phật quốc-độ trang-nghiêm. Chỗ ở của Như-Lai bất-khả tư-nghì, những chúng thanh-tịnh, có duyên đồng tu đời trước, nương ở trong đó. Trong đời vị-lai sẽ thành ngôi chánh-giác.

Chỗ ở của Như-Lai, tức là Cực-Lạc quốc-độ, của Phật A-Di-Đà. Chúng thanh tịnh kia, tức các vị Bồ-Tát, đời vị-lai sẽ thành Phật, tức văn Bồ-xứ sau có nói.

SỞ : Xứng lý, thời tự-tánh tức không, tức giả, là nghĩa Phật kia có Thanh-Văn, Bồ-Tát.

SAO : Tánh không thời lý nhưt chơn đứng lặng (chơn như bất biến). Tánh giả thời vạn dụng hằng sa (bất biến tùy duyên). Đứng lặng thời thăm-thăm không bờ mé. Hằng sa, thời rộng lớn vô cùng tận, đâu từng tính số, và khá đặng so lường ấy ư. Thể thời Thánh-Hiền bực Tam-thừa chung thờ một vị

Phật ; Chơn Tục cả hai để, đồng do một cái tâm. Một tâm rõ-ràng, Phước đủ, Huệ đủ.

TÔNG . KẾT

Nầy Xá-Lợi-Phất : cõi nước Phật kia, thành-tựu công-đức trang-nghiêm như vậy.

SỞ : Kết văn trên, Thanh-Văn, Bồ-Tát là đệ-tử trang-nghiêm, đều bởi nguyện hạnh công-đức do tu nhưn đời trước của Phật kia, nên nay kết quả thành-tựu như vậy. Trong Luận nói : Như-Lai là nhóm tịnh-hoa. Hoa chánh giác đặng sanh, phải vậy.

SAO : Nguyện là : Kinh Đại-Bồ-nhĩ Pháp-Tạng nguyện rằng : Khi Ta thành Phật, Bồ-Tát trong cõi Ta, thần thông, trí huệ biện-tài, Tướng-hảo oai-thần, thấy đều như Phật. Đến nay Ngài thành Phật, đặng toại sở-nguyện.

Hạnh là : Kinh Đại-Bồ-nhĩ nói : Khi đó Ngài Pháp-Tạng giáo-hóa chúng-sanh, tu hành pháp lục-độ, rộng làm việc giáo-hóa, đến vô-lượng chúng-sanh, phát tâm bồ-đề. Hạnh nay đặng thành-tựu, mới có đệ-tử trang-nghiêm như thế.

Nhóm Tịnh-Hoa là : Như Kinh Tịnh-Danh : Bảy giống tịnh-hoa : 1.- Giới-tịnh : Vì tịnh hết ba nghiệp. 2.- Tâm tịnh : Vì các phiền-não kiết-lậu đã tịnh. 3.- Kiến-tịnh : Vì thấy rõ tánh chơn của các pháp, không khởi vọng tưởng nữa. 4.- Độ-nghi-tịnh : Vì kiến giải sâu, thì nghi hoặc liền dứt. 5.- Phân-biệt đạo-tịnh : Vì phải đạo nên làm, không phải đạo nên bỏ. 6.- Hành-đoạn tri-kiến-tịnh : Vì chỗ làm chỗ đoạn đều thông đạt. 7.- Niết-bàn-tịnh : Vì đã chứng quả vô học (A-La-Hán).

Ngài Hải-Đông nói : Bảy món đây thuộc lời luận tụng của hàng Thanh-Văn. Nay đây cho rằng cũng đặng gồm chung Bồ-Tát, lệ như 37 phẩm, vì chung cả Đại-thừa, Tiểu-thừa.

Từ văn : Lan-can, lưới giăng hàng cây đến đây. Y, chánh cộng là 5 phen kể những món trang-nghiêm, với nghĩa của sự vật trong nước Cực-Lạc lược tột nơi đây. Văn sau chúng-sanh sanh về đó, và đi bồ-xử v.v... cũng nhiếp thuộc trong văn chánh-báo.

VẮNG-SANH (phân ra làm hai phần)

1.- Đại-Chúng : (cả nhân chúng)

2.- Thượng-Thủ : (bực bề trên)

ĐẠI - CHÚNG

Lại này Xá-Lợi-Phất ! Cõi nước Cực-lạc, chúng-sanh ở các nơi được sanh về đó, đều đặng A-Bệ-Bạt-Trí.

SỐ : Nương văn trên : Chẳng những chúng hiện ở nước kia, không vị nào chẳng phải Thánh-Hiền. Nhưng hễ ai được sanh về đó, đều đặng bực Bất-thối. Chúng-sanh là cái danh-từ tóm nhiếp tất-cả. A-Bệ-Bạt-Trí là : Tàu dịch Bất-thối chuyển-địa, như kinh Đại-Bồn và trong Luận đã nói : Lại có nhiều món nhơn-duyên, nên đặng bực Bất-thối. Như bộ Thập-Nghi năm món. Bộ Thông-Tán 10 việc tốt. Bộ Quần-Nghi 30 điều lợi-ích v.v...

SAO : Sanh về, đều đặng Bất-thối là : Sự người nghi nước kia vốn nhiều Thánh-hiền. Song đều là bực Thượng-sĩ tu lâu. Người mới sanh về vị-tất đặng bất-thối. Nên văn đây nói : không luận Thánh-Phàm, hễ ai tu tri-danh niệm Phật được sanh về đó, liền đặng Bất-thối-chuyển một cách như nhau, để giải quyết cái nghi của người kia vậy.

Như trong Kinh Đại-Bồn đã nói : Người sanh về nước kia, ở với nhau bằng điều nhơn, đổi chác nhau bằng việc nghĩa, không làm gì quấy quá, trong không có cái tâm đắm nộ, thói ngu-si.

Lại nói người sanh về nước kia, thấy đều trọn đủ 32 tướng tốt, các căn sáng ngõ, nhân đến thành Phật, chẳng mắc vào ác thú. Lại trong Luận lời tụng nói : Những chúng người và trời tâm đều bất-động, toàn là ở trong biển trí thanh-tịnh sanh ra. Bất-động, tức là Bất-thối. Bởi do sức niệm Phật, được nhờ biển trí Như-Lai thấm nhuần sanh ra, nên có tấn mà không thối.

Năm món là : Bộ Thập-Nghị-Luận nói : Có năm món nhơn-duyên nên đặng bất-thối : 1.- Nhờ nguyên-lực đại-bi Đức Di-Đà nhiếp tri nên bất-thối. Nay giải rằng : như kinh Đại-Bồn Ngài Pháp-Tạng nguyên rằng : Khi Ta làm Phật, ai nghe danh hiệu Ta, qui-y tinh tấn liền đặng pháp nhẫn thứ nhất, pháp nhẫn thứ nhì và pháp nhẫn thứ ba, ở trong pháp chư Phật hằng không thối-chuyển, ví như qua biển cả, được đi chiếc tàu to, thì khỏi chìm đắm. 2.- Nhờ hào-quang Phật thường chiếu nên tâm bồ-đề tăng tiến không thối. Nay giải rằng : Như Kinh Đại-Bồn nói : Thấy hào-quang sáng của Phật, mà sanh từ-tâm ; lại người niệm Phật, Phật phóng quang-minh nhiếp hộ người ấy. Ví như mặt trời, mặt trăng chiếu rọi đường tối, thì khỏi sa hầm hố. 3.- Nhờ nước, chim, cây, rừng, tiếng gió, tiếng nhạc, đều nói ra pháp khổ không, người nghe thường khởi tâm niệm Phật, Pháp, Tăng, nên Bất-thối. Nay giải rằng như Kinh đây và trong hai bộ nói : nước, chim, cây, rừng, gió, nhạc. Ví như người vong-giả nghe tiếng khánh, tiếng chuông, tăng thêm chánh-niệm. 4.- Toàn là các bậc Bồ-Tát, dùng làm bạn lành, ngoài không Ma, Tà, trong không phiền-não, nên bất-thối. Nay giải rằng : Như Kinh đây nói : Cõi kia các người bậc thượng-thiện đồng hội một xứ. Ví như đem con dê ở nơi xóm Trang-Nhạc (34) nước Tề thì không còn nói tiếng Sở. 5.- Nhờ thọ-mạng vĩnh-kiếp, cùng Phật bằng bậc, nên bất-thối. Nay giải rằng : Như trong kinh nói : Phật và Nhơn-dân thọ-mạng vô-lượng. Ví như đi con đường muôn dặm, nương theo thời-gian lâu mau rồi rồi cũng đến Bảo-Sở.

Còn 10 việc tốt và ba mươi điều lợi-ích, đại khái đồng với đây, vì số nhiều không dẫn.

SỞ : Lại Bất-thối có ba nghĩa : Đại-thừa Bất-thối ; Di-đặc Bất-thối. Vị-đặc Bất-thối. Lệ như kinh Di-Lặc vẫn nói.

SAO : Đại-thừa Bất-thối là : Vì vãng-sanh về nước kia, là đi ngay vào bậc Đại-thừa, không còn thối-chuyển làm hàng Tiều-thừa nữa, (hay nhị-thừa cũng thế).

Dĩ-đắc Bất-thối là : Vì hễ sanh về nước kia, phàm chỗ đã đặng, không còn thối-chuyển, tan mất cái mình đã có (chứng).

Vị-đắc Bất-thối là : hễ sanh về nước kia, phàm chỗ chưa đặng, không chỉ làm thối-chuyển, ngăn con đường tiến tới trước.

Lại Kinh Di-Lặc-văn nói : Tự-phần kiên-cố gọi là Bất-thối. Thắng-tấn bất-hoại, gọi là bất-chuyển. Văn đây nghĩa : Đại-thừa ; Dĩ-đắc, và vị-đắc. Ba nghĩa phối đó, thời hai nghĩa trước đồng với Tự-phần ; một nghĩa sau đồng với Thắng-tấn.

SỐ : Lại đồng tên là Bất-thối, nhưng có chỗ thấp và cao. Như trong Khởi-Tín và thuyết Ngài Diệu-Tôn, Ngài Từ-Chiếu nói v.v...

SAO : Luận Khởi-Tín nói người sanh về nước kia, thường thấy Phật, rốt đặng bậc bất-thối. Lời sớ nói bất-thối có ba vị : 1.- Tín hạnh chưa đủ, chưa đặng bất-thối. Vì không có duyên thối, nên gọi là bất-thối. 2.-Vị Thập-tín đầy đủ tiến vào vị thập-tru, đặng thiếu phần pháp-thân, gọi là bất-thối. 3.- Vị Tam-hiền viên-mãn tiến vào vị. Sơ-Địa sắp tới, chứng biến mãn phần pháp thân, gọi là Bất-thối.

Lại Ngài Diệu-Tông làm lời sao nói : Bất thối có ba nghĩa : Nếu phá được kiến hoặc, tư hoặc, gọi là vị Bất-thối. Thời hằng không mất cái ngôi siêu phàm. Nếu dẹp được Trần-sa-hoặc, gọi là hạnh Bất-thối thời hằng không mất cái hạnh Bồ-Tát. Nếu phá tan được vô minh hoặc gọi là niệm Bất-thối, thời hằng không mất cái chánh niệm trung đạo.

Lại Ngài Từ-Chiếu-Tôn-Chủ, làm bộ Tứ-độ-Đồ thuyết nói : Bởi người chưa đoạn phiền-não hoặc, sanh cõi Đồng-cư, là nguyện bất thối. Người đã phá kiến hoặc, tư hoặc, sanh cõi phưng-tiện, là Hạnh bất thối. Người phá được trần-sa hoặc, và phá được một phần vô minh hoặc, sanh cõi Thiết báo, là Trí bất thối. Người phá luôn hết ba hoặc, sanh cõi Tịch-quang, là vị bất-thối. Thế thời cái tên bất thối tuy đồng, mà thấp, cao tự khác, lệ như nghĩa cứu phàm.

SỐ : Lại trong Tứ-giáo nói bất thối, chẳng phải như nghĩa kinh này.

SAO : Trong tứ-giáo đều nói bất thối, như Tạng-giáo tu Biệt tướng niệm là bất thối. Thông-giáo Được tánh địa là bất thối. Biệt - giáo Bực Thất trụ là bất thối. Viên - giáo Bực Thất tín là bất thối. Thế thời biết từ đây sắp trước, tấn thối chưa định.

Nay người niệm Phật miễn sanh nước kia, dầu trước kia là người ác, hay súc sanh, nay cũngặng bất thối, đâu chẳng tốt màu mau lệ, khác hơn các kinh giáo kia !

SỐ : Xứng lý, thời tự-tánh thường trú, là nghĩa bất thối chuyên.

SAO : Vì như hư-không, từ xưa đến nay, không từng thối chuyển, dầu muốn thối chuyển, thối đến chỗ nào ?

THƯỢNG - THỦ

Trong nước kia, có nhiều vị nhứt-sanh bồ-xú, số ấy rất nhiều chẳng phải toán số mà biết được, chỉ khá dùng số vô-lượng, vô-biên A-tăng-kỳ mà nói thôi.

SỐ : Nương văn trên nói : Người sanh nước kia, đâu những bất-thối, lại còn có bực Bồ-tát bồ-xú, không thể kể xiết, ; đề khuyên người cầu sanh vậy. Bồ-xú là: Chỉ một đời này, kế bồ ngôi Phật, tức bực Đẳng-Giác Bồ-Tát.

SAO : Khuyên người cầu sanh là : Người sanh về đó đều được bất-thối đã hơn các nước, lại nhiều vị bồ-xú, khá gọi rằng : Siêu vượt thù-thắng, rất tốt đó vậy.

Chỉ một đời này là : Người ở cõi này tu-hành, bỏ thân này thọ thân khác, nghìn đời muôn đời, chưa có cùng tội, nhứt đến người chứng tam quả, cũng còn có sanh, bực A-La-Hán, mới đoạn được thân hậu-hữu. Tuy đoạn thân hậu-hữu, nhưng chưaặng thành Phật.

Nay kinh này nói, chỉ còn một đời, kể liền bỏ đi làm Phật. Trước như Ngài Hộ-Minh, sau như Ngài Từ-Thị, là vị Bồ-tát tốt ngôi. Lại kinh Đại-Bồ-n nói : Người sanh về nước kia, đều đủ 32 tướng tốt, rất ráo thâm nhập chỗ yếu nghĩa pháp mầu, đều còn một đời, sẽ bỏ-xứ làm Phật.

Cứ đây, thời như : Vị Thục-Quân (Thái-tử) tạm ở Đông-cung, quyết định nối ngôi Nam-Diện, chẳng phải sánh với các hàng bá-quan, lần hồi thăng chức, bất quá tới bậc Nhơn-Thần cực vị mà thôi. Các vị Bồ-tát đây, cũng đều nguyện vãng-sanh, những người khinh - dễ cõi Tây - phương, sao mà chẳng xét cho lắm ? !

SỐ : Hỏi : Xứ kia, đức Quan-Âm, kể sẽ bỏ ngôi Phật, kể là Thế-Chí. Sau đức Thế-Chí không nghe nói bỏ ai ? Nay nói : Bỏ-xứ rất nhiều, vậy chớ ngày nào sẽ bỏ ? Lại bỏ-xứ đó vị Bồ-tát đã tiến lên hết thập-địa, vào trụ ngôi Đẳng-giác, như mặt trăng giữa các ngôi sao, đáuặng rất nhiều, đương ở nước kia ?

Đáp : Bỏ-xứ bất-tất định bỏ chỗ xứ của Phật Di-Đà, mà 10 phương thế-giới vô-tận, chư Phật nhập Niết-Bàn vô-tận, Bỏ-xứ Bồ-tát cũng vô-tận. Nhiều vị trụ trong cõi nước kia, mà đời bỏ-xứ, thì sao lại chẳng đặng ?

Lại chư Phật cũng như vi-trần, không có cùng tận ; huống là Bồ-tát số kia rất nhiều, không đủ gì nghi, như trong Đại-Bồ-n nói.

SAO : Kinh Đại-Bồ-n nói : Phật (Thích-Ca) bảo Ngài Di-Lặc : Trong thế-giới này (Ta-Bà) có 720 ức vị Bồ tát sanh về cõi kia, mỗi mỗi vị ấy đã từng cùng-dương vô-ượng (34) số Phật, như ông Di-Lặc đây ; các vị Tiểu Bồ-tát cũng được vãng-sanh không thể kể xiết. Thế-giới phương khác : 1.- Cõi Phật Quang-Viễn-Chiếu, cũng có 80 ức Bồ-tát, đều đang sanh về. 2.- Cõi Phật Bảo-Tạng, cũng có 90 ức. 3.- Cõi Phật Vô-lượng-Âm, cũng có 220 ức như thế. Lần hồi kể đến 44 cõi Phật, nhân đến vô-lượng cõi Phật, những người vãng-sanh không thể kể xiết. Chỉ nói danh hiệu Phật, cùng kiếp không hết, huống các

Bồ-tát đang sanh về đó. Nói như Di-Lặc, thời rất nhiều vị Bồ-xứ càng thêm chứng rõ.

SỞ : Như văn trước, y, chánh hai báo. Hoặc trong văn kinh có, trong văn bản-nguyên không ; hoặc trong văn bản-nguyên có, trong văn kinh không, lẫn thấy không ngại.

SAO : Nếu cứ theo nghĩa chúng-sanh mộ Phật phát-nguyên, nguyên mãn thành Phật, thời cõi kia mỗi món sở-hữu, đều là mỗi lời nguyện của Phật kia đã thành, thấy đều in hiệp. Nay nói lẫn nhau làm có, không đó, vì văn hơi khác, nhưng ý thời đầy-đủ vậy.

Lại như Ngài Pháp-Tạng nguyện rằng : Khi Ta làm Phật trong cõi nước Ta, các trời, Nhơn dân, tất-cả vạn-vật, đều nghiêm-tịnh sáng-suốt, hình sắc xinh-đẹp, tốt-nhiệm rất mầu, không ai có thể cân lường, dầu đặng pháp thiên-nhân-thông, cũng không thể biện biết được cái danh số đó. Xem đây, thời chỉ nói chánh-báo, y-báo, đâu chẳng nhiếp hết ? ! Chẳng nên chấp văn mà hạn nghĩa.

SỞ : Xứng-lý, thời tự-tánh quyết định thành Phật, là nghĩa nhưt-sanh bồ-xứ.

SAO : Ngài Khuê-Phong nói : Nay biết Tâm mình là Tâm Phật, quyết sẽ làm Phật. Nhưng mà Phật xưa nay vẫn thành Phật, chứ chẳng phải có làm mới đặng. Thế thời chỉ thấy cái Thi-giác-Phật mới đây, chớ không biết cái Bản-giác-Phật sẵn có. Nên gọi rằng : Bồ thời quyết định bồ. Thành Phật thời thiệt chẳng phải thành.



B.- CHÁNH THỊ NGUYỄN HẠNH LINH TRI TU CHỨNG
(phân ra làm bốn phần)

- 1.- **PHÁT-NGUYỆN** (Dấy lòng nguyện)
- 2.- **KHỞI-HẠNH** (làm công hạnh)
- 3.- **CẨM-QUÁ** (cảm được quả)
- 4.- **KẾT-KHUYẾN** (kết lời khuyên)

PHÁT-NGUYỆN (phân ra làm hai phần)

- 1.- *Khuyến phát nguyện tâm (khuyến dấy lòng nguyện)*
- 2.- *Xuất kỳ sở dĩ (chỉ lý do kia).*

KHUYẾN PHÁT NGUYỆN TÂM

Nầy Xá-Lợi-Phất ! Chúng-sanh nghe lời ấy, rồi nên phải phát nguyện sanh về nước kia.

SỞ : Văn trên : Kề bày y, chánh hai báo. Văn đây : Nói chúng-sanh được nghe lời đây, nên cần phát khởi đại-nguyện đề nguyện sanh về nước kia, ấy là : Khuyên lần thứ nhứt, sau mới tráo trở tỏ bày (tráo trở là lặp đi lặp lại nhiều lần).

SAO : 1.- Khuyên lần thứ nhứt là : Trong Kinh nói đi nói lại nhiều lần : Khuyên nghe, khuyên tin, khuyên nguyện, ước có bốn lần. Nay nhằm lần khuyên ban đầu : Là nghe nói đến công-đức y, chánh trang-nghiêm thù-thắng mà phát nguyện. 2.- Nói nghe nói lời ấy là : Nghe lời nói nhứt tâm tri danh, quyết định vãng-sanh, mà phát nguyện. 3.- Nói nghe kinh này đây là : Nghe nói pháp Tri-danh được Phật hộ, chẳng lui mất quả Bồ-đề, mà tin thọ ; Không nói nguyện là : Tín Thọ tức là nguyện. 4.- Nói nếu có người tin, là tổng kết cái lời nói người nghe rồi thâm tín, những người mà đã có Tín và Nguyện, thì không một người nào mà chẳng sanh, nên cần phải phát nguyện. Mỗi lần mỗi nghe, nghe lại càng sâu, mỗi lời mỗi nguyện nguyện thêm thiết thật, lời tuy tráo trở, nghĩa chẳng lặp trùng, lòng quá sâu vì thương vật, nên dạy người chẳng mỏi !

SỞ : Lại : Sự nghe nói nhiếp thuộc về nghĩa Tín, Nguyên nó nhiếp về nghĩa Hạnh, ba việc ấy là ba món Tư lương đều đủ nơi đây.

SAO : Có nghe rồi, vậy sau mới Tín, chẳng nghe thời tín từ đâu sanh ? Có nguyên rồi vậy sau mới hành (Tu). Không nguyên thời hành do đâu khởi ? ? Văn sau nói Tín, Hạnh, là cội gốc văn đây ; Tín, Hạnh, Nguyên, ba món Tư lương về Tịnh-Độ đầy đủ không thiếu.

SỞ : Lại lời nguyên nó có cái năng-lực bất-khả tư-nghi ! Cõi Tịnh-Độ của Phật kia, cũng vì do lời nguyên, khi lâm chung được vãng-sanh : Chỉ vì nhờ lời nguyên, nhơn-quả trong ba cõi đều tùy theo lời nguyên. Các vị đại Bồ-tát đều tùy lời nguyên được vãng-sanh.

SAO : Tịnh-độ của Phật kia là : Ngài Pháp-Tạng do trong sở nhơn phát 48 lời nguyên. Nay thành quả Phật, rộng độ chúng-sanh. Thời biết : Công-đức vô-cùng tận của Như-Lai, đều từ lời nguyên sanh ra, nên nói bất-khả tư-nghi.

Lâm-chung vãng-sanh là : Phẩm Hạnh-Nguyên nói : Người đó đến khi mạng-chung, tất-cả các căn, thấy đều bại-hoại, nhần đến bà con oai-thế, voi, ngựa, trân-bảo v.v... cũng đều tan mất ; duy có lời nguyên chứa (lớn) đây, chẳng bỏ lìa nhau ; trong tất-cả thời, nó dẫn-dắt tới trước ; trong một sát-na, liền đặng sanh về thế-giới Cực-Lạc, nên nói Bất-khả tư-nghi.

Nhơn-quả trong ba cõi là : Nguyên hưởng sự vui trên cõi trời, thời người Bần-mẫu sanh lên (35) ; Nguyên làm ông Minh-Vương, thời vị Ngục-Thần trị quỷ (36). Món món đều tùy theo lời nguyên, chẳng phải ai bắt làm mà tự-nhiên tâm nguyên nó làm ; nên nói bất-khả tư-nghi.

Bồ-tát nguyên sanh là : Đức Phổ-Hiền nói lời Tụng rằng : Nguyên Ta đến khi mạng sắp mất, dứt hết tất-cả các chương-ngại. Trước mặt thấy Phật A-Di-Đà, liền đặng sanh về cõi An-Lạc ; nhần đến nguyên nhờ đức Phật thọ-ký, rộng lợi-ích chúng-sanh v.v... Chỉ như đức Văn-Thù phát nguyện vãng-

sanh, Ngài thuyết lời kệ, cũng nói : Nguyên Ta khi mạng-chung, diệt-trừ các chương-ngại ; mặt thấy A-Di-Đà, sanh về cõi An-Lạc, cùng đức Phổ-Hiền, như hiệp cái Phù-Tiết (37). Kia như Ngài Thiên-Thân, Ngài-Long-Thọ v.v... nhiều không kể hết, đều nguyện vãng-sanh nên nói bất-khả tư-nghĩ.

SỞ : Xứng-lý, thời tự-tánh trở về Bản-thê, là nghĩa nguyện sanh về nước kia.

SAO : Nếu biết Bản-thê không lìa đương xứ (Bản-thê) thời chẳng phải sanh về nước kia, mà là sanh nước đây vậy. Tuy nói, con đường 10 muôn ức, nào từng động bước trong tắc thước ! Nên nói chẳng nhọc khảy móng tay mà tới Tây-phương vậy. Như ai kia với tánh Chơn-Như mà không giữ được tự-tánh, để đến đổi tùy duyên theo năm đường, thời như đũa Cùngthử (38) nương ngu què người lĩnh-đỉnh vất-vả, nên phải sớm về làng cũ,

XUẤT KỲ SỞ DĨ

Lẽ ấy thế nào ? Vì được cùng các người bậc thượng-thiện như thế, đồng hội-hợp một xứ.

SỞ : Văn đây nối văn trước, gạn hỏi cho ra, vì sao dạy người, phát nguyện sanh về nước kia ? Do nước kia là cái xứ đề các người bậc Thượng-Thiện hội-đồng. Nếu được sanh về nước kia, thì được vào hội tốt hơn hết. Như vậy nên phải cầu sanh.

SAO : Gạn hỏi có hai nghĩa : 1.- Cõi Ta-Bà cũng là nước Phật (Thích-Ca) hà tất xa lìa nước mình ? 2.- Trong 10 phương cõi Phật rất nhiều, vì sao cứ bảo cầu về Tây-phương ? Nên gạn hỏi căn do đó.

Đáp bằng cách dung-hòa cũng có ba nghĩa : 1.- Hoặc vì có Quốc-độ : Người, súc, quỉ, ngục, đồng nhau chung ở, thì vị-tất toàn là loài người. 2.- Hoặc có Quốc-độ, tuy thuần là loài người ở, nhưng vị-tất đều là người thiện. 3.- Hoặc có Quốc-độ, tuy thuần là người thiện ở, nhưng vị-tất đều là người Thượng-Thiện.

Nay nói rằng : Các người bực Thượng-Thiện, thời chẳng những là bực Thiện trong hạng người, cũng là bực Thiện trong bực Thiện, như văn trên đã kể bày. Các bực Thanh-Văn-Bồ-tát, nhứt đến bực Bồ-xứ, các bực đây, đều là bực người Thượng-Thiện. Nay người đặng vãng-sanh, liền cùng các bực ấy cu-hội một xứ. Chỗ gọi rằng : Quan-Âm, Thế-Chi bắt tay cùng đi ; Văn-Thù, Phổ Hiền, sát cánh bạn lành, dụ như lên chốn Long-Môn (39) cùng Dinh-Châu (40). Vì trong đời người ít có vậy. Thế nên bực Đại-Sĩ cầu vào hội Liên-lục (41) hưởng là kẻ phạm-phu ! Người xưa tìm chỗ ở, còn biết chọn làng có nhơn, phương chi trang học đạo hội tốt như đây, há chẳng muốn ư ?

SỞ : Hỏi : Người sanh về Cực-Lạc, loại kia chẳng phải một, đâu đặng đồng xưng là bực Thượng-Thiện ? Đáp : Do vì đều đặng bực Bất-thối-chuyên.

SAO : Loại kia chẳng phải một là : Có Phạm, Thánh, Đại, Tiều, thượng, trung, hạ phẩm, phân có ngôi thứ, vậy sao nay lại lược bỏ phẩm Trung, phẩm Hạ, chỉ nói phẩm Thượng-Thiện, nên lập lời nạn đây.

Nay nói chúng-sanh, sanh về đó, đều là bực bất-thối-chuyên, thì rớt-ráo đều thành bực Vô-thượng Chánh-Giác, là cảnh-giới của Phật nên không khác vậy.

SỞ : Xứng-ly thời tự-tánh vạn thiện đồng qui (qui về tự-tánh) là nghĩa đồng-hội một xứ.

SAO : Trăm sông hội về một bể cả, các cảnh-vật hội về một cõi không, các người bực Thượng - Thiện, chẳng hội về một xứ đây, vậy chớ tính hội về đâu ? !



KHỞI - HẠNH (phân ra làm hai phần)

1.- *Giản Dư Hạnh* ; (chọn riêng các hạnh)

2.- *Thị Chánh-Hạnh* ; (chỉ ngay chánh-hạnh)

GIẢN DƯ HẠNH

Này Xá-Lợi-Phất ! Không thể do nhơn-duyên phước đức và căn lành ít, mà được vãng-sanh về nước kia đâu !

SỐ : Nương văn trên nói : Đối với bọn phàm dễ tới, bạn lành khó thân ! Huống chi với hội của bậc người Tối-Thượng-thiện há nên dùng chút Thiện chút Phước mà được sanh vào ?

Trong văn đây, Ngài Linh-Chi lấy hai chữ Thiện-Căn, làm hạnh chánh-thức, thuộc về pháp tri-danh, lấy hai chữ Phước-Đức, làm hạnh trợ (phụ) thuộc về ba việc phước của pháp tu Tịnh-nghiệp.

Ngài Hải-Đông thời gom luôn bốn chữ « Đa Thiện, Đa Phước » làm hạnh chánh nói đó là phát-tâm Bồ-đề ; lấy bốn chữ « Thiệu-Thiện, Thiệu-Phước » làm hạnh trợ, nói đó là pháp chấp Tri-danh hiệu. Hai nghĩa trái nhau. Nay đều vì hòa-hợp mà giải, nghĩa là : Muốn sanh về nước kia, cần phải đa thiện, đa phước mới được. Mà nay nói pháp tri-danh đây, chính là cái Thiện ở trong các hạnh Thiện, Phước trong các hạnh Phước. Chính chỗ gọi rằng : Phát tâm Bồ-đề, mà làm đại nhơn-duyên sanh về nước kia vậy.

SAO : Trái nhau là : Một ông cho pháp Tri-danh thuộc về hạnh Chánh. Một ông cho pháp Tri-danh thuộc về hạnh trợ. Hai thuyết mâu thuẫn. Mà đại-ý kinh đây, chính là trọng pháp Tri-danh. Nếu cho pháp Tri-danh là hạnh trợ ; thời văn sau nghe nói Phật A-Di-Đà, chấp Tri-danh hiệu, nghĩa phải nói làm sao cho thông ? Thế thời với pháp Tri-danh, mà cho là hạnh trợ, đoán chắc không có lý đó.

Lại Ngài Linh-Chi; Lấy ba việc phước trong Quán-Kinh phối với cái phước đức kinh đây, thời việc phước thứ ba kia chính thức là phát tâm Bồ-đề, đây, bèn thành ra hạnh trợ. Cùng Ngài Hải-Đông nói: Tâm Bồ-đề là hạnh chánh, hai Ngài cũng mâu-thuẫn. Nhưng trong Quán-Kinh lấy ba việc phước làm cái chánh-nhơn tu Tịnh-Nghiệp. Thế mà Ngài Linh-Chi nói phát Bồ-đề tâm là hạnh trợ; cũng không có lý đó.

Nay (Tổ Văn-Thê) vì hòa hợp mà giải; Lại lấy pháp Tri-danh làm hạnh chánh, còn lấy pháp Tri-danh làm phát Bồ-đề tâm, thời đều thủ ý của hai Ngài, mà hòa-hợp nghĩa kia vậy.

Thiện-căn là: Trong Quán-Kinh: Thời như văn trên nói: Việc phước thứ ba, là phát tâm Bồ-đề. Kinh Đại-Bồ-nh thời nói: Ba bậc vắng-sanh, cũng đều nói phát tâm Bồ-đề.

Căn-cứ theo đây thời: Phát tâm phạm-phu, ấy gọi là không thiện căn. Phát tâm Thanh-văn, không phát tâm Bồ-đề, ấy gọi là thiếu Thiện căn vậy.

Phước đức là: Trong Quán-Kinh thời nói: Hiếu dưỡng Phụ, Mẫu v.v... Kinh Đại-Bồ-nh thời nói: Tu các công-đức v.v... Căn-cứ theo đây thời đối với Bồ-thí, Tri-giới v.v... nhắm đến lập chùa, tạo tượng, tham thiền, tụng kinh, khổ hạnh, tất-cả việc phước, đều bỏ đi không làm, ấy gọi là vô phước-đức. Song ta làm phước đây, là trồng cái nhưn hữu-lậu, kết quả nhỏ nhỏ ở cõi Nhơn-thiên, ấy gọi là Thiểu phước đức.

Thiện trong các thiện là: Tự có năm nghĩa, do vì trong Luận Trí-Độ đủ năm món tâm Bồ-đề: 1.- Phát tâm Bồ-đề. Nghĩa là: Ở trong vô-lượng sanh-tử, phát tâm đại Bồ-đề, mà pháp tri-danh chính là ở trong cái tâm kẻ phạm-phu sanh-tử khởi tâm đại-giác. 2.- Phục Tâm Bồ-đề. Nghĩa là: Đoạn các phiền-não, bẻ dẹp tâm kia (phiền-não) vậy; mà pháp Tri-danh, thời tâm chánh-niệm vừa bày, tâm phiền-não tự diệt. 3.- Minh Tâm Bồ-đề. Nghĩa là: Rõ thấu lý thật tướng của các pháp; mà pháp Tri-danh chính là một tâm ấy, rõ thấu tất-cả thật tướng của các pháp. 4.- Xuất Đáo Bồ-đề. Nghĩa là: Đặng bậc Vô-Sanh nhắm ra khỏi ngoài ba cõi, đến biên Tát-bà-Nhã

(nhứt-thế-trí) ; mà pháp Tri-danh liền đặng nhứt thứ nhứt, thứ hai, và thứ ba, mau khỏi đường sanh-tử, tới bậc nhứt-thế-trí.
5.- Vô-thượng Bồ-đề. Nghĩa là : Ngồi chốn Đạo-Tràng, thành bậc tối-chánh-giác ; mà pháp Tri-danh thời đặng bậc Bất-thối-chuyển, thẳng đến thành Phật.

Lại Ngài Hải-Đông làm lời sớ dẫn trong phẩm Bồ-tát Tâm-địa nói : Các vị mới phát tâm tu Bồ-tát, hay thấu giữ tất cả pháp Bồ-đề phận (37 đạo phẩm) thiện-căn, thù thắng. Luận Du-Dà quyền thứ 37 nói : Bồ-tát chỗ chứa nhóm thiện-căn, dùng tín tâm tịnh diệu thuần nhứt, đề hồi hướng lên quả Vô-thượng Bồ-đề. Bộ Lương-Nhiếp, quyền thứ 10 nói : Chỗ làm căn-thiện, cũng dùng hồi-hướng lên quả Vô-thượng Bồ-đề. Thế thì các kinh đều lấy chỗ phát tâm Bồ-đề làm thiện-căn. Mà kinh đây pháp Tri-danh, chính là cái thiện-căn hồi-hướng lên quả Vô-thượng Bồ-đề vậy. Do vì đức Phật A-Di-Đà tức là ngôi Vô-thượng Bồ-đề. Đây là cái thiện trong các việc thiện, nên gọi đa thiện-căn.

Phước trong các việc phước là : Cũng có hai nghĩa :
1.- Phật A-Di-Đà là danh hiệu muôn đức, một danh ấy vừa niệm, thời muôn đức đều đủ, thế chẳng cầu phước mà phước đã đủ tròn. 2.- Do năng lực trí-niệm, tự nhiên các việc ác không khởi, các việc lành vun làm ; lấy đây tu phước, thời phước dễ nhóm. — Đây là cái phước trong các việc phước. Nên gọi đa phước đức.

SỚ : Nhơn-duyên là : Ngài Thanh-Lương nói : Chính là lấy cái mà nó hay phát khởi ra đó làm nhân. Mượn những cái giúp thành cho nhân phát khởi làm duyên. Nay kinh đây có hai nghĩa : 1.- Dùng thiện căn làm nhân, dùng phước đức làm duyên. 2.- Thiện-căn, phước-đức, mỗi cái đều có nhân-duyên.

SAO : Thiện-nhân, Phước-duyên là : Dùng thiện-căn Bồ-đề làm chánh nhân vào đạo. Như trong kinh nói : Kinh phát-tâm chánh-giác Bồ-đề, dầu tu pháp lục-độ vạn-hạnh, trải hằng sa kiếp, rồi cuộc cũng không thành Phật. Cho nên biết Bồ-đề tâm là cội gốc sanh ra muôn việc lành, thế gọi là nhân. Song căn

phải làm tất cả việc phước đức, để giúp thành quả Bồ-đề ; dùng phước giúp huệ, dùng sự dễ hiểu lý, giúp đỡ vào đạo ; ấy gọi là duyên.

Đều có nhân-duyên là : Thiện-căn, phước-dec, chỗ lý-do của nó, từ đâu mà phát tâm, đều kêu là nhân. Mà thiện-căn phát-khởi, ắt có các món thiện-duyên làm trợ, phước đức phát khởi ắt có các món phước duyên làm trợ. Thế là mỗi món đều có cái duyên của nó.

SỞ : HỎI : Có sao trong Quán-kinh nói : Phát-tâm Bồ-đề đề ở về phước thứ ba ? — **ĐÁP :** Do vì phước có sự, có lý không phải chuyên về sự không.

SAO : Trong Quán-Kinh nói : Ba việc phước : 1.- Hiếu-dưỡng cha mẹ và phụng-sự Sư-trưởng, từ tâm bất sát, tu 10 thiện nghiệp. 2.- Thọ-tri pháp tam-quì, giữ đủ các giới, không trái oai-nghi. 3.- Phát tâm Bồ-đề, tin sâu lý nhơn-quả, đọc tụng kinh điển đại-thừa, khuyến tấn người tu.

Nạn rằng : Vì sao phát tâm Bồ-Đề, mà cho nhập với hai cái trên, đồng gọi là phước ? — Nay nói phước có sự có lý. Tâm Bồ-đề đây, là trong lý Bát-Nhã, Phước to lớn như hư không không thể nghĩ lường, chẳng phải cái phước hữu-lậu cõi nhơn-thiên mà bị Tồ Đạt-Ma ngài chê vậy. Cho nên hai cái phước trước còn chung với bậc phạm tiều. Duy phước đây riêng bậc Đại-thừa mà thôi. Song nay lời Sở không dùng phát Bồ-đề tâm phối với phước, mà đem thuộc về thiện căn ấy là sao ? Bởi do Thiện và Phước, riêng ra thời hai, chung lại thời một. Riêng mà nói đó, thời tâm Bồ-đề, riêng thuộc về thiện-căn.

Chung lại mà nói đó, thời tâm Bồ-đề, cũng nói là phước được. Trong Quán-Kinh chung dùng, nên nói phước cũng không ngại.

Hỏi : Kinh Bảo-Tịch, kinh Đại-Bồ-n đều nói : « Người muốn thấy đức Vô-Lượng-Thọ Phật, phải phát tâm vô-thượng Bồ-đề, lại phải chuyên tâm tưởng niệm nước kia, và chứa uhm Thiện-căn » thời thành ra Bồ-đề và Thiện-căn tuồng

như hai việc. Nay kinh đây trực nhận thiện-căn, thuộc về tâm Bồ-đề là sao ?

Đáp : Kinh kia chỉ nói Thiện-căn. Kinh đây lại nói đa thiện-căn. Một chữ Đa, chẳng phải tâm Bồ-đề, thì lấy cái gì tương đương vào đó.

SỞ : HỎI : Chính nơi pháp tri-danh cho là đa thiện-căn phước đức ; ngoài kinh đây, riêng có kinh nào chứng cứ chẳng ? **Đáp :** có đành rành có thể chứng được như : Kinh Đại-Bi, kinh Đại-Phẩm v.v... đều có nói.

SAO : Chứng về Thiện-căn là : Kinh Đại-Bi nói : Một khi xưng danh hiệu Phật do Thiện-căn ấy, được vào cõi Niết-Bàn không thể cùng tận. Lại nói : Khi ta (Phật) diệt-độ rồi, nước Bắc Thiên-Trúc, có ông tỷ-kheo tên Kỳ-Bà-Già, tu tập vô lượng pháp « tối-thắng thiện-căn » sau khi mạng chung sanh về Tây-phương, qua trăm nghìn ức thế-giới nước Phật Vô-Lượng-Thọ. Nhân sau thành Phật hiệu là : Vô-Cầu-Quang Như-Lai. Lại Trang-Nghiêm kinh luận nói : Khi Phật còn tại thế, có một ông già, đến cầu xin xuất-gia. Ngài Xá-Lợi-Phất v.v... Các vị đại Đệ-tử đều không chịu độ. Do vì xem ông già nhiều kiếp không có thiện-căn. Phật ngài độ cho, liền chứng đạo quả, nhưn đó Phật bảo trong Đại-chúng rằng : Ông này vô lượng kiếp về trước, làm ông tiều đốn củi, bị cọp dữ rượt chụp, hoảng hốt (sợ) bèn leo lên cây, niệm nam-mô Phật ; do thiện-căn đó, nay gặp ta đắc độ.

Kinh Hoa-Nghiêm quyển thứ 10 văn Hồi-Hương nói : Nguyên nhờ niệm tất cả chư Phật về đời hiện tại, vị lai, quá khứ trong vô lượng vô biên thế giới.

Và kể nói : « Do thiện-căn niệm Phật đây ». Như thế đó đều là chỗ chứng rõ ràng : pháp tri danh là đa thiện-căn.

Chứng phước-dec là : Kinh Đại phẩm Bát-nhã nói : Nếu người tán tâm mà niệm Phật, cũng đặng hết khổ, với phước kia sẽ hưởng không hết. Hưởng là định tâm nhờ niệm ư ? — Kinh Xưng-Dương chư Phật công-dec nói : Nếu có người được nghe danh hiệu Phật Vô-Lượng-Thọ Như-Lai, một

lòng tin chịu, tri độc tụng niệm, người ấy sẽặng cái phước vô lượng, hằng khỏi chốn tam-đồ. Sau khi mạng lâm-chung, sanh về cõi kia.

Luận Trí-Độ nói : Ví như có người, khi mới sanh ra lọt xuống đất, liền mỗi ngày đi nghìn dặm, đi mãi một nghìn năm, dùng của bảy báu dựng cho Phật, phước đức biết bao ! ? Thế mà chẳng bằng có người qua đời ác sau này, một tiếng xưng niệm A-Di-Đà Phật, Phước đây hơn kia.

Kinh Tăng-Nhứt A-Hàm nói : Như có người dùng tứ sự cúng-dường tất cả chúng-sanh, trong cõi Diêm-phù-Đề này được phước rất lớn. Nhưng chẳng bằng người xưng niệm danh-hiệu Phật, bằng trong những nạn lửa (giây phút) công-đức hơn trên, không thể nghĩ bàn. Phạm nghĩa như thế đó đều là chứng minh pháp Tri-danh là Đa phước-đức vậy.

Lại kinh Bảo-Tích quyển 19 nói : Bấy giờ có 1 thầy Ty-kheo nghe đức Phật (Thích-Ca) khâm khen công-đức cõi Phật Bất-Động Như-Lai, sanh tâm ham mến, mà niệm sanh về kia. Đức Phật Ngài dạy rằng : Không nên đem Tâm ái-luyến, mong đặng sanh về ; duy có trồng các thiện-bồn, tu các phạm-hạnh, mới được sanh về cõi kia. Thiện-bồn tức là thiện-căn ; phạm-hạnh tức là phước-đức. Đấy, lại đều rõ ràng để chứng-minh rằng pháp Tri-danh mới là « đa-thiện đa-phước ». Các kinh đều tán-thán, chúng ta khá chẳng tín thọ sao ?.

SỞ : HỎI : Những người ở cõi này, riêng tu lý Viên-đốn, chẳng nguyện vãng-sanh, đâu được nói họ là Thiền-thiện-cầu u ?

ĐÁP : Người tu Viên-đốn, tuy ngộ được nhứt tâm hãy còn thân hậu-hữu. Chính phải cầu sanh nước kia, thân cận Phật Di-Đà.

Kia, như chiếc xe ông Triết-Lão, ông Thanh-Công rõ-ràng úp bánh ! Nếu kia tự phụ là người Viên-đốn, chẳng nguyện vãng-sanh. Phải biết những người ấy là Thiền-thiện-căn vậy ! Như trong kinh Hoa-Nghiêm nói thì thua thiệt biết đường nào ?

SAO : Hậu-hữu là : Thân hậu-ấm vậy ; tức là đời sau. Người tu Viên-Đốn dù chỗ kiến-giải tuy bằng với Phật, nhưng mà vô-minh thô tế, hãy chưa dứt hết, đức-tánh hằng-sa cũng chưa trọn đủ, còn có vọng-hoặc tất có luân-hồi đầu khởi thân hậu-ấm. Đã còn thân hậu-ấm, thời ắt có chỗ đi thọ sanh không khỏi luân-hồi trong sáu đạo ; trừ người đã chứng lên cõi Thật-báo. Còn bao nhiêu hoặc chưa khỏi cõi nhơn-thiên. Nhưng trên cõi Trời nhiều kẻ đắm mê sự dục-lạc, trong cõi người xen lộn nhiều thống khổ ; kẻ đọa-lạc thì đông, mà người giải thoát không mấy. Thế thời chúng ta không cầu sanh về Tịnh-Độ, vậy chớ tính sanh về đâu ?

Kia như ông Triết-Lão, nọ như ông Thanh-Công, đều xưng là người có tổ-ngộ. Mà ông Triết-Lão thân đời sau, đắm mến trong cảnh giàu sang, ông Thanh-Công thân sau, chịu nhiều sự ưu-khổ. Đều là bởi không ham mộ pháp vãng-sanh, tự mất lợi lành ; đến nỗi sa đọa nhiều đời, xa đường Bồ-đề, đâu chẳng phải thiện-căn kém thiếu, mới ra như vậy ?

Nói kinh Hoa-Nghiêm là : Phàm nhập pháp-giới nói : Trên hội đức Cha-Na, các bậc đại Thanh-văn, có người không thấy Phật là do vì thiện-căn chẳng đồng, vốn chẳng tu tập thiện-căn kiến Phật tự-tại cơ vậy. Nên biết pháp chấp-trì danh-hiệu, nguyện thấy Di-Đà thành đa thiện-căn, đại thiện-căn, tối thắng thiện-căn và bất-khả-tư-nghi thiện-căn vậy.

SỞ : Xứng-lý, thời tự tánh sanh ra tất cả pháp, là nghĩa thiện-căn. Tự tánh giàu có tất cả pháp, là nghĩa Phước-đức.

SAO : « Nào dè tự-tánh, hay sanh vạn pháp ; nào dè tự-tánh vốn tự cụ-túc ».

THỊ CHÁNH HẠNH

Này Xá-Lợi-Phất ! Nếu có gã Thiện-nam người Thiện-nữ, nghe nói đến Phật A-Di-Đà, chấp trì danh hiệu đề niệm, hoặc 1 ngày, hoặc 2 ngày, hoặc 3 ngày, hoặc 4 ngày, hoặc 5 ngày, hoặc 6 ngày, hoặc 7 ngày mà nhứt tâm bất loạn.

SỐ : Nương vãn trên đa-thiện, đa-phước, mới được sanh về nước kia. Nhưng mà thiện-căn khó trồng, phước-đức khó tu, huống lại nói rằng Đa. Nhiều kiếp nhọc-nhân, không thể nên đặng. Như kinh Bảo-Tích nói : Mười tâm. Kinh Hoa-Nghiêm nói 10 lời nguyện v.v... Nay có một pháp tri-danh vừa mau lẹ vừa gọn dễ, tức là đa-thiện, đa-phước. Nên rõ pháp tri-danh công-đức rất thù thắng.

SAO : Thiện-căn khó trồng là : Như thuở trước ông Thán-Tử (Xá-Lợi-Phất) phát tâm đại-thừa, nhưn người Bà-La-Môn, xin trồng con mắt... mà ông bèn lui mất thiện-căn v.v... Phước-đức khó tu là : Như trong kinh Niết-bàn quyển 34 nói : Năm phẩm tâm, tu mười điều thiện ; gọi rằng phẩm hạ, phẩm trung, phẩm thượng, phẩm thượng trung, phẩm thượng thượng. Mỗi phẩm đều tu 10 thiện, thành ra năm chục. Trước tu, sau tu, mới thành 100 phước. Thế thời phước đó không để gì tu, đã rõ vậy.

Khi Bảo-Tích nói 10 tâm là : 1.- Đối với chúng-sanh khởi tâm đại-tử, không tâm tổn-hại. 2.- Đối với chúng-sanh khởi tâm đại-bi, không tâm bức-não. 3.- Đối với Phật-Pháp không tiếc thân mạng, lại có tâm hay giữ-gìn Phật-pháp. Nhấn đến tâm thứ 10 là đối với chư Phật xa lìa các tướng, lại hay khởi tâm tùy-niệm. Đủ mười tâm đây mới được sanh về Tịnh-Độ.

Kinh Hoa-Nghiêm nói 10 nguyện là : 1.- Lễ kính chư Phật ; nhấn đến. 10.- là phổ giai hồi-hướng. Cũng do 10 nguyện đây, mới sanh về cõi nước kia.

Như trên, đều là các bậc Bồ-tát quảng đại tri-hạnh, chẳng phải dễ trồng, dễ tu. Nay pháp Tri-danh công-đức rất lớn, dầu cho mười tâm chưa đủ, mười nguyện chưa đầy. Nhưng tịnh-nghiệp một phen thành thời liền sanh về nước kia. Đã đặng sanh về nước kia, thời Tâm này, Nguyện này tự-nhiên thành-tự : há chẳng phải đa thiện-căn, đa phước-đức đấy ư ? Chẳng trải quanh co, thế là mau lẹ. Không các việc bề bộn, thế là gọn dễ. Mau lẹ mà đến xa, gọn dễ mà đặng nhiều. Các pháp-môn khác chẳng bì kịp, thế là thù thắng vậy.

SỐ : Thiện-nam tử thiện-nữ nhơn. Chữ Thiện có hai nghĩa : 1.- Thiện-nhơn đời trước. 2.- Thiện-loại đời này. Nam, nữ là chung chỉ kẻ Tăng, người Tục, kẻ lợi người độn và tất-cả chúng-sanh trong sáu đường có duyên với pháp Tri-danh niệm Phật.

SAO : Thiện-nhơn đời trước là : Kinh Đại-Bồn nói : nhơn dân trong thế-gian, những người đời trước có làm nhơn lành nên nay mới được nghe danh-hiệu công-đức Phật A-Di-Đà. Một phen nghe danh Phật từ tâm vui thích, ý-chí thanh-tịnh ; tóc lông dựng dậy, nước mắt liền tuôn ra, người đấy hoặc đời trước từng tu Phật đạo, hoặc vị Bồ-tát cõi Thập-phương khác, vốn chẳng phải người phàm. Thế là những người tín tâm niệm Phật đều là người đời trước đã có tu gốc lành ấy vậy.

Thiện loại đời này là, như kinh Hoa-Nghiêm nói : thà ở trong các ác thú đề mà hằng được nghe danh hiệu Phật, chớ chẳng muốn sanh trong các cõi trời tam thời chẳng được nghe danh hiệu Phật. Luận rằng : Không lấy cõi nhơn thiên làm thiện, mà lấy cái được nghe danh hiệu Phật làm Thiện. Thế thời người tín tâm niệm Phật đây, đều là bà con với bậc thượng thiện nhơn.

Tăng, tục, lợi, độn là : Pháp-môn Tịnh-độ, thâu gồm tất cả. Như kinh Đại-Bồn nói : Những người sanh lên bậc thượng phàm là người bỏ nhà, lìa tục mà làm thầy Sa-Môn và cũng có người không bỏ nhà lìa tục đấy, tức là năm chúng xuất gia, hai chúng tại gia. Hễ ai niệm Phật, đều được vãng sanh nốt, thế là chung cả kẻ tăng người tục.

Lại cõi kia hoa sen phân ra làm 9 phẩm. Phẩm thượng gồm các bậc Thanh-đức Bồ-tát, phẩm hạ kịp đến kẻ phàm phu lơ lơ, nhần đến người ác v.v... Hễ ai có niệm Phật đều được vãng sanh cả, thế là chung kẻ lợi người độn.

Lại các loài : quỷ, súc, địa-ngục, trống, mái, đực, cái cũng đều có thể kêu là nam nữ. Hễ loài nào có tâm niệm Phật, đềuặng vãng sanh, thế là chung tất cả chúng sanh vậy. Xét xưa nghiệm nay, chỉ biên một hai tích ; muốn rõ đủ đó, xin xem trong Vãng-Sanh tập.

SỞ : Văn kể đây có ba phần : Nói danh-hiệu Di-Đà, là nêu cảnh sở niệm. Nhứt tâm chấp trì là rõ pháp năng niệm. Một ngày đến bảy ngày, là hạn định kỳ niệm.

SAO : Nếu không có cảnh, thời pháp không từ đâu mà thi-thiết. Không có pháp, thời cảnh cũng là luống thối. Không kỳ hạn, thời dầu cảnh thẳng, pháp mầu, cũng dài dài, lồi thối, công chẳng chóng tiến.

Đủ ba việc đây hay khiến pháp tịnh-nghiệp quyết chắc thành-lựu.

SỞ : Nêu cảnh niệm là : Đức Phật kia thành-tựu muôn đức ở cõi Tịnh... Độ thân nạp hóa độ chúng-sanh. Cho nên dùng bốn chữ Hồng-Danh A-Di-Đà Phật, làm cảnh sở-niệm ; vì y theo đó tu hành có chỗ về đến.

SAO : Y-báo, chánh-báo nước Cực-Lạc, nói Phật thì đủ. Với công-đức của Phật như bề cả, cũng chỉ nói danh-hiệu là đủ rồi. Nên dùng bốn chữ danh-hiệu làm cảnh ; y theo cảnh ấy, mà gia-công chấp trì, vậy sau mới có chỗ về đến Chữ Nghệ là đến vậy. Nghĩa là về đến nước kia vậy.

Hoặc có người hỏi : Ngoài tâm không có cảnh, quán tâm tức là đủ nào dùng cảnh làm chi ? — Người ấy đâu có biết tâm với cảnh là một, cũng lẫn nhau phát bày. Bực Tiên-Đức nói : Có pháp tam-muội thì chỉ quán ngay ba đường, hiển bày ông Phật bản tánh.

Có pháp tam-muội thì gồm tu phép tri-chú... có pháp tam-muội lại gồm tu sự tụng kinh... có pháp tam-muội lại gồm tu câu niệm Phật.

Nay nêu cảnh niệm, tức là gồm pháp niệm Phật tam-muội. Đây, đều dùng cảnh làm trợ duyên, để hiển-lộ ông Phật trong bản-tánh của ta. Hoặc trực-hiền bản-tánh hoặc trợ-hiền bản-tánh đến chỗ cùng tột kia cũng là một mà thôi. Hướng kẻ phạm-phu mới học chương nhiễm đậm-dày, phải toàn nhờ cảnh thù-thắng, mới phát-minh được cái diệu-tâm của ta. Thực là chước nhiệm tu hành không nên khinh dễ vậy.

SỞ: Rõ pháp niệm ấy nghĩa là: Đã nghe thánh hiện cần phải chấp tri, chấp là nghe thời lãnh thọ, chăm-hăm quả quyết không cho lay sút. Tri là lãnh thời giữ-gìn, thường hằng bền chắc không cho sót quên.

SAO: Chữ chấp-tri, phân giải như trên. Đây riêng nói chữ tri thời gồm chữ chấp. Tóm chữ chấp. Tóm lại là ý chuyên niệm không quên. Lại chữ Tri cũng có mấy cách: 1.- Minh-Tri: Nghĩa là niệm ra tiếng. 2.- Mặc-Tri: Nghĩa là niệm thầm không ra tiếng. 3.- Bán minh, bán mặc-tri: Nghĩa là niệm hơi động mới lữ. Các nhà tu tri chú gọi đó là pháp Kim-Cang-tri.

Lại hoặc tri niệm bằng cách ghi nhớ số, hoặc tri không nhớ số, đủ như trong Mật-giáo nói. Tùy tiện niệm cách nào cũng đều được cả. Nhưng mỗi mỗi đều phân có sự có lý: Nhớ niệm không gián-đoạn, đó là sự tri. Thử xét không gián đoạn đó là lý tri. Văn sau sẽ biện rõ. Lấy đây làm nhơn. Văn sau nhưt tâm bất-loạn cũng có sự và lý. Những người không hiểu ý đây, cho phép niệm Phật là đề độ kẻ độn-căn; tu pháp Tham-Thiền mới dặng ngộ đạo. Kẻ sơ-cơ nghe lời dấy, không tự giải-quyết được. Đâu có biết pháp thử cứu niệm Phật (lý niệm), cùng các vị Tôn-Túc đời trước dạy người nói câu Thoại-Đầu đẹp tình nghi, ý rất giống nhau. Cho nên người xưa nói: Pháp Tham-Thiền không cần nói câu Thoại-Đầu nào khác, chỉ tiêu-qui trên một câu A-Di-Đà Phật thời xong. Rất mau thay lời nói đó!

SỞ: Lại chữ Chấp-tri, tức là nghĩa Qui-mạng.

SAO: Qui-mạng là: Tiếng Phạm nói: Nam-mô. (Namah-Namo). Đã giải trong lời tự trước. Nếu chẳng đem cả thân mình Qui-mạng thời đâu dặng thành nhưt-tâm chấp-tri; cho đồng một nghĩa. Chữ Qui lại có hai nghĩa: Cũng như trong lời tự trước nói: 1.- Nghĩa Qui đầu: Chấp Tri-danh hiệu, nhưt tâm hướng đến, tức là sự nhưt tâm. 2.- Nghĩa Qui-nguyên: Chấp tri danh hiệu đem trở về nơi nhưt-tâm (của mình), tức là lý nhưt-tâm vậy.

SỞ : Do văn trên trong hai : Cảnh và Pháp, lại có ba nghĩa : 1.- Nghe nói danh hiệu Phật, thế là Văn-huệ. 2.- Chấp thọ nơi lòng, thế là Tư-huệ. 3.- Giữ-gìn không quên, thế là Tu-huệ.

SAO : Văn huệ là : Đức Phật A-Di-Đà tuy có vô-lượng công-đức. Nhưng công-đức ấy, nếu không nghe thời không biết, nếu đức Thích-Ca không nói thì ta không được nghe. Nên trong Hoa-Nghiêm nói : Người đăng huệ vô sanh, do trước nhờ có đa văn. Lại nói : Phật pháp không người nói, tuy ta có huệ cũng không rõ đăng. Hoặc nghe lời trong kinh luận kia cho tỏ bày ; hoặc nghe ông Tri-Thức kia chỗ chỉ bảo, một phen nghe lọt vào lỗ tai, hằng làm hột giống của đạo, như thế đó gọi là Văn. Văn mà nói Huệ : Văn tức là Huệ. Vì sao ? Vì như đối với cây đá mà nói, thì chúng nó chai ngắc đâu có biết nghe gì đối với người ngu mà nói, thời họ nghe mà không nhận lãnh, được gì cũng như không nghe ; cho nên nói Văn Huệ.

Tư huệ là : Đã nghe vào nơi tai, phải gìn nơi tâm ; lòng xét chín xem, đó là pháp môn gì, đây là nghĩa lý làm sao, thế đó gọi là Tư. Tư mà nói rằng huệ là : Tư tức là huệ. Ví như loài cầm súc tuy có nghe, nhưng nó đâu có biết tư-tưởng gì, còn người ngu tuy có nghe, nhưng nghe vào tai nói ra nơi miệng, không nhờ tưởng chi cả ; cho nên nói Tư-huệ.

Tu huệ là : Đã sâu nghĩ đó, phải gắng sức làm theo, thế đó gọi là Tu. Tu mà nói rằng huệ là : Tu tức là huệ. Ví như người cuồng dại, tuy có suy nghĩ chỉ hao tinh nhọc thần, chớ chẳng thực hành.

Hỏi : Nay chỉ ba huệ đây, có chỗ nào chứng cứ ? **Đáp :** Luận Phật địa nói : Vị Bồ-tát thực hành ba diệu huệ mà được sanh về cõi Tịnh-độ ; giải rằng : Do nghe, nhờ, tu (văn, tư, tu) ba huệ đây mới vào cõi Tịnh-độ. Cho nên biết pháp niệm Phật ắt có ba huệ.

SỞ : Lại có ba nghĩa: Nghe nói danh-hiệu Phật, tâm không nghi ngờ, thế đó gọi là Tín. Tín rồi giữ-gìn,

khởi tâm ưa muốn, thế đó gọi là **Nguyện**. **Nguyện** rồi tri niệm, tâm cần tinh tấn, thế đó gọi là **Hạnh**.

SAO : Tin, **Nguyện**, **Hạnh**, trong văn sau sẽ biện.

SỞ : Chữ danh hiệu là : **Bốn chữ hồng danh** : **A-Di-Đà Phật** không gồm sắc tượng v.v... Như **kinh Văn-Thù Bát-Nhã** và trong luận **Tỳ-Bà-Sa** đã nói thì đem các món sắc tượng gồm trong danh hiệu.

SAO : Không gồm các món sắc tượng. Chính nói **kinh** này chuyên chủ về chấp tri danh hiệu vậy. **Kinh Văn-Thù Bát-Nhã** nói : **Phật** bảo đức **Văn-Thù** : Muốn vào pháp **Nhứt-hạnh tam-muội** đấy, thời phải ở chỗ vắng-lặng, bỏ hết các ý loạn ; không dùng tướng mạo, chỉ buộc tâm vào một vị **Phật**, chuyên niệm danh-tự, tùy phương sở của **Phật** kia ở, vững minh ngộ ngay hướng **Phật**, đề đối với một vị **Phật**, mỗi niệm mỗi niệm nối nhau ; tức trong niệm ấy, thấy dặng các đức **Phật**. Ở đời quá-khứ đời vị lai và đời hiện tại. Chỉ niệm công-đức một vị **Phật**, cũng đồng như niệm công-đức của vô-lượng Đức **Phật** khác. Chỗ ông **A-Nan** nghe được **Phật** pháp, còn mắc trong số lượng, chớ nếu ta dặng pháp **Nhứt-hạnh tam-muội**, thời đối với pháp-môn trong các **kinh** mỗi mỗi phân-biệt, thấy đều rõ biết. Ngày đêm diễn nói, tri-huệ biện-tài, không bao giờ đoạn tuyệt. Dầu ông **A-Nan** đa văn biện-tài, trăm nghìn đẳng phần, chẳng kịp một phần của kẻ đắc **nhứt-hạnh tam-muội** kia. Luận **Long-Thọ Tỳ-Bà-Sa** nói : Trong **Phật-pháp** có vô-lượng pháp-môn. Ví như con đường trong thế-gian, có khó có dễ. Với con đường dễ đi thì mau đến. Nên niệm **Phật** và xưng danh hiệu ngài. Đức **Phật A-Di-Đà** có lời nguyện như vậy.

Gồm trong danh hiệu ấy có hai nghĩa : 1.- Vì có danh ắt có tướng. 2.- Vì danh và tướng đều chẳng ngoài một cái Tâm. Thế thời niệm danh hiệu một vị **Phật**, với chánh-báo, gồm thu hết cả rồi còn nghĩ gì sắc tượng ư ?

SỞ : Nay người nghe danh hiệu **Phật**, chẳng chịu chấp-tri đó, ước có bốn chương, bốn chương phá trừ, mới có thể chấp-tri danh hiệu, nhắm đến **nhứt tâm được**.

SAO : Chữ chương là : Che ngăn. Do bốn món chương đây, ngăn che tâm niệm không chịu chấp-trì, nên phải cần phá trừ. Bốn chương là : 1.- Có người bảo : Tức tâm là Phật, hà tất bỏ Phật mình mà niệm Phật kia ? Đâu có biết vì tức Phật là tâm, thời niệm Phật cũng không ngại gì. Bởi tức tâm là Phật, đâu chẳng tức Phật là tâm. Nếu chấp niệm tâm không chịu niệm Phật, thời thành ra tâm với Phật là hai, nghĩa chữ Tức làm sao thành lập. Thế nên lấy niệm Phật tức niệm tâm, vì cả hai không ngại. 2.- Có người bảo : Sao chẳng niệm hết thấy các đức Phật, mà cứ niệm một vị Phật ? Đâu có biết tâm chuyên chí nhứt mới thành pháp tam-muội. Bởi vì chúng-sanh trí cạn, niệm nhiều Phật thời không xiết ; nên dùng trí mà không phân nhiều đường, thời tâm thần được ngưng định, nếu khiến tâm nhiều ngả thời công làm phải tán-loạn.

Như Ngài Phổ-Quảng Đại-Sĩ hỏi Phật : Mười phương đều có cõi Phật vì sao riêng khen cõi Tây-phương ?

Phật dạy : Người cõi Diêm-Phù-Đề, tâm phần nhiều tạp loạn ; khiến cho kia chuyên tâm về một cảnh, mới dặng vắng-sanh. Do vì các vị Phật đồng một thân pháp-tánh, nên niệm một vị Phật, tức là niệm tất-cả các vị Phật. 3.- Có người bảo : Mỗi vị Phật đều có thể niệm, sao không đề cho người kia tự-do niệm một vị Phật nào, mà cứ bắt niệm vị Phật A-Di-Đà kia ?

Đâu có biết vị Phật kia cùng các chúng-sanh riêng có nhơn-duyên vậy. Bởi vì danh hiệu Phật kia, người nào cũng đều ưa niệm ; đến nỗi người ác, có khi thoát-nhiên thốt ra tiếng niệm Phật ; nhấn đến người gặp việc lành bất ngờ thốt lời niệm Phật vui mừng tán-thán ; còn người gặp việc ác cùng trong khi gặp nạn khổ, bỗng-nhiên thốt ra tiếng niệm Phật mà thương xót đờn đau. Vì cơ cảm nhơn-duyên, không ai bảo họ, mà họ tự nhiên niệm Phật. 4.- Có người bảo : Vì sao không niệm công-đức trí-huệ, tướng hảo quang minh của Phật, mà chỉ niệm danh hiệu ?

Đâu có biết, ở trong đời mạt pháp này, pháp tri-danh rất hợp cơ vì là bất-tư-nghì. Hợp-cơ là : Kinh Văn-Thù Bát-

Nhã nói : Chúng-sanh cơ ngu-độn, nếu dạy pháp quán tưởng thì họ không biết được, chỉ khiến niệm danh hiệu Phật, tiếng niệm nối nhau thời tự-tiện hơn, dễ được vãng-sanh.

Bất-tư-nghi là : Như văn trước đã nói : Chỉ có pháp Nhứt hạnh tam-muội này, thời chẳng những hợp với kẻ độn-cơ, mà chỗ thần-dụng của nó không lường vậy. Như trong kinh Di-Giáo Phật dạy : Tâm này kiềm chế nó lại một chỗ, thời không việc nào mà chẳng xong. Nay kinh này bảo buộc tâm vào hiệu Phật, nhấn đến nhứt tâm, thời chỗ thần-dụng đâu có thể nghĩ bàn !

SỐ : Kỳ hạn niệm là : Một ngày đến bảy ngày, thế là cái kỳ hạn đã định vậy. Bảy ngày là : Trong thế-gian và xuất-thế-gian, khi trọng cái sự gì đó, thời thường dùng con số bảy. Như nói bảy ngày niệm Phật khỏi chốn địa-ngục có vậy. Lại kỳ bảy ngày cũng có hai nghĩa, mỗi nghĩa đều có phân lợi và độn. Lại số nhiều thời kinh Đại-Bồ-n nói mười ngày. Kinh Thanh-Vương nói mười ngày. Kinh Đại-Tập nói 49 ngày. Kinh Ban-Châu nói 90 ngày v.v...

Số ít thời kinh Đại-Bồ-n nói một ngày kinh Thập-Lục-Quán nói 10 niệm v.v.. Nói ngày là : Do mặt nhứt đi ngang qua đường Xích-đạo từ tối đến sáng trong một vòng vậy.

SAO : Kỳ hạn ấy : Nếu cứ theo Đức Như-Lai về sự Ngài đắc-quả Bồ-Đề, thiết không kể đến số ngày ; thời chẳng phải số ngày, số kiếp gì hết, đâu có cái số bảy ngày. Nếu cứ trong cái nhơn của vị Bồ-tát tu hành, trải qua nhiều kiếp như số vị-trần, thời vô-cùng vô-tận, đâu những bảy ngày mà thôi ?

Nay lập kỳ hạn bảy ngày đây, vì chúng-sanh đời mạt-pháp, tu các công-đức, sức tinh-tấn rất khó, mà bỏ xuôi thời dễ, nên phải có kỳ hạn mới phát tâm hăng-hải.

Vì sao trong thế-gian quí trọng số bảy ? Như phép lễ sám thời nói rằng bảy đêm. Phép trì-chú thời nói rằng bảy biến. Kinh này : Lan-can, Lưới giảng, Hàng cây, đều nói rằng

bảy lớp. Nhân đến quốc-gia lập nhà thờ tiền Tồ thời nói rằng bảy miếu, dạy dân thời nói rằng bảy năm. Và như có việc gì hết lòng thành, thời nói rằng bảy ngày trai-giới, các loại phải vậy.

Khỏi địa-ngục là : Kinh Luật Di-Tướng nói : Có ông vua hại cha, bảy ngày nữa sẽ đọa trong địa-ngục. Khi đó gặp một vị Tôn-Giả dạy : Đại-Vương nên niệm Nam-Mô-Phật. Ông vua liền nhứt tâm niệm Phật, bảy ngày không trể nải, khi mạng chung đến cửa Địa-ngục, còn niệm Nam-mô-Phật người tội trong ngục đều đặng giải-thoát.

Lợi độn là chỗ thì nói : Người lợi-căn niệm một ngày. Người độn-căn hoặc niệm đến bảy ngày. Kinh này nói : Lợi và độn hai căn, đều từ một ngày cho đến bảy ngày. Như người lợi-căn, vì tánh nhậm-lẹ, niệm một ngày thành-công liền đặng nhứt tâm, không còn tán-loạn.

Còn người hơi độn-căn, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày nhần đến bảy ngày, mới đặng thuần nhứt. Song cũng có người lợi-căn, trải đến bảy ngày, vững-vàng được nhứt tâm, không có một chút nào loạn. Còn người hơi độn-căn chừng sáu ngày, năm ngày, nhần đến một ngày, hoặc liền tán-loạn. Thế cho nên cái số bảy ngày ấy, đều cho kẻ Lợi-căn người Độn-căn, không riêng thuộc một kẻ nào.

Mười ngày là : Kinh Đại-Bồ-đề nói : Ăn chay giữ giới thanh-tịnh, nhứt-tâm thường niệm, mười ngày đêm không ngớt, khi mạng-chung, ắt sanh về trong cõi của ta.

Lại Kinh Cồ-Âm-Vương nói : Nếu có người thọ trì danh hiệu Phật kia, kiên cố tâm mình nhớ niệm không quên, mười ngày, mười đêm, dứt hết tâm tán-loạn, ắt đặng thấy Phật A-Di-Đà kia.

Bảy lần bảy ngày (49 ngày) là : Kinh Đại-Tập nói : Nếu có người chuyên niệm vị Phật ở phương kia, hoặc đi hoặc ngồi cũng vẫn niệm, đến 49 ngày, thấy Phật hiện thân, liền đặng āng-sanh.

90 ngày là : Kinh-Ban-Châu Tam-muội nói : Nếu có người tự thệ nguyện trong 90 ngày thường đi thường đứng trong tịnh-thất, nhứt tâm chuyên niệm, lúc ở trong thiền-định, đặng thấy Phật A-Di-Đà.

Lại Kinh Văn-Thù Bát-Nhã nói : Trong 90 ngày ấy, ngồi ngay thẳng, xây mặt về hướng Tây, chuyên niệm đức Phật kia, đặng thành pháp Tam-muội.

Một ngày là : Kinh Đại-Bồ-ni nói : Ngài pháp-Tạng nguyện rằng : Người nào nhứt tâm chuyên niệm danh hiệu Ta. Tuy chừng trong một ngày đêm mà niệm không ngớt ắt đặng vãng-sanh về cõi Ta.

Mười niệm là : Kinh Thập-Lục Quán phàm hạ-hạ nói : Người nào bị khổ ngặt quá, không rảnh niệm Phật, thời chỉ mười tiếng xưng danh hiệu Phật, v.v... Thế nên biết từ một ngày đến bảy ngày, tùy số ngày nhiều ít, đều là cái kỳ hạn niệm Phật để vãng-sanh, tùy theo sức mình làm thế nào vậy thôi.

Tối sáng một vòng là : Từ giờ tỵ, đến giờ ngọ là từ tối đến sáng. Từ giờ ngọ đến giờ tỵ, là từ sáng đến tối. Đó là một ngày đêm.

Vả chẳng, trong giây phút tâm còn có sanh diệt, huống là cả một ngày đêm ư ? Trong văn đây nói : Nhứt-tâm là : nói trong 12 giờ, mỗi niệm mỗi niệm đều là niệm Phật, không gián-đoạn ấy vậy (gián : không xen lộn niệm khác ; đoạn : không ngớt niệm Phật).

SỐ : Lại cái số bảy ngày đây, chẳng phải quyết định chỉ khi lâm chung bảy ngày ; mà cũng dùng khi bình-thời, người có định lực như thế, ắt sanh về nước kia.

SAO : Khi bình-thời là : Người chấp cái văn bảy ngày, tưởng chắc là từ một ngày cho đến bảy ngày rồi liền mạng chung, mới kêu là bảy ngày. Cho nên nói : Hoặc khi lâm chung hoặc lúc bình thời ; hễ người có cái định lực một ngày, hoặc bảy ngày, hằng nhứt tâm bất-loạn, đều đặng vãng-sanh. Nên

nói : Lúc rảnh lo sắm, để khi túng có mà dùng ; sau đến cơn lâm-chung, nhơn-quả phù hiệp, ắt sanh về nước kia.

SỞ : Câu nhứt-tâm bất-loạn. Là nói chỗ kết quả của sự chấp trì vậy. Thật là cái yếu chỉ của một bộ kinh này.

SAO : Chữ Tâm là : Lựa khác với miệng tụng mà tâm không niệm vậy. Chữ nhứt là : Lựa khác với tâm tuy niệm, mà niệm không nhứt vậy. Chữ Bất-loạn, lựa khác với niệm tuy nhứt, mà có khi lại không nhứt. Nhứt tâm bất loạn là : công việc tu pháp Tịnh-nghiệp đã xong rồi.

SỞ : Giải thích bốn chữ đây : Trước nói tổng chỗ đại-ý, sau mới tường trần sự-lý. Đại-ý là nói : Cũng thì với bốn chữ đó ; nhưng khi thì nói xuôi lúc lại nói ngược. Như nói xuôi là : Nhứt-tâm. Nói ngược là : Bất-loạn.

SAO : Vì rằng hễ nhứt thì không loạn ; má hễ loạn thì không nhứt. Có cái Nhứt tâm thời không cái Loạn tâm. Cho nên nói rằng xuôi là ngược. Lẽ như câu : « Thuần-Nhứt Bất-Tập » và câu « Tinh Nhứt vô nhị » thế vậy.

Kinh Hoa-Nghiêm khoản thập hồi hương, bài thứ 4 nói : Chỗ gọi rằng Bất-loạn hồi-hương, và Nhứt-tâm hồi-hương.

Giải rằng : Nhứt-tâm là : Chuyên chú về cảnh chánh. Bất-loạn là : Không sanh vọng-niệm. Chuyên chú cũng như không vọng, tức là cái ý xuôi ngược.

SỞ : Sau đây nói sự và lý là : Một lời nói của Đức Như-Lai Sự, Lý đều đủ, nên đồng kêu là Nhứt-tâm : có Sự có Lý, như trong kinh Đại-Bồ-nói : Nhứt tâm kế niệm, chính chỗ gọi rằng : Nhứt-tâm bất-loạn vậy. Mà Sự và lý mỗi cái đều có khác.

Ban đầu nói Sự Nhứt-tâm là : Như văn trước nhớ niệm danh hiệu Phật mỗi niệm mỗi niệm nối nhau, không có cái niệm thứ hai ; Tín Lực thành tựu thì gọi là Sự Nhứt tâm ; nhiếp thuộc về môn Định, vì chưa có Huệ vậy.

SAO : Với văn trước : Trong pháp chấp-trì, do nhớ niệm và Thề-Cứu, lược phân làm hai món :

Nhớ niệm là : Nghe nói danh hiệu Phật, thường nhớ thường niệm, đề tâm duyên theo, mỗi chữ mỗi chữ rõ-ràng : câu trước câu sau nối nhau không dứt, Đi, Đứng, Ngồi, Nằm chỉ một niệm Phật này, không một niệm thứ hai, không bị các niệm : tham, sân, phiền-não nó làm rối rắm. Như trong kinh Thành-Cụ, Quang-Minh Định-Ý gọi rằng : Lúc ở chỗ vắng-lặng, mà vẫn nhứt-tâm ; dù khi ở chỗ đông-đảo rộn-ràng, mà cũng vẫn nhứt-tâm ; nhấn đến các chỗ : khen, chê, đắc lợi, thất bại, thiện, ác, cũng vẫn đều được Nhứt-tâm. Thế là trên Sự thời dặng, còn trên Lý chưa xong ; chỉ mới dặng Tín-Lực, vì chưa thấy Đạo nên gọi sự nhứt-tâm.

Nói chữ « Định » là : Đã dẹp được cái vọng-niệm. Nói không « Huệ » là : Do vì chưa phá được cái vọng-niệm.

SỞ : Lý nhứt tâm là : Như văn trước : Thề cứu niệm Phật, tự thấy dặng Phật tánh trong bản tâm mình cho nên gọi là Lý nhứt tâm. Đối trong đây có 2 nghĩa : 1.- Rõ biết tâm năng-niệm, ông Phật sở-niệm, lại chẳng phải hai vật chỉ là Nhứt-Tâm. 2.- Chẳng phải có ; chẳng phải không ; chẳng phải cũng có cũng không ; chẳng phải không có không không. Lìa cả 4 câu, chỉ là nhứt-Tâm.

Đây, thuần là Lý-Quán, chớ không chuyên về lối Sự-Tướng. Sức quán xét được thành-tựu thì gọi là niệm Phật bằng Lý Nhứt Tâm ; vì nhiếp về môn Huệ và cũng gồm môn Định nữa.

SAO : Thề-Cứu là : Nghe nói danh hiệu Phật, chẳng những nhớ niệm mà thôi, tức vừa niệm vừa quán tưởng thề xét tìm tòi, cùng tột nguồn gốc của nó. Thề xét rất tột, tự nhiên trong bản tâm mình, thoát vạy khế hợp.

Trong có hai nghĩa là : 1.- Tức là Như và Trí không hai. Nghĩa là : Ngoài Tâm năng-niệm của ta, không có ông Phật nào là ông Phật bị niệm, đối với ta, thế là ngoài trí không

có. Như ngoài ông Phật bị niệm không có cái tâm nào là cái tâm năng-niệm đối với Phật, thế là ngoài Như không có Trí. Chẳng phải Như chẳng phải Trí, cho nên chỉ là Nhứt Tâm.

2.- Tức là Tịch và chiếu khó nghĩ khó bàn ; Nếu nói rằng là Có, thời cái Tâm năng-niệm bản-thể nó tự không, với ông Phật bị niệm hoàn-toàn không thể có.

Nếu nói rằng là không ; thời cái tâm năng-niệm lâu lâu không muội ; ông Phật bị niệm, rành-rạnh rõ-ràng. Nếu nói rằng là cũng có cũng không thời cái có niệm, cái không niệm đều mất. Nếu nói rằng không phải có không phải không, thời cái Có niệm và Không niệm đều còn.

Chẳng phải Có : Thời thường vắng-lặng. Chẳng phải Không : Thời thường Chiếu soi. Chẳng phải cả hai cũng Có, chẳng phải cả hai cũng Không, thời không Tịch, không Chiếu, mà Chiếu mà Tịch, bất đường nói, nghĩ, không hình-dạng kêu gọi (miêu tả) đặng ; vì chỉ là Nhứt-Tâm. Thế thời tình Năng, Sở tiêu, cái chấp Hữu, Vô hết, vẫn chỉ là cái thể bản-nhiên thanh-tịnh, còn có cái vật gì nữa mà làm cho tạp-loạn ; do vì chỗ thấy Đạo chắc chắn, nên gọi là Lý Nhứt Tâm vậy.

Nói môn Huệ là : Vì hay chiếu cái vọng. Gồm môn Định là : Vì chiếu cái vọng vốn không, vọng tự dẹp vậy. Lại vì chiếu hay phá cái vọng, chẳng những dẹp (tiêu) mà thôi.

SỞ : Lại trong kinh giáo phân bốn pháp niệm Phật, từ thấp lần đến cao mà pháp xưng danh đây là ở trước hết. Tuy hai pháp sau cao hơn hai pháp trước ; thật thời hai pháp trước thấu đến hai pháp sau, do vì Lý Nhứt Tâm tức là ông Phật thật-tượng.

SAO : Bốn pháp niệm Phật đây như trong lời tự quyền trước nói : 1.- Xưng-danh ; 2.- Quán-tượng ; 3.- Quán-tướng ; 4.- Thật-tượng. Xưng-danh là : Tức kinh này nói Xưng danh hiệu Phật. Quán-tượng là : Nghĩa là thiết lập một cái hình ông Phật đứng, chăm mắt xem ngó. Như trong Kinh Pháp-Hoa nói : Đứng dậy chấp tay, nhứt tâm xem Phật, tức là quán xét tướng hảo quang-minh của ông Phật hiện-tại vậy. Như

vua Ưu-Điền, dùng gỗ chiến-đàn chạm hình tượng đức Thế-Tôn ; tức là quán-tướng ông Phật bằng đất, bằng cây, bằng vàng, bằng đồng đúc tạo nên tượng ; cho nên nói pháp Quán-tượng.

Quán tướng ấy : Nghĩa là dùng tâm mắt của ta, tưởng đức Như-Lai kia. Tức kinh Quán-Phật Tam-Muội và Thập Lục-Quán có nói cả, thật vậy...

Thật tướng ấy là : Tức là niệm ông Phật Thiên-Chơn trong tánh của ta, không sanh không diệt, chẳng có chẳng không, không năng không sở. Với các tướng cũng đều là tướng, ngôn thuyết, lý tướng danh tự, lý tướng tâm duyên, thế gọi là ông Phật Thật-tướng. Nên có câu : Ta muốn thấy Cực-lạc thế-giới Phật A-Di-Đà, tùy ý liền thấy, thật vậy.

Bốn pháp trên đây tuy đồng tên là pháp niệm Phật, trước thấp sau cao, pháp tri danh tuy ở về pháp ban đầu, kỳ thật ý trùm vô tận. Vì sao ? — Vì sự nhứt tâm thời thấp, lý nhứt tâm thời cao ; tức Sự tức Lý thời tức Thấp tức Cao, nên nói thấu trước thấu sau.

Vì sao ? — Vì lý nhứt tâm ấy, Nhứt tâm tức là lý Thật tướng, thời trước hết tức là sau hết. — Hỏi : Đâu đẳng pháp xưng danh, liền thành ông Phật Thật-tướng ? — Đáp : Nói Thật-tướng đấy, chẳng phải diệt hết các tướng, số là tức nơi các tướng mà vô tướng vậy. Trong kinh nói : Lời nói trị đời, đều cùng Lý thật-tướng, không trái nghịch nhau. Thế nào Vạn-đức Hồng-danh của Phật mà chẳng bằng một lời nói trị đời hay sao ? — Kinh (Pháp-Hoa) nói một tiếng xưng niệm Nam-mô Phật, đều đã thành Phật-đạo, huống chi kinh này pháp xưng danh đẳng Lý nhứt tâm,

Lại kinh Thập-Lục-Quán : pháp quán thứ chín là quán tướng hảo của Phật. Lời sơ chỉ nói : Quán pháp-thân Phật. Tướng-hảo đã tức là Pháp-thân danh hiệu đâu chẳng phải là Thật-tướng.

SỚ : Lại Lý nhứt-tâm đây, chính là : pháp Nhứt-hạnh Tam-muội trong kinh Văn-Thù ; cũng là pháp

Nhứt-hạnh niệm Phật, và pháp Nhứt-thời niệm Phật trong kinh Hoa-Nghiêm. Lại như trong Khởi-Tín nói : Chơn như Pháp-thân. Và trong các kinh nói pháp niệm Phật đồng lý nhứt tâm đây.

SAO : Văn-Thù Nhứt-Hạnh là : Dùng trí Bát-nhã chuyên trì danh hiệu Phật rõ thấy văn trước. Hoa-Nghiêm Nhứt-hạnh là : Ông Đức-Vân Ty-kheo dạy pháp-môn niệm Phật.

Lời sơ nói : Pháp Nhứt-Hạnh Tam-muội là quán xét pháp thân Phật kia ; lấy lý chơn-như làm cảnh, thì không cảnh nào chẳng phải thật. Lại tu pháp niệm Phật Tam-muội, phần nhiều là ước về lối niệm tu. Nghĩa là : Trước niệm ông Phật hóa thân, kế niệm ông Phật báo thân, kế nữa niệm ông Phật pháp thân. Nay kinh này một thời đồng tu, chẳng trái thứ lớp, một hạnh chớ không phải hai hạnh ; một thời chớ không phải hai thời ; cho nên nói tức là Lý nhứt tâm.

Khởi-tín nói : Chơn-như là trong luận Khởi-tín nói : Nếu ta quán xét Lý chơn như pháp thân Phật kia, thường cần tu tập, rốt ráo được vắng sanh, trụ nơi pháp Chánh-định. Lại kinh Ma-ha Bát-nhã nói : Ông Bồ-tát tu niệm Phật, không chấp hình sắc đề niệm, nhắm đến không dùng Bốn trí, 18 pháp Bất-cộng đề niệm. Do có làm sao ? — Vì các pháp đó tự tánh nó vốn không ; tự tánh không ; thời không chỗ niệm, không chỗ niệm đó là niệm Phật. Lại kinh Quán-Phật Tam-muội hải, Phật dạy ông A-Nan rằng : Trụ nơi pháp niệm Phật là tâm ấn bất hoại. Dạy rằng : Xét rõ tự tâm mình gọi là Quán Phật, không bị cảnh làm tán loạn, gọi là Tam muội. Một thể không dời gọi là Tâm ấn v.v...

Lại kinh Xá-Lợi-Phất Đà-La-Ni nói : Chỉ tu nhứt tâm niệm Phật đều là nghĩa Lý nhứt-tâm vậy.

SƠ : Lại tuy nói rằng Nhứt-tâm Thực thời trong Quán-Kinh nói : Ba Tâm. Trong Khởi-Tín nói : Ba Tâm. Trong luận nói : Ba Tâm. Nhắm đến trong kinh Hoa-Nghiêm nói : Mười Tâm. Trong Bảo-Tích nói : Mười Tâm, vì không đâu chẳng đủ.

Lại kinh Tịnh-Danh nói : Tám pháp, vì cũng là Nhứt tâm, ông Đức-Vân nói : 21 pháp niệm Phật, vì cũng chẳng ra ngoài Lý nhứt tâm đây.

SAO : Trong Quán-Kinh nói : Ba Tâm là : 1) Chí-thành tâm. 2) Thâm tâm. 3) Hồi hướng phát nguyện tâm ; cùng với ba Tâm trong luận Khởi-tín, tên tuy khác mà Lý vẫn đồng. Bởi vì Chí-Thành Tâm ấy, tức là trong Khởi-Tín nói : Trục-tâm chánh-niệm lý chơn-như. Mà kinh đây nói : Nhứt tâm bất loạn, lại không lưỡng đối, lại không dôi đổi, vì tùy thuận lý chơn-như. Thâm-Tâm là : Tức như trong Khởi-Tín : Tâm ưa nhóm tất cả Thiện-căn. Mà kinh đây nói : Nhứt tâm bất loạn vì muốn việc lành đều về nơi đó. Hồi-hướng phát nguyện là : Tức như trong Khởi-Tín Tâm độ tất cả chúng-sanh. Mà kinh đây nói : Nhứt tâm bất loạn đều vì chung cả vật và ta. Trong Luận nói : Ba Tâm. 1) Thanh-Tịnh Tâm ; mà kinh đây nói : Nhứt tâm, vì không cấu nhiễm nào chẳng hết. 2) An-Thanh-Tịnh Tâm ; mà kinh đây nói : Nhứt tâm, vì lý không đâu chẳng đủ. 3) Nhạo Thanh-Tịnh Tâm ; mà kinh đây nói : Nhứt tâm, vì lòng từ không chỗ nào chẳng thu nhiếp. Cùng với hai món ba Tâm trước, chính phối-hiệp nhau vậy.

Kinh Hoa-Nghiêm nói : Mười Tâm là : Trong Bồ-tát Thập-Niệm-Tạng nói đủ mười pháp niệm Phật : 1.- Tịch-Tịnh Niệm ; 2.- Thanh-Tịnh Niệm ; nhấn đến 10 Vô-chương-ngại Niệm. Kinh này nói : Nhứt tâm thời bất động ; thế là Tịch-Tịnh Niệm. Nhứt tâm thời bất nhiễm ; thế là Thanh-Tịnh Niệm. Nhứt tâm thời đồng với pháp-giới, thế vô Vô-chương-ngại niệm.

Kinh Bảo-Tịch nói mười tâm là : Đã giải thấy ở văn trước. Văn trước nói mười tâm khó đủ. Văn đây nói tâm đã vắng nhứt rồi, thời Từ, Bi, Hỷ, Xả, trăm nghìn món tâm, chỗ nào lại chẳng đủ.

Kinh Tịnh-Danh nói tám pháp là : Vị Bồ-Tát thành-tựu tám pháp, hạnh không kém thiếu, được sanh về Tịnh-Độ ; mà pháp thứ tám lại kết rằng : thường dùng nhứt tâm, cầu các, công-đức. Kinh đây nói : Đã nhứt tâm thời với trăm món pháp, pháp nào mà chẳng đủ.

Đức-Vân niệm Phật môn là : Kinh Hoa-Nghiêm phẩm Nhập-Pháp-Giới. Ngài Đức-Vân Tỳ-kheo bảo ông Thiện-Tài rằng : Ta đặt pháp-môn : « Ưc niệm Nhứt-thể chư Phật cảnh-giới trí-huệ quang-minh phổ-kiến », mà lại chia ra 21 môn niệm Phật : khởi đầu từ môn Trí-quang Phổ-chiếu, rồi sau đến môn Tru hư-không. Nay đây bảo : Ngoài tâm không có cảnh-giới, ngoài tâm không có trí chiếu và ngoài tâm không có hư-không ; cho nên biết 21 môn chẳng ra ngoài một Lý nhứt tâm, thấy đều cụ-túc.

Trong kinh Na-Tiên nói : Trong các việc thiện, chỉ có Nhứt tâm là đệ nhứt. Thống nhứt được tâm kia rồi, thời các việc lành theo đó, chính ý đây vậy,

SỞ : Lại vì Nhứt tâm đây, tức là hai nghĩa Tác và Thị.

SAO : Trong Quán-Kinh nói : Khi tâm tưởng Phật, Thị tâm Tác Phật, thị tâm thị Phật. Nay kinh này nói : Nhứt-tâm tri danh, do Nhứt-tâm đây, sau sẽ làm Phật. Từ nhơn đến quả, gọi là Tác tức Nhứt-tâm đây toàn thể là Phật ; không phải Nhơn, không phải Quả ; gọi đó là Thị (phải).

SỞ : Lại nữa Nhứt tâm đây tức là Định-Thiện trong các món Định-Thiện.

SAO : Định-thiện trong Định-thiện là : Dùng Định-thiện và Tấn-thiện phân ra để nói đó. Tu các thiếu-thiện, thiếu-phước là : Tấn-thiện vậy. Còn nhứt-tâm Bất-loạn ; là Định-thiện vậy. Lại lấy chữ nhứt-tâm mà phân Định và Tấn ; Sự nhứt-tâm là : Tấn-thiện trong Định-thiện ; Lý nhứt-tâm là : Định-thiện trong các Định-thiện vậy.

SỞ : Lại nhứt-tâm đây, tức là Pháp Niệm Phật Tam-muội của ông Bồ-tát.

SAO : Hoặc có người nghĩ Phật nói kinh Bồ-tát niệm Tam-muội. Trong đó đều không nói những câu Tín, Nguyên vãng-sanh v.v... chỉ nói niệm ngay Lý thật tướng của các pháp, thế gọi là niệm Phật ; tuồng như với kinh này ý nghĩa trái nhau. Nay nói kinh kia là chuyên chú về Lý ; kinh này đây

gồm cả Lý và Sự. Lý nhứt-tâm là : Niệm mà vô-niệm, tức là Lý thật-tướng. Sở là kinh kia dùng vô-niệm làm chánh-nhập (Lý) Kinh đây dùng hữu niệm làm xảo-nhập. Chỗ tác-dụng có chút khác, chứ chỗ cứu-cánh vẫn đồng. Thế cho nên đồng kêu là Pháp Niệm Phật Tam-muội.

SỞ : Lại nhứt-tâm đây, tức là pháp thiền trực-chỉ của Đức Đạt-Ma.

SAO : Theo lối tầm thường người nói : Các thiền giả giấu pháp Tịnh-độ. Nay nói đức Đạt-Ma nói pháp thiền, chỉ ngay nó là tự-tánh Linh-tri của mình. Kinh đây Lý nhứt-tâm chính là tự-tánh Linh-tri. Các môn-định lập ra pháp tu chẳng đồng nhưng chỗ chứng thời không hai vậy. Hay thay lời của Ngài Trung-Phong nói rằng : Thiền đó là pháp thiền của Tịnh-độ ; Tịnh-độ đó, là pháp Tịnh-độ của pháp Thiền vậy ; có ý vị thay nói lời này.

Hoặc có người hỏi : Pháp thiền trực-chỉ, không lập văn-tự. Kinh này nói chấp-tri danh hiệu, sao cho hiệp đồng ? — Đầu có biết Tổ truyền pháp dùng bài kệ bốn câu ; Ấn tâm dùng bộ kinh bốn quyển. So với chữ danh hiệu, văn-tự kia còn nhiều hơn. Sở là chẳng phải dùng đoạn diệt văn-tự là không lập vậy. Nghĩa là : Không chấp văn-tự, mà không bỏ văn-tự. Người trí rõ đó.

SỞ : Lại nhứt-tâm đây, phải biết Tâm vương, Tâm sở, không tâm nào chẳng nhứt.

SAO : Tâm vương, Tâm sở, giải thấy văn trước. Văn đây nói tám thức Tâm vương, và 51 Tâm sở lẫn-găng chẳng đồng, lộn xộn phát khởi, mà nay nói không tâm nào chẳng nhứt là : Bởi do Tâm vương, Tâm sở tuy nhiều ; nhưng ngược động tột nguồn, chẳng ra ngoài nhứt-tâm. Nay người-niệm Phật, ban đầu lấy Nhĩ-thức, nghe danh hiệu Phật kia, kể, lấy ý thức, chuyên chú nhớ niệm ; do vì chuyên niệm tóm thâu sáu căn Nhãn, Tỷ, Thiệt, Thận, Như vậy sáu thức đều chẳng hiện hành. Niệm mãi không thôi, niệm tột rồi quên chỗ gọi rằng hằng thẩm tư lương (thức thứ bảy) ấy, cái tư lương kia lặng vậy,

quên mãi không thôi, quên tốt rồi hóa (biến hóa) chỗ gọi rằng : Chơn, vọng hòa hiệp ấy, cái vọng kia tiêu vậy. Thời thức thứ 7, thức thức 8, cũng chẳng hiện hành. Ông chủ đã chẳng còn, kẻ tùy tùng nương vào đâu, thế là 51 tâm sở kia còn luận chi nữa, đương khi, sóng to sóng nhỏ, đều thành nước đứng ; mây đậm mây lợt, trọn hóa thành không. Bấy giờ chỉ có nhứt-tâm đây, không còn một món chi khác, cho nên không nói tâm nào chẳng nhứt vậy.

SỐ : Cho nên biết chi tâm niệm A-Di-Đà Phật một tiếng, diệt đặng tám muôn ức đường sanh tử trọng tội ; bởi vì chính chỉ cho Lý nhứt-tâm vậy. Như trong kinh Pháp-Hoa Tam-muội nói.

SAO : Có người nghi hỏi : Tội đã nhiều, kiếp nặng chương sáu, cần sám-hối cho lâu, lần chứa công-đức, họa may mới tiêu hết ; mà nay nói niệm Phật một tiếng diệt đặng tội nhiều kiếp, thành ra nhơn làm thì ít, được quả thì nhiều, vốn không tin nổi ? — Nay chỉ nói chi tâm đây tức là Nhứt-tâm vậy. Nếu sự Nhứt-tâm, tuy hay diệt tội, vì sức hơi yếu, tội ắt hiện lại phải niệm cho nhiều, chỉ khá diệt được cái tội chút đỉnh ; nhưng mà cái chi tâm đây, chính thuộc lý nhứt. — Nhứt-tâm đã rõ ràng, thời các vọng chứa liền không. Dụ như nhà tối nghìn năm, chỉ đốt một ngọn đèn, tối kia liền diệt ! Cho nên một tiếng niệm Nam-mô Phật, đều được thành quả Phật. Chẳng những kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa có nói. Mà trong kinh Pháp-Hoa Tam-Muội-Quán cũng nói : Chúng-sanh trong mười phương, một tiếng xưng niệm Nam-mô Phật ấy, đều sẽ làm Phật. Chỉ có một pháp đại-thừa, không có hai và ba. Tất cả các pháp chỉ có một tướng một môn. Chỗ gọi rằng : Vô-sanh vô diệt rốt ráo không tướng. Tập phép quán như vậy việc Ngũ-đục tự đoạn, mà ngũ-cái tự trừ, pháp ngũ-căn tăng-trưởng, liền đặng phép Thiền-định. Giải rằng : Một tiếng niệm được thành Phật là Nhứt-tâm qui-mạng, không thể nào chẳng thành Phật. Vì lìa ngoài một tướng một môn của tự tâm mình, lại không có pháp nào đáng làm chỗ qui-y rốt-ráo vắng lặng cho ta được. Quán được như vậy đó, việc ngũ-đục

tự đoạn ; nhấn đến pháp lục-độ, vạn hạnh, cũng đều thành-tự. Như trên đã nói, chẳng phải Lý nhứt-tâm chớ gì ?

Lại kinh Phật-Danh nói : Một phen nghe danh hiệu Phật, diệt vô lượng kiếp sanh tử trọng tội. Một phen nghe thời chẳng đợi xưng niệm. Vô-lượng thời chẳng những tám mươi ức kiếp. Nhơn càng hẹp mà quả càng rộng chẳng phải lý nhứt tâm đâu đáng đến bậc này.

Chỉ lo là lo tâm không vắng nhứt, nào lo tội kia chẳng diệt.

SỐ : Cho nên người xưa luận chỗ tri-kiến chẳng khắp nhấn đến lời biện định tâm, chuyên tâm ; bởi vì chỉ vắng sự nhứt tâm, chớ chẳng phải Lý nhứt tâm.

SAO : Tri-kiến chẳng khắp là : Luận Hoa-Nghiêm nói đại đạo nhứt thừa, chẳng phải cảnh-giới của ông Bồ-tát muốn sanh về Tịnh-Độ ; vì lòng còn chấp Tịnh và Uế, chỗ tri-kiến chẳng khắp. Văn đây nói các vị Bồ-tát ấy, chỉ cho những vị vừa vắng sự nhứt tâm ; nếu vắng Lý nhứt, thời tổ ngộ một cái Tâm rồi, có gì là Tịnh là Uế ? Song tuy biết Lý pháp-giới bình-đẳng, không chúng-sanh nào đề độ ; nhưng thường tu pháp Tịnh-Độ để giáo-hóa chúng-sanh, chính chỗ gọi rằng : Bực đại-đạo Nhứt-Thừa vậy. Với chỗ tri-kiến đầu cho khắp đủ, đâu hơn được đây.

Lại đức Phổ-Hiền Bồ-tát làm trưởng-tử trong hội Hoa-Nghiêm, chẳng phải bậc Nhứt-Thừa cảnh-giới sao ? Mà muốn khi lâm-chung diện kiến Phật Di-Đà, vãng-sanh về nước An-Lạc ; rồi cũng nói Ngài tịnh vẫn còn chấp Tịnh và Uế vắng ư ?

Định tâm chuyên tâm là : Ngài Vĩnh-Minh nói : Trong chín phẩm, phẩm thượng và phẩm hạ chẳng ngoài hai tâm : 1.- Định-Tâm : Như tu pháp Thiền-Định và tập Quán-tưởng, được sanh về bậc Thượng-phẩm Thượng-sanh. 2.- Chuyên-tâm : Như chỉ niệm danh hiệu vắng thành phẩm chót (phẩm hạ). Nay kinh này đã nói rằng : Hễ niệm... một chữ Hễ, chính chỉ là vắng Sự mà thôi, vì chưa vắng Lý, có vậy.

SỞ : Cho nên biết người xưa nói : Người ngu cầu tu pháp Tịnh-Nghiệp đấy ; chẳng những không đăng Lý nhứt tâm, mà Sự nhứt tâm cũng không đăng nữa.

SAO : Vị Cồ-Đức nói : có người Tham-Thiền không thấy linh-nghiệm, vội bỏ nhơn trước, mai chiều lần xâu chuỗi cầu tu Tịnh-Nghiệp. Lại nói niệm mấy tiếng Phật, muốn cho khỏi cây Thiết-Bản trong tay Diêm-La Lão-tử.

Chính là chỗ làm của người ngu. Thế mà có người chấp lời nói ấy bèn sanh tâm nghi báng : Đâu có biết, lời ấy là vì người Tham-Thiền chỉ chẳng qui nhứt, bèn bỏ việc làm của mình, mà nói, chờ chẳng phải chê pháp Tịnh-nghiệp. Cho nên chỉ nói : Người ngu mai chiều lần xâu chuỗi cầu tu Tịnh-nghiệp ; chờ không nói người ngu mai chiều Nhứt tâm Bất loạn cầu tu Tịnh-nghiệp đâu ?

Trong Quán-Kinh nói : Hễ ai nghe danh hiệu Phật và hai vị Bồ-Tát dặng diệt vô-lượng sanh-tử các tội, hưởng chỉ nhớ niệm. Nhớ niệm là chỉ cho Sự nhứt tâm vậy. Thế thời đủ biết Sự nhứt tâm, đã chẳng phải người ngu, hưởng chỉ là Lý nhứt ?

SỞ : Cho nên biết người tu Tịnh-nghiệp rồi lại bỏ tu các hạnh khác ; thời chẳng những chẳng biết Lý nhứt tâm, mà Sự nhứt tâm cũng chưa được nữa !.

SAO : Mỗi niệm mỗi niệm, đều niệm Phật, lại không còn tạp-niệm, thế gọi là Nhứt tâm. Nhứt tâm niệm Phật, rồi lại Nhứt tâm tu các pháp-môn khác, thế là nhị tâm. Vả chẳng không tạp-niệm đấy, chỉ là dặng Sự nhứt tâm ; nay Sự nhứt tâm còn chưa dặng, hưởng gì là Lý nhứt. Cho nên người niệm Phật giữ chỉ không hai, chờ nhơn pháp Tam-muội khó thành, mà vội bỏ, tu qua hạnh khác. Vị Tiên-Nho (Mạnh-Tử) có nói : Chẳng nên nói cái đạo làm Nhơn khó thuần thục, mà đành làm cái đạo khác cho dễ thành (42) là nghĩa đây vậy.

SỞ : Lại bốn chữ đây, nếu giải theo cách Ly và Hiệp : Thời với Tương-Tức nên gọi là Nhứt tâm. Với Tương Phi nên gọi là Bất loạn.

SAO : Tương-Tức là : Tức không, Tức giả, Tức trung, thời như văn trước đã nói. Văn đây : Năng-niệm sở-niệm tức có mà không, (bát-nhã) tức không mà có (giải-thoát) hai bên chẳng đặng, chính giữa cũng không còn (pháp-thân), Ba đức tròn đủ, không thể phân-biệt, thế gọi là Nhứt Tâm,

Tương-Phi là : Giả chẳng phải là không, không chẳng phải là giả, Trung chẳng phải là giả là không. Thế thời năng-niệm, sở-niệm đều vong, thành đức Bát-nhã. Năng-niệm sở-niệm đều còn, thành đức Giải-thoát. Cũng còn cũng mất, hiển bày lý Trung-đạo thành đức Pháp-thân. Ba đức rõ ràng không đặng lộn-lạo, thế gọi là Bất-loạn,

SỞ : Lại Nhứt-tâm Bất-loạn đây, cũng phân ra năm giáo. Nay không nói là, do vì chính chỉ về Đốn-giáo và Viên-giáo,

SAO : Cũng phân năm giáo là : Do vì hoa sen phân làm chín phẩm, thời Tiểu, Đại, Thiền, Thâm tự có sai khác (nhiều bậc). Như Tiểu-thừa giáo nói : Bởi do tâm tạo nghiệp lành mà cảm hiện cảnh Tây-phương trước mặt là Nhứt-tâm,

Thí-giáo nói : Cảnh Tây-phương do thức A-Lai-Da biến ra là Nhứt-tâm.

Chung-giáo nói : Thức và cảnh như mộng chỉ có Như-Lai-Tạng là Nhứt-tâm.

Đốn-giáo nói : Nhiễm, Tịnh đều bật là Nhứt-tâm,

Viên giáo nói : Tổng gồm vạn-hữu tức là Nhứt-tâm.

Nhưng đức Phật Thích-Ca nói kinh đây vốn vì kẻ hạ phẩm chủng-sanh, hễ niệm danh hiệu Phật kia, liền lên bậc Bất-thối thẳng đến thành Phật, chính thuộc về Đốn-giáo, Viên-giáo. Lại kinh này nói hột giống Nhị-thừa không sanh cho nên bớt ba giáo trước, chẳng còn phân làm năm. Với Thận-thai nói bốn giáo cũng lệ như trên đây.

SỞ : Lại kinh đây : Sự và Lý đều tri niệm, trong Luận Khởi-Tin có đủ ý đây.

SAO : Trong Luận kia nói : Chuyên niệm Phật A-Di-Đà, liền dặng vãng-sanh đấy. Đây là gồm cả Sự và Lý mà nói vậy. Kể nói : Nếu niệm cái Chơn-như Pháp-thân của Phật kia. Lại nói : Tuy niệm cũng không, Năng niệm nào có thể niệm ; đều là chỉ cho Lý Nhứt-tâm vậy.

SỞ : Lại văn đây, Sự và Lý đều tri, tức là Hiền Mật hai ý.

SAO : Bốn chữ danh hiệu (A-Di-Đà Phật), toàn là tiếng Phạm ; chỉ niệm không quên, thời cùng với phép tri-chú cũng đồng, thế gọi là Mật (Mật-giáo). Vừa niệm vừa tham, quán tâm xét lý thế gọi là Hiền (Hiền-giáo). Chỗ lập môn có chút khác, nhưng chỗ qui-nguyên thì đồng : Hiền, Mật viên thông, Sự Lý không ngại vậy.

SỞ : Lại kinh đây Sự và Lý đều tri, tuy văn trước rõ phân chỗ thẳng và liệť. Nhưng có người chuyên về Sự, có người chuyên về Lý ; cơ kia cũng lẫn thông, bất tất gì nghi ngại.

SAO : Văn đây : Chỉ e những người mới vừa được sự niệm, họ tự nghĩ rằng : Lý-tánh chẳng rành, e chỗ làm của mình vô-ích chẳng ? Cho nên văn đây nói : Sự dặng thời Lý thông, để quyết tâm nghi của người kia.

Chương Đại - Thế - Chí - Viên - Thông nói : Cứ giữ pháp niệm Phật đây ; chẳng cần phương-tiện khác, tự dặng tâm tỏ-ngộ. Ngài Không-Cốc nói : Khi niệm Phật, không cần tìm coi Phật ấy là ai, cứ như vậy thuần nhứt niệm đi, cũng có ngày tỏ-ngộ thật vậy.

Lại e những người chỉ cần lý niệm, họ tự nghĩ rằng mình niệm danh hiệu Phật ít quá hoặc đến nỗi lạc về chỗ không

chẳng? Cho nên văn đây nói : Lý dặng thời Sự thông đề giải quyết tâm nghi người kia. Mỗi niệm mỗi niệm đều là Lý nhưt, thế là mỗi niệm mỗi niệm đều là Phật Di-Đà vậy. Thế thì pháp niệm xưng danh hiệu kia chẳng phải lớn sao ?

Thế cho nên : Pháp Nhiếp-tâm và pháp Thê-tâm, hai pháp niệm Phật ; vì sự lý lẫn thông, vốn chẳng hai vậy.

SỞ : Lại kinh đây, sự và lý đền trì, hoặc tiệm tấn, hoặc đốn nhập cũng tùy cơ không nhưt-định.

SAO : Tiệm tấn là : Những người căn hơi độn, trước phải cần về sự trì, sau mới dần dần xét đến lý.

Nếu người căn-tánh đại-lợi, thẳng tới chỗ lý tri gọi là đốn nhập ; chỗ tác-dụng có khác chút, nhưng đến chỗ thành công thì là vẫn đồng một.

SỞ : Lại dưới câu nhưt-tâm Bất-loạn. Có bảng kinh thêm câu chuyên trì-danh hiệu v.v... hai mươi mốt chữ. Văn đây chẳng dùng, do vì văn nghĩa chẳng thành. Nhưng y theo bản xưa, không thêm. Mà dùng cái ý câu « tức thị đa thiện phước », lời ngoài bỏ vào, chắc có lẽ như vậy.

SAO : Văn nghĩa không thành là gì ? Văn trên đã có câu chấp-trì danh hiệu bốn chữ, không nên viết thêm một câu chuyên trì-danh hiệu nữa. Bởi vì trên dưới trùng lặp, không thành văn nghĩa.

Lời cựu truyền 21 chữ đây, là thấy khắc trong bản đá ở đất Tương-Dương. Nên biết 21 chữ đây là lời giải kinh của người thuở trước, mà bản kinh đất Tương-Dương khắc lầm vào lời chánh-văn, viết lộn không phân biệt đấy. Những người thạo văn nghĩa sẽ tự thấy dặng.

SỞ : Xưng-lý, thời tự-tánh chẳng phải nhớ chẳng phải quên là nghĩa : Chấp-trì. Chẳng phải nay chẳng

phải xưa là nghĩa Bảy ngày ; chẳng phải một chẳng phải nhiều là nghĩa nhứt-tâm. Chẳng phải định chẳng phải loạn là nghĩa Bất-loạn.

SAO : Tự-tánh vốn không sanh không diệt. Đâu có nhớ đâu có quên. Tự-tánh thể bất quá-khứ vị-lai, lấy gì thành nay thành xưa. Một cũng chẳng phải một, nhiều lại nào còn. Định cũng không tương định, loạn đem gởi vào đâu ? Rõ ràng như vậy, trọn ngày niệm Phật, trọn ngày niệm tâm ; trọn ngày niệm tâm là trọn ngày không niệm ; Tức tâm tức Phật, chẳng phải Phật chẳng phải tâm, thế mới gọi là người chơn niệm Phật vậy.

CHÚ - THÍCH

KINH A-DI-ĐÀ SỚ-SAO

QUYỀN THỨ BA

- (1) « **Vui mà không đắm** » : Sách Luận-ngũ, đức Phụ-Tử nói : « Thọ Quan-tho vui mà không đắm, thương mà chẳng hại ». Lời chú : Đắm : vui quá độ mất điều chánh-đáng. Hại : vì quá ư thương mà hại nơi Hòa.
- (2) « **Thế-giới mới bình** » : Đương đời đức Phật Phồ-Quang, ông Tri-Địa Bồ-Tát, tu hành : bồi đắp che bằng mặt đất trên đường lộ. Đến thuở đức Tỳ-Xá Như-Lai, có nhà vua trong nước rước Phật chứng tiệc chay ; bấy giờ Bồ-tát vẫn đương bình-trị địa-giới đề đợi Phật đi qua. Như-Lai đến rồi đầu Bồ-Tát và dạy rằng : phải lo bình lấy tâm địa, thì tất nhiên thế-giới sẽ bình theo, vì cảnh không ngoài tâm.
- (3) « **Tâm có cao thấp** » : Kinh Duy-Ma chép : Xá-lợi-Phất nói tôi thấy thế-giới đây có gò nòng hầm hố gai góc cát sạn, các núi đất đá, như nhóp đầy-nhảy. Trời Phạm-Vương phê bình : Đó là tự Nhơn-giả tâm còn cao thấp, không nương nơi Phật-huệ, thành thử thấy thế-giới này bất-tịnh thể thôi. Nhơn đó, Phật dùng ngón chơn bấm xuống đất, tức thì đại-thiên thế-giới hiện thành cõi tịnh-bửu-nghiêm.
- (4) « **Ba thứ ý-sanh-thân** » : 1.- Chánh-thụ ý-sanh-thân : cái thân này sống bằng cái vui pháp tam-muội, thân này thuộc về các thánh Thanh-văn 2.- Tánh ý-sanh-thân : sống bằng cách biết tự-tánh của các pháp, thân này thuộc về các Thánh Bồ-tát. 3.- Vô-hành tác ý-sanh-thân : sống bằng cách đều sống với các chủng-loại, thân này thuộc về của các đức Phật.
- (5) « **Bốn thứ tam-muội** » : 1.- Pháp tam-muội thường đi : kinh Ban-Châu dạy lập một kỳ hạn 90 ngày, chuyên tâm niệm danh hiệu

của Phật A-Di-Đà. Cũng gọi là Phật lập tam-muội ; nghĩa là trong 90 ngày đó không được ngồi nằm, chỉ đứng niệm Phật. 2.- Thường tọa tam-muội kinh Văn-Thù Văn-Bát-Nhã dạy rằng : chín mươi ngày làm kỳ hạn, chuyên tâm buộc về lý pháp-giới, chớ không kiem đến sự tướng cũng gọi là Nhất-hạnh tam-muội nghĩa là chuyên một hạnh niệm Phật bằng cách quán xét lý pháp giới. 3.- Bán hành bán tọa tam-muội : tu pháp này không nhất định kỳ hạn ; hoặc 21 ngày, hoặc bảy ngày, hoặc 10 ngày, đề niệm Phật bằng cách lạy các pháp sám Phương-đẳng, Pháp-hoa... Ba pháp trên đồng là quán xét lý thật tướng. 4.- Phi-hành phi-tọa tam-muội : trong các kinh về phép tu này chẳng chuyên đi và ngồi, đều thân thuộc về pháp đây, tức là tùy theo tự-y tam-muội, một pháp này chỉ thuộc sự quán.

- (6) « Đọa loài chim nầy » : Nguyên trước, thì đức Thích-Ca và ông Điều-Đạt cả hai cùng đọa làm một con chim Cộng-mạng, gọi là « Báo đồng thức dị » nghĩa là vẫn đồng một cái báo thân, mà thức tánh lại khác nhau. Thành thử một đàn làm Điều-Đạt thì ưa ngủ mãi, một đàn làm Thích-Ca thì ưa thức ; bên thức nhưn kiếm được quả thơm ngon để ăn ; bên ngủ thức dậy ganh ghét chỉ trích rằng : Sao lại dối ta kiếm ăn một mình, và nghĩ bụng để kiếm trái độc hại đi cho rồi. Nên sau khi ăn độc quả, hai mạng đều chết luôn !
- (7) « Tiếng đồn người Do » : Người Do tức là Tử-Lộ. Đức Phụ-Tử nói : Người Do khỏi đồn sắc có ích gì với nhà của ta ? ! Lời chú rằng : tiếng đồn của Do nó bất hòa, vì nghe ra nó xằng quá, không dễ hòa rập với tiếng đồn của ai cả ! — « Tiếng nói nước Trịnh ». Đức Khổng-Tử nói : Buông bỏ tiếng nói của nước Trịnh, xa lìa lời của người nịnh. Vì tiếng ấy lừa dối và tà ; người ấy là miệng lời lạnh-lợi và hại.
- (8) « Huỳnh chung đại lũ » : Âm nhạc có 12 tiếng luật : 6 tiếng thuộc dương là : 1.- Huỳnh-chung ; 2.- Thái-thốc ; 3.- Cô-tây ; 4.- Nhuy-tân ; 5.- Di-tắc ; 6.- Vô-dịch. — 6 tiếng thuộc âm là : 1.- Đại-lũ ; 2.- Giáp-chung ; 3.- Trọng-lũ ; 4.- Lâm-chung ; 5.- Nam-lũ. 6.- Ứng-chung.
- (9) « 37 đạo phàm » : xin xem cái biểu-đồ ở phần kỷ-niệm sách Khánh-Anh « văn sao » sẽ dễ hiểu hơn.

(10) « 22 căn » : 1.- Đức tin ; 2.- Tấn tới ; 3.- Nghĩ nhớ ; 4.- Lòng định ; 5.- Huệ-sáng ; 6.- Lòng lo ; 7.- Lòng mừng ; 8.- Cự khê ; 9.- Vui sướng ; 10.- Xả bỏ ; 11.- Nhân : mắt ; 12.- Nhĩ : tai ; 13.- Tỷ : mũi ; 14.- Thiết : lưỡi ; 15.- Thân : mình ; 16.- Ý : nghĩ ; 17.- Nam-căn : ngọc hành ; 18.- Nữ-căn : âm hộ ; 19.- Căn chưa biết muốn biết ; 20.- Căn đã biết ; 21.- Mạng căn, và 22.- Căn đã biết.

(11) « Năm món tà-mạng » : 1.- Mong vì lợi-duỡng mà giả dối hiện ra các tướng lạ lùng, như là : ngã ngồi, ăn ót, tịch cốc, đi đầu trần, cử cơm ăn mì, ăn bông chuối, dị-đoan, mê-tín đối gạt kẻ tín tâm, tham cầu lợi-duỡng không nghe lời cha mẹ, phản nghịch với thầy tổ bôn-tông v.v... 2.- Cốt vì lợi-duỡng mà tự khoe công-phu đức-hạnh của mình ra để người kính trọng, như là : thánh thần mách bảo như thể họ, Diêm-chúa mời hỏi như thể kia v.v... 3.- Chuyên nghề : bói quẻ, coi tướng, coi số, dùng làm cơ-quan thuyết-pháp bằng cách cát hung, họa phước xui hên để thủ lợi. 4.- Lợi-dụng mưu thần chúc quỷ, bùa ngải thư ếm, dọa nạt hăm he, cho người khiếp sợ lo lắng ; 5.- Khoe nói kể kia dăng họ vật kia, người họ cúng dường món họ, ông A có đạo tâm lắm, vì đã cúng tiền mặc áo Phật, bà B có lòng thành lắm, vì hằng bữa họ đồ ăn cho chúng tăng. Quan lớn kia cả nhà được phước đức nhiều lắm, vì thường ngày về chùa lạy Xá-lợi của Phật luôn v.v... ; nói những lời ấy để cảm-động lòng người, để dặng lợi-duỡng. Bởi sanh-nhai bằng cách không chánh-đáng, nên báo là tà-mạng : Trái lại là chánh-mạng.

(12) « Năm ngôi » : 1.- Ngôi tư-lương : 10 tín, 10 trụ, 10 hạnh, 10 hồi-huớng. 2.- Ngôi gia hành : 4 căn hành. 3.- Ngôi thông đạt : sơ-địa nhập tâm. 4.- Tu tập-vị : sơ-địa trụ tâm, đến thập-địa xuất-tâm. 5.- Ngôi cứu cánh : Phật vị.

Với 5 ngôi trên, có chia làm 3 A-Tăng-Kỳ, để chỉ rõ lối tu hơn chúng quả của 41 vị tu Phật ; xin xem cái biểu đồ ở Nguyên-nhơn-luận.

(13) « Nhứt bực thập hàn » : Một ngày đản nắng, 10 ngày đản lạnh. Là ví dụ sự học hỏi, tu dưỡng của người, làm và nghỉ không thường. Thầy Mạnh nói : Mặc dầu có vật để sống nhứt trong thiên hạ, mà một ngày đem phơi nắng, mười ngày để đản lạnh, cũng

- chưa có thể sống nổi ; Việc tu học cũng thế : nếu một bữa học, 5, 10 bữa không ; thì sự kết-quả thành-công cũng khó mà thành được.
- (14) « Ngũ-dục » : cũng kêu là ngũ-trần : 1.- Sắc ; 2.- Thính ; 3.- Hương ; 4.- Vị ; 5.- Xúc. Người đời vì 5 thứ ấy mà làm cho chơn lý bị vùi lấp đi, nên gọi là trần. Lại ngũ-dục là : 1.- Tài. 2.- Sắc. 3.- Danh. 4.- Thực. 5.- Thụý miến. Người đời bị 5 món ấy nó kêu, gọi lòng tham muốn, nên gọi là dục. Luận Trí-độ nói : Thương cho chúng-sanh, thường bị 5 dục làm hại, vì tham cầu không thôi. Bởi 5 dục : hễ đặng thì càng khốn, như lửa ho ghê ngứa, 5 dục vô ích : như chó nhẩn đuốc lửa ; 5 dục thêm giành : như chim giành mồi ; 5 dục đốt người : như cầm đuốc nghịch gió ; 5 dục hại người : như đạp rắn đuộc ; 5 dục không thật : như mơ đuợc vàng ; 5 dục chẳng lâu : như mượn phải trả, người đời ngu si, quá tham 5 dục đến chết không buông, nên mãi luân-hồi, chịu vô-lượng khổ.
- (15) « Tám gió » : Sách Thuyết-văn chép : gió đông là gió minh-thứ, gió đông nam là gió thanh-minh ; gió nam là gió cảnh ; gió tây nam là gió lương ; gió tây là gió xương hợp ; gió tây bắc là gió bất châu ; gió bắc là gió quảng mịch ; gió đông bắc là gió dung điều.
- (16) « Tám thứ gió thanh » : Là gió trong của tám phương : 4 phương 4 góc, kinh Quán-Vô-Lượng-Thọ nói : Tám thứ gió trong từ ánh sáng ra. Tở Thiên-Thai nói : 8 thứ gió ấy, bên Tịnh-Độ hẳn không thời tiết v.v...
- (17) « Diệt-tận-định » : Tiếng Phạm : Nirodhasamàpatti. Lại tên là diệt-thụ tướng-định. Là pháp thiền-định diệt hết tâm-sở, tâm-vương của thức thứ 6, không cho nó phát-khởi hiện-hành. Các Thánh đã chứng Quả-bất-huờn nhẩn lên, vì mượn cái tướng vào Niết-Bàn, nên vào tu cái định này, rất lâu là ngồi định luôn 7 ngày, thuộc về cảnh-giới Trời phi-tướng. Còn chúng ngoại đạo tu vào cái định vô tâm, gọi là vô tướng, thuộc về Trời tứ-thiền. Sách Đại-thừa chương-nghĩa cuốn 2 nói : Diệt-tận-định ấy là : các thánh-nhơn lo vì cái tâm nó lao-lự lắm, nên tạm dứt cái tâm-thức đi, để đặng cái pháp hữu-vi phi sắc tâm bỏ vào chỗ tâm, nghĩa là diệt hết cái « thụ tâm-sở » cái « tướng tâm-sở » nên gọi là « Diệt-thụ tướng-định ».
- (18) « Trống trời » : Kinh Hoa-Nghiêm nói : Các đức Chúa Trời ở cõi tam-thập tam-thiên, lúc nào đắm say 5 thứ dục-lạc, phóng tũn-

tánh tình thì cái trống trời nó thốt tiếng ra, đề rao báo các Chúa trời rằng : cái vui ấy là vô-thường, vì vui là cái nhơn sẽ đưa đến cái khổ ; Vậy chớ nên buông lung.

(19) « Tiếng sấm rền bầu » : Lôi-âm tỷ như cung trời Đao-lợi ; bảo-lâm so như trống-trời, cũng là cảnh vật nói pháp đề kinh-tỉnh trời người.

(20) « Công-đức và tánh công-đức » : Hu-không công-đức ấy, Luận Vãng-sanh lời tụng rằng : Vô lượng bầu lẫn sâu, lưới giăng giữa hư không, mỗi thứ linh reo lên tiếng, kêu ra tiếng pháp rất hay. — Tánh công đức ấy, lời tụng rằng : Đạo chánh, từ bi lớn, vì sản-xuất các căn lành.

(21) « ... vô-biên quang » : Kinh Vô-Lượng-Thọ nói : Đức Vô-Lượng-Thọ Phật có uy-thần quang minh là bọc nhứt... thế nên đức Vô-Lượng-Thọ Phật hiệu là : Vô-Lượng-Quang Phật, Vô-Biên-Quang Phật, Vô-Ngại-Quang Phật, Vô-Đối-Quang Phật, Diệm-Vương-Quang Phật, Thanh-Tịnh-Quang Phật, Hoan-Hỷ-Quang Phật, Trí-Huệ-Quang Phật, Bất-Đoạn-Quang Phật, Nan-Tư-Quang Phật, Vô-Xúng-Quang Phật, và Siêu-Nhứt-Nguyệt-Quang Phật. Cả 12 Phật trên đều là mỗi tên hiệu riêng của đức Phật A-Di-Đà.

(22) « Số thọ trăm năm » : Cái thời kỳ Phật Thích-Ca ra đời nhằm kiếp giảm của tiểu kiếp thứ 9. Bấy giờ số trung bình tuổi sống mỗi người là một trăm tuổi ; từ đó về sau : Cứ một trăm năm là giảm 1 tuổi... đến nay đã giảm mất 25 năm rồi, vì từ Phật ra đời đến nay đã trải qua là 2516 năm, thế thì hiện nay (năm Quý-Tỵ 1953) số trung bình mỗi người còn được 75 tuổi.

(23) « 8 vạn tuổi » : Là số thiếu của « 8 vạn 4 nghìn », với giữa thời kỳ tăng lấy tuổi sống của mỗi người đủ 8 vạn 4 nghìn tuổi là rất dài ; lấy tuổi sống của mỗi người còn 10 tuổi và rất ngắn.

Luận Cu-Xá nói : từ 10 tuổi đến 8 vạn, lại từ 8 vạn đến 10 tuổi. Như tiểu kiếp thứ chín này, về thời kỳ giảm ; thuở con người sống còn 60.000 tuổi, là cái thời Phật Câu-Lưu-Tôn ra đời..., cứ giảm xuống 100 năm là giảm 1 tuổi... mãi xuống thuở mà con người sống còn 100 tuổi, là cái thời Phật Thích-Ca ra đời. Luân-Vương ra đời nhằm thuở người sống đủ 8 vạn 4 nghìn

tuổi, vì là thời tăng. Đọc theo tiếng Phạm : *Cakravar ti-raja*, dịch : *Chuyên-Luân Thánh-Vương*. *Luân Cu-Xá* cuốn 12 nói : *Châu-Nam Diêm-Phù-Đề* này, về thời tăng, con người sống đủ 8 vạn tuổi, bấy giờ có vị *Chuyên-Luân Thánh-Vương* ra đời, thân có 32 tướng tốt ; từ 8 vạn 4 ngàn tuổi của mỗi người sống, là cái thời của *Luân-Vương* ra đời ; đến thời giảm : từ mỗi người sống còn chỉ tám vạn tuổi sắp xuống đến chỉ còn 10 tuổi, trong thời gian đó chẳng có *Luân-Vương*, vì những hạnh phúc giàu, vui, sống lâu của chúng-sanh ở thế-giới này đều bị tổn giảm, mà độc ác phiền-não càng tăng thạnh, phi căn-khí của đại-nhơn, nên không có *Luân-Vương* ra đời.

Thiên Đễ-Thích : Trời này ở trên đỉnh núi *Tu-Di*, thân tướng dài một do tuần, sống lâu một ngàn tuổi, một ngày ở đây bằng một trăm năm ở dưới nhân-gian.

- (24) « **Pháp-vương** » : *Pháp* là vạn pháp, *Vương* là tự tại. Đối với vạn pháp Phật đều sáng suốt, tự tại vì không còn một pháp nào làm chướng ngại, nên gọi *Pháp-vương*. *Kinh Duy-Ma* phẩm *Phật-quốc* nói : Đối với các pháp được tự tại, thế nên cúi đầu lạy thánh-nhơn ngôi tốt gọi là *Pháp-vương*. *Phàm-nhơn* ngôi tội gọi là *Luân-vương*.
- (25) « **Số tăng kỳ** » : Đọc đủ là *A-Tăng-Kỳ*, dịch : vô-số tiếng Phạm. *Asanikhya*. Cách đếm : muôn muôn là một vạo (tức), muôn vạo là triệu. Một *A-Tăng-Kỳ* là : một ngàn muôn muôn muôn muôn muôn muôn muôn muôn triệu. Tiếng Phạm lại là : *Asanikhy ya* tức là : 100.000.000.000.000.000.000.000.
- (26) « **10 con số lớn** » : Chưa kịp thấy ; xin nhờ vị nào rộng thấy bõ cho.
- (27) « **Số lạc xoa** » : Tiếng Phạm : *Laksa*. Một lạc xoa là 10 vạn. Một trăm lạc-xoa là một cu-chi, cu-chi có 3 hạng : một là mười vạn ; hai là trăm vạn ; 3 là nghìn vạn.
- (28) « **Số vô lượng** » : Sách *Nhiếp-Đại-thừa*, luận thích cuốn 8 nói : Không thể sánh ví để biết đặng là vô-lượng, vì quá nhiều quá lớn, chẳng kể lường. Một vô-lượng là 100.000.000.000.000.000.000.000.000.000.

(29) « **Ta-Bà 1 kiếp, Cực-Lạc 1 ngày đêm** » : Kiếp có 3 hạng :
1.- Tiểu kiếp, kể có 16 triệu năm (16.000.000 năm). 2.- Trung kiếp, kể có 3 trăm hai chục triệu năm (320.000.000 năm). 3.- Đại kiếp, kể có một nghìn 2 trăm 80 triệu năm.

(30) « **Một Đại-kiếp** » : Kể có 1.280.000.000 năm.

(31) « **Con cháu Vương Lão-sư** » : Uy-Âm-Vương Phật là đức Phật trước nhứt ra đời thuở không kiếp mới thành ; còn về trước thì chưa có Phật xuất thế : nên chỉ trong Tông-môn chỉ về chỗ trước nhứt, là nói rằng Uy-Âm Na-Bạn nghĩa là trước Phật Uy-Âm-Vương. Tb-định-sự-uuyền cuốn 5 nói : Về trước Phật Uy-Âm, đó là chỉ chỗ thật-lý ; về sau Phật Uy-Âm, đó là chỉ môn Phật-Sự. Đây là mượn đề tỷ-dụ về chỗ rõ đạo, ngộ biết rằng chỗ sở-đắc chẳng từ nơi ai. Nghĩa là sở-đắc ấy cực kỳ lâu xa trước hơn hết. Vì cho Phật tánh là cái có từ trước, còn Phật-Sự là việc ở sau.

Vương Lão-Sư : Đất Trì-Châu Nam-Tuyền, Ngài Phồ-Nguyễn Thiền-Sư họ Vương, thường tự xưng là Vương Lão-Sư. Ngài Hoàng-Bách đến tham học nơi Nam-Tuyền, bữa nọ đến thời cơm trưa, bưng bình-bát tới trước ngồi lên chỗ ngồi của Nam-Tuyền ; Nam-Tuyền tới sau, thấy thế hỏi : Trưởng-Lão này hành đạo tu trong khoảng năm nào ? Sư Hoàng-Bách đáp : Trước Phật Uy-Âm. Nam-Tuyền bình rằng : Cũng còn là con cháu của Vương Lão-Sư này ? Vì là cái chỗ ta đã ngồi từ trước rồi. (Nếu hiệp về lý-tánh : Thì Phật-tánh sẵn có từ Vô-Thỉ, không những từ Uy-Âm ra đời).

(32) « **Ô-Ba-Ni-Sát-Đàm** » : Tiếng Phạn : Upanisad. Dịch : Gần tt, rất nhỏ, là một con số đã cùng cực ; Đại-Luận dịch là Vi-tế-phần, là phân tích đã đến chỗ tột, còn số Lân-hư nữa là hết.

(33) « **Xóm Trang nhạc** » : Đối với Đới-bất-thắng, thầy Mạnh bảo rằng :

— Ở tại nước Sở quan Đại-Phu muốn cho con mình nói tiếng nước Tề, vậy khiến người nước Tề dạy nó nói, hay là sai người nước Sở dạy nó nói ư ?

— Sai người nước Tề dạy nó nói.

— Chỉ có một người nước Tề dạy nó học nói tiếng nước Tề, mà chung quanh nó phần nhiều là người nước Sở hằng giờ

toàn nói tiếng nước Sở, thì dù cho hằng ngày đánh đề buộc nó nói tiếng nước Tề, cũng chẳng thể được ; Còn như đem nó đề ở giữa xóm Trang-Nhạc bên nước Tề chừng vài năm, dù mỗi ngày đánh buộc nó nói cũng không thể được. Tỷ rằng chúng-sanh văng ở giữa nhóm Chư-thượng Thiên-nhơn, thì đã để lại mau thành bực người bên nước Cực-Lạc.

(34) « Vô-ương-số » : Do tiếng « A-Tăng-Kỳ », mà dịch là Vô-hoặc dịch là Vô-ương. Vô-ương cũng như vô-tận, tức là vô cùng tận.

(35) « Bần mẫu sanh lên » : Thuở xưa, có một cụ già, hết sức nghèo khổ, đến nỗi không có cái chồi để che thân, nên thường vùi núp nơi đồng cỏ rác của chúng nhơn ở chợ đem đồ bỏ ; hằng ngày đi kiếm đồ dư thừa cận cẩu của nhơn dân vứt bỏ đem về ăn !

Tờ Ca-Diếp thấy thương muốn tạo phước cho, nên đến xin vật ăn ; bần mẫu đem đồ cận bã đã mới lượm về dâng cho Tờ. Tôn Giả hỏi : Bà nguyện được chi ? Bà lão thưa rằng : Già này chỉ muốn trả rồi kiếp nghèo khổ, là được siêu-sanh lên cõi trời, là chỉ nguyện thế thôi. Vài ngày sau Bà mãn phần, thần thức được sanh lên cõi trời Đạo-Lợi, hưởng phúc hơn các trời trong cõi đó.

(36) « Nhạc thần trị ngục » : Vua nước Tỳ-Sa đánh với vua nước Duy-dà-Thi, nhưng vũ-lực chẳng bằng, phải bại trận : Nghĩ giận mà thề rằng : Qua đời sau ta làm Diêm-chúa nơi Địa-ngục để trị bọn quân thù đó, còn 18 vị đại-thần kia, cũng đồng nguyện như thế để theo giúp việc. Hiện nay Diêm-chúa ở địa-ngục đó tức là vua nước Tỳ-Sa trước kia ; còn 18 vị chủ ngục hiện nay, cũng nguyện là 18 quan đại tướng quân trước đó. Đó là tùy nguyện v.v...

(37) « Hiệp như phù tiết » : Thầy Mạnh bàn rằng : Chỗ đặc chí của vua Thuấn vua Văn-Vương, được thi hành nơi Trung-Quốc, nó phù hợp nhau như cái ấn tiết. Phù-tiết : Làm bằng ngọc, hoặc tròn hay vuông theo ý định của đôi bên, giữa thì khắc chữ bằng thứ chữ triện xưa, rồi phân ra làm hai, mỗi bên cầm giữ một nửa, sau mỗi khi có tờ giấy gởi qua lại, đóng con dấu ấy, đem so mà đôi bên nó đều vừa vện in hích với nhau, thế là in rằng thật sự của đôi bên, khỏi bị giả mạo, nên nói hiệp như phù-tiết, nghĩa là hợp đồng với nhau.

(38) « **Cùng tử** » : Một dụ trong 7 dụ của kinh Pháp-Hoa ; cả chúng sanh 3 giới, tỷ như kẻ Cùng-tử, vì chẳng có của cải bằng pháp tài công-đức. Kinh Pháp-Hoa phẩm Tín-giải nói : Thí như người, lúc tuổi còn nhỏ, bỏ cha trốn đi, ở lâu nước khác, 4, 5, chục năm ; đến lúc đã lớn, càng thêm cùng khổ ; Giọng rudi 4 phương, đề van xin ăn mặc... Bài thí dụ ấy, bọn 4 người giữa ông Tu-Bồ-Đề... là 4 thánh Thỉnh-văn : Sau khi lãnh được công-đức Đại-thừa, mới tự nói tỷ mình như Cùng-tử... Kinh Lăng-Nghiêm cuốn nhứt nói tỷ như Cùng-tử bỏ cha trốn đi. Ông Lưu-thủy giải lời sớ rằng : Hẳn không công-đức pháp tài để nuôi pháp thân huệ mạng, nên gọi Cùng-tử !

(39 - 40) « **Long môn, Dinh-Châu** » : Bên nước Tàu, đời Đông-Hán có ông Lý - Ưng là người chuộng cái khí tiết thanh - bạch cao-thượng, ít giao-thiệp với ai, người nào mà được ông thu nạp, họ lấy làm vinh diệu như được lên chốn Long-Môn ; Tỷ dụ người có danh vọng rất cao cả là Long-Môn. Thư của Lý-thái-Bạch dâng cho Hán-kinh-Châu có 2 câu : Nhứt đấng Long-Môn giá trọng bách bội ! — Đời Đường vua Thái-Tôn mở cái quán Hàng-Văn, dùng các ông : Đỗ-như-Hối, Ngô-thế-Nam, Chữ-toại-Lương... cả 18 người làm chức Học-sĩ ; Người ta khen tặng là rất vinh-hạnh, vì được tuyển vào chốn Dinh-Châu ! Là hòn núi giữa biển Đông. Sử-ký nói : Giữa biển có 3 núi thần tiên, là Bồng-Lai, Phương-trượng và Dinh-Châu (các hòn đảo nước Nhật-Bồn ngày nay) mà người Tàu xưa cho là chỗ ở của các ông Tiên biết bay ! ?

(41) « **Cầu vào hội Liên-lục** » : Ngài Trường-Lô-Sách Thiền-sư hiệu-triệu tổ-chức thành-lập lên hội Liên-Hoa thắng, để phò-khuyến niệm Phật. Ban đêm ông nằm mộng : Có người khăn đen áo trắng, vóc-dạng thanh tốt, chấp tay thưa rằng : Xin vào cho tôi Liên-Hoa-Thắng hội của ngài. Thiền-sư hỏi : Tên Chi ? — Phồ-Huệ. Biên rồi. — Gia huynh tôi là Phồ-Hiền cũng nhờ ngài biên vào. Đến chừng thức giấc dậy, Thiền sư nhớ lại trong phẩm Ly-thế-gian của kinh Hoa-Nghiêm có danh đức của hai vị Bồ-tát ấy, thành thử đem hai đức Bồ-tát đứng đầu hội.

« Chon xóm có nhơn » Sách Luận-Ngũ, đức Phu-Tử nói : Xóm nào mà nhân dân lòng đều có nhơn, mới là thuần phong mỹ-tục ; người mà chẳng chọn chỗ ở có điều nhơn, thì đâu phải là có trí !

(42) « **Đạo nhơn khó thực, đạo khác khó thành** » : Với Ngũ Cốc là thứ giống rất tốt, vì loài người sống nhờ nó, nên đã tặng cho nó một danh rất quý báu là « **hột ngọc** » ! Thế mà, nếu với việc làm mùa không chuyên thực, thì trái lại, nó chẳng bằng giống **Đề-Bái**, là thứ lúa lép, lúa ma ! Ôi ! Với việc tu nhơn cũng thế : Cốt tu làm sao cho được chuyên thực đó mà thôi ! ? Chớ đừng tưởng rằng : Với cái đạo tu nhơn cho là khó chuyên thực, rồi bỏ đi, lại tính tu qua cái đạo gì khác cho có thành. Ý là : Tu trì-danh-niệm Phật khó chuyên thực, rồi thôi đi, để tu pháp gì khác cho mau thành ! Thì ra, người như thế đó, dù tu học cái gì cũng bất thành ! Vì với cái nọ đã lam-nham, thì đầu cái kia cũng trật vuột như nhau !